**Bảng so sánh, tiếp thu giải trình của Cục ĐSVN**

**về Dự thảo Thông quy định về vận tải hành khách, hành lý trên đường sắt quốc gia và đường sắt chuyên**

**dùng có nối ray với đường sắt quốc gia thay thế Thông tư số 78/2014/TT-BGTVT ngày ngày 24/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải**

(Ban hành kèm theo tờ trình số: /CĐSVN- TTr ,ngày tháng năm 2017 của Cục Đường sắt Việt Nam)

**1. Ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị:**

Cục ĐSVN đã có văn bản số 1887/CĐSVN-VT&ATGT ngày 13/9/2017 của Cục ĐSVN xin lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị đối với dự thảo Thông tư (lần 1) “Thông tư quy định về vận tải hành khách hành lý trên đường sắt quốc gia và đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia. Theo đó các cơ quan đơn vị ý kiến bao gồm Theo đó có 14 cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến, đó là: Vụ Vận tải, Vụ Pháp chế, Vụ An toàn giao thông, Vụ Môi trường, Vụ Hợp tác quốc tế; Tổng cục Đường bộ Việt Nam; Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; Cục Hàng hải Việt Nam; Cục Cảnh sát giao thông – Bộ Công an; Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Hà Nội; Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Sài Gòn; Hội kinh tế và vận tải Đường sắt; Công ty ApaTít Việt Nam. Tính đến ngày 02/10/2017, Cục ĐSVN đã nhận được ý kiến của 12 đơn vị cụ thể là:

+ VụVận tải (Văn bản số 11006/BGTVT-VT ngày 28/9/2017);

+ Vụ Pháp chế (483/PC ngày 03/10/2017;

+ Vụ Môi trường (Văn bản số 11179/BGTVT-MT ngày 03/10/2017) ;

+ Vụ Hợp tác quốc tế (Văn bản số 392/HTQT ngày 27/9/2017)

+ Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Văn bản số 5964/TCĐBVN-PCTT ngày 25/9/2017) ;

+ Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (Văn bản số 2074/CĐTNĐ-VT-ATGT ngày 25/9/2017) ;

+ Cục Hàng hải Việt Nam (Văn bản số 3967/CHHVN-VTDVHH ngày 03/10/2017);

+ Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (Văn bản số 2950/ĐS-VT ngày 03/10/2017) ;

+ Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Hà Nội (Văn bản số 2447/VTHN-NS ngày 02/10/2017);

+ Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Sài Gòn (Văn bản số 2053/VTSG-KD&CSKH ngày 29/9/2017) ;

+ Hội kinh tế và Vận tải Đường sắt (Văn bản số 07/HKT&VTĐSVN ngày 01/10/2017) ;

+ Cục Cảnh sát giao thông – Bộ Công an (Văn bản số 620/C67-P11 ngày 11/10/2017)

+ Còn 02 đơn vị là; Vụ An toàn giao thông; Công ty ApaTít Việt Nam không gửi văn bản góp ý được hiểu là đồng ý với dự thảo.

**2. Sau đây là kết quả tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị và tiếp thu giải trình của Cục ĐSVN (lần 1)**

| **Nội dung Thông tư số 78/2014/TT-BGTVT** | **Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 78/2014/TT-BGTVT** | **Giải thích lý do của Cục ĐSVN khi xây dựng dự thảo để xin ý kiến** | **Ý kiến góp ý lần 1 của các cơ quan, đơn vị** | **Cục ĐSVN tiếp thu giải trình ý kiến lần 1 của các cơ quan, đơn vị** | **Nội dung dự thảo Thông tư do Cục ĐSVN tiếp thu giải trình lần 1 đối với góp ý lần 1** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **QUY ĐỊNH VỀ VIỆC VẬN TẢI HÀNH KHÁCH, HÀNH LÝ, BAO GỬI TRÊN ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA** | **QUY ĐỊNH VỀ VẬN TẢI HÀNH KHÁCH, HÀNH LÝ TRÊN ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA VÀ ĐƯỜNG SẮT CHUYÊN DÙNG CÓ NỐI RAY VỚI ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA** | **Hướng dẫn thực hiện khoản 2 Điều 52 Luật đường sắt số 06/2017/QH14** | Cục CSGT thông – Bộ Công an | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo:  Lý do: Tại khoản 2 Điều 52 Luật ĐS 2017 giao cho Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về vận tải hành khách, hành lý trên đường sắt quốc gia và đường sắt chuyên dùng có nối ray với ĐS quốc gia | **QUY ĐỊNH VỀ VẬN TẢI HÀNH KHÁCH, HÀNH LÝ TRÊN ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA VÀ ĐƯỜNG SẮT CHUYÊN DÙNG CÓ NỐI RAY VỚI ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA** |
| **Chương****I**  **QUY ĐỊNH CHUNG** | **Chương I**  **QUY ĐỊNH CHUNG** |  |  |  | **Chương I**  **QUY ĐỊNH CHUNG** |
| **Điều****1. Phạm vi điều chỉnh** | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh** |  | **Cục CSGT- Bộ Công an** | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo:  Lý do: Tại khoản 2 Điều 52 Luật ĐS 2017 giao cho Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về vận tải hành khách, hành lý trên đường sắt quốc gia và đường sắt chuyên dùng có nối ray với ĐS quốc gia | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh** |
| Thông tư này quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi; quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách, hành lý, bao gửi (sau đây gọi là doanh nghiệp) và của hành khách, người gửi bao gửi trên đường sắt quốc gia. | **Thông tư này quy định về việc vận tải hành khách, hành lý trên đường sắt quốc gia và đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia.** | Đề nghị viết lại như dự thảo  Lý do: Cho phù hợp với quy định tại Điều 52 Luật Đường sắt 2017. |  |  | Thông tư này quy định về việc vận tải hành khách, hành lý trên đường sắt quốc gia và đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia. |
| **Điều****2. Đối tượng áp dụng** | **Điều 2. Đối tượng áp dụng** |  |  |  | **Điều 2. Đối tượng áp dụng** |
| Thông tư này áp dụng đối với doanh nghiệp, hành khách, người gửi bao gửi và tổ chức, cá nhân có liên quan. | Thông tư này áp dụng đối với **các tổ chức, cá nhân có liên quan việc vận tải hành khách, hành lý trên đường sắt quốc gia và đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia.** | Đề nghị viết lại như dự thảo  Lý do: Cho phù hợp với quy định tại Điều 52 Luật Đường sắt 2017. | **Tổng công ty ĐSVN**  Đề nghị bổ sung: “…liên quan đến việc...” cho phù hợp; | Đồng ý tiếp thu và được viết lại như dự thảo | Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan **đến** việc vận tải hành khách, hành lý trên đường sắt quốc gia và đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia. |
| **Điều****3. Giải thích từ ngữ** | **Điều 3. Giải thích từ ngữ** | Đề nghị: bỏ khoản 4 Điều 3 Thông tư 78 và đưa nội dung còn lại vào Điều 3 và bố cục lại như dự thảo.  Lý do:  1. Tại khoản 4 Thông tư 78 quy định về Bao gửi là hàng hóa của hành khách được gửi nhưng không theo cùng hành khách trên chuyến tàu đó. Vì vậy thực chất đây là vận chuyển là hàng lẻ do đó không là đối tượng phải điều chỉnh của thông tư này theo quy định tại Khoản 3 Điều 52 Luật Đường sắt 2017.  2. Những nội dung còn lại, trong quá trình thực hiện Thông tư 78 đã được các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp áp dụng phù hợp chưa xuất hiện tồn tại bất cập. | **1. Vụ Vận tải**  Đề nghị bổ sung thêm định nghĩa về doanh nghiệp  **2. Hội Kinh tế và Vận tải ĐS**  Đề nghị Thông tư nên có giải thích đường sắt quốc gia; đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo  Lý do: Tại Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 đã định nghĩa về Doanh nghiệp.  2. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo  Lý do: Khái niệm đường sắt quốc gia và đường sắt chuyên dung đã được định nghĩa tại Điều 10 của Luật Đường sắt số 06/2017/QH14. | **Điều 3. Giải thích từ ngữ** |
| Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: | Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: |  |  |  | Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: |
| 1. Hành khách là người đi tàu có vé hợp lệ. | 1. Hành khách là người đi tàu có vé đi tàu hợp lệ. |  |  |  | 1. Hành khách là người đi tàu có vé đi tàu hợp lệ. |
|  | 2. Vé cứng là vé do doanh nghiệp ban hành dưới hình thức in sẵn giao cho hành khách đi tàu. |  | **1. Công ty CPVTĐS Sài Gòn**  Vé cứng: hiện nay Doanh nghiệp không còn sử dụng vé cứng, vậy nên thay bằng từ “vé giấy” cho phù hợp  **2. Vụ Pháp Chế**  Khoản 2 đề nghị viết lại nội dung giải thích các từ ngữ “vé cứng”, “vé điện tử” là vé hành khách và do doanh nghiệp **phát hành** cho phù hợp với quy định của Luật Đường sắt 2017 | 1. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo  Lý do: Đã giải thích rất rõ chất liệu in có thể là giấy hoặc bằng các chất liệu khác mà khi cần có thể sửa chữa các thông tin trên vé phải tẩy xóa.  2. Đồng ý tiếp thu | 2. Vé cứng là vé do doanh nghiệp **phát hành** dưới hình thức in sẵn giao cho hành khách đi tàu. |
|  | 3.Vé điện tử là vé do doanh nghiệp ban hành dưới hình thức file điện tử là căn cứ để doanh nghiệp cấp chỗ trên tàu cho hành khách. |  | **1. Công ty CPVTĐS Hà Nội**  Đề nghị sửa lại nội dung như sau: "Vé điện tử là bằng chứng của việc giao kết hợp đồng vận chuyển hành khách được lưu trữ dưới dạng dữ liệu điện tử trong hệ thống bán vé điện tử của doanh nghiệp *(Theo định nghĩa trong Quy chế quản lý bán vé điện tử đang áp dụng hiện hành)* | Đề nghị giữ nguyên nội dung như dự thảo và điều chỉnh cho phù hợp với lý do như sau:  - Tài Khoản 2 Điều 54 Luật đường sắt 06/2017/QH14 vì vậy đã quy định vé là bằng chứng giao kết hợp đồng vận tải hành khách và doanh nghiệp. Vé hành khách do doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách phát hành theo quy định của Pháp luật.  - Trong dự thảo thông tư đã nêu vé điện tử là một hình thức của vé doa doanh nghiệp phát hành vì vậy không cần phải định nghĩa “vé điện tử là hợp đồng giao kết” | **3.Vé điện tử là vé do doanh nghiệp phát hành, được lưu trữ dưới dạng dữ liệu điện tử và là căn cứ để doanh nghiệp cấp chỗ lên tàu cho hành khách.** |
|  |  |  | **2. Cục Hàng Hải Việt Nam**  Tại khoản 3 Điều 3: Đề nghị thay đổi từ “file điện tử” thành cụm từ “dữ liệu điện tử” và từ “website” thành cụm từ “trang thông tin điện tử” để dễ hiểu, tra cứu; | Đồng ý tiếp thu và có chỉnh sửa như đề xuất của Công ty CPVTĐS Hà Nội. |  |
|  |  |  | **3. Vụ Pháp Chế**  Khoản 3 Điều 3 đề nghị viết lại nội dung giải thích các từ ngữ “vé cứng”, “vé điện tử” là vé hành khách và do doanh nghiệp **phát hành** cho phù hợp với quy định của Luật Đường sắt 2017 | Đồng ý tiếp thu và có chỉnh sửa như đề xuất của Công ty CPVTĐS Hà Nội. |  |
|  | 4. Bán vé điện tử là hình thức bán vé qua mạng Internet tại địa chỉ website của doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách bằng đường sắt mà người mua có thể không phải trực tiếp đến các địa điểm bán vé của doanh nghiệp. |  | **1. Công ty CPVTĐS Hà Nội**  Đề nghị sửa lại nội dung như sau: "Bán vé điện tử là hình thức bán vé bao gồm bán vé qua mạng Internet hoặc bán vé trực tiếp tại các địa điểm bán vé của doanh nghiệp...".  **2. Cục Hàng Hải Việt Nam**  Tại khoản 4 Điều 3: Đề nghị thay đổi từ “file điện tử” thành cụm từ “dữ liệu điện tử” và từ “website” thành cụm từ “trang thông tin điện tử” để dễ hiểu, tra cứu; | Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo  Lý do: Viết như dự thảo đã đầy đủ các trưởng hợp bán trực tuyến và bản trực tiếp tại các tác điểm bán vé của doanh nghiệp đều phải sử dụng công nghệ tin học.  2. Đồng ý tiếp thu | 4. Bán vé điện tử là hình thức bán vé qua mạng Internet tại địa chỉ **trang thông tin điện tử** của doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách bằng đường sắt mà người mua có thể không phải trực tiếp đến các địa điểm bán vé của doanh nghiệp. |
| 2. Hành lý là vật dụng, hàng hóa của hành khách mang theo trong cùng một chuyến đi, gồm hành lý xách tay và hành lý ký gửi. | 5. Hành lý là vật dụng, hàng hóa của hành khách đi tàu mang theo trong cùng một chuyến đi, gồm hành lý xách tay và hành lý ký gửi. |  | **1. Công ty CPVTĐS Sài Gòn**  - Giải thích từ ngữ về định nghĩa Hành lý là chưa đủ, đó là: “Hành lý ký gửi là vật dụng, hàng hoá của hành khách đi tàu gửi trên toa hành lý của đoàn tàu cùng chuyến tàu ” nên viết là “Hành lý ký gửi là vật dụng, hàng hoá của hành khách đi tàu hoặc không đi tàu gửi trên toa Hành lý của đoàn tàu ” vì khi không đi tàu thì Hành khách vẫn có thể gửi hành lý hoặc khi toa HL đoàn tàu không còn chỗ nên phải gửi chuyến tàu sau.  **2. Tổng công ty ĐSVN**  **Ý kiến khác**  Hiện nay kinh doanh vận tải bằng tàu khách còn có hình thức vận chuyển “Bao gửi”. Với hình thức này trong thực tế đã góp phần tạo điều kiện phục vụ cho xã hội cũng như tăng doanh thu vận tải của doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách. Đề nghị ban soạn thảo sem xét bổ xung các nội dung về tổ chức vận chuyển bao gửi. | 1. Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo  Lý do: Đã giải thích rõ khái niệm hành lý và hành lý ký gửi. Trường hợp hành lý ký gửi không đi cùng với hành khách trên cùng chuyến tàu thì doanh nghiệp phải có giải pháp để phục vụ hành khách. Trường hợp hành lý gửi không đi cùng tàu với hành khách thì được coi là hàng hóa, không phải là hành lý theo quy định Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 không có khái niệm hàng bao gửi.  2. Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo  Lý do: tại Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 không có khái niệm hàng bao gửi.  Bao gửi thực chất là hàng lẻ vận chuyển trên tàu khách. Việc vận chuyển và thanh toán tiến vận chuyển được quy định trong Thông tư vận tải hành hóa trên đường sắt quốc gia và đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia đang được xây dựng song song với thông tư này phù hợp với Luật Đường sắt số 06/2017/QH14. | 5. Hành lý là vật dụng, hàng hóa của hành khách đi tàu mang theo trong cùng một chuyến đi, gồm hành lý xách tay và hành lý ký gửi. |
| 3. Hành lý ký gửi là vật dụng, hàng hóa của hành khách gửi trên toa hành lý của đoàn tàu cùng hành trình. | 6. Hành lý ký gửi là vật dụng, hàng hóa của hành khách đi tàu gửi trên toa hành lý của đoàn tàu cùng chuyến tàu |  | **Công ty CPVTĐS Hà Nội**  Đề nghị sửa lại nội dung như sau: "Hành lý ký gửi là vật dụng, hàng hóa của hành khách đi tàu gửi trên toa hành lý của cùng một chuyến tàu hoặc khác chuyến tàu". | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo  Lý do:  - Theo quy định của quy định của Luật Đường sắt 2017 không còn quy định việc vận chuyển bao gửi, chỉ vận chuyển hành lý ký gửi, đó là hành lý vượt quá quy định về hành lý xách tay của doanh nghiệp mà hành khách buộc phải gửi lên toa hành lý theo đoàn tàu.  - Trong trường hợp hành lý ký gửi đi theo chuyến tàu khác không đi cùng với hành khách thì đó là hàng hóa gửi theo tàu khách phải được thực hiện thwo các quy định về vận tải hàng hóa quy định trong Thông tư vận tải hành hóa trên đường sắt quốc gia và đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia đang được xây dựng song song với thông tư này phù hợp với Luật Đường sắt số 06/2017/QH14. | 6. Hành lý ký gửi là vật dụng, hàng hóa của hành khách đi tàu gửi trên toa hành lý của đoàn tàu cùng chuyến tàu |
|  | 7. Hành lý xách tay là vật dụng, hàng hóa của hành khách đi tàu được mang theo người trên cùng một chuyến tàu. |  | **Công ty CPVTĐS Hà Nội**  Đề nghị sửa lại nội dung như sau: "Hành lý xách tay là vật dụng, hàng hóa của hành khách đi tàu được mang theo người lên toa xe khách (*Lý do: Hành lý xách tay phải mang theo người lên cùng toa và tự bảo quản hành lý của mình).* | Đồng ý tiếp thu | **7. Hành lý xách tay là vật dụng, hàng hóa của hành khách đi tàu được mang theo người lên toa xe khách.**  . |
| 4. Bao gửi là hàng hóa của người gửi được doanh nghiệp nhận vận chuyển mà người gửi không nhất thiết phải đi cùng chuyến tàu đó. | Bỏ khoản 4 Điều 3 Thông tư 78  Lý do: Trong Luật ĐS 2017 không còn khái niệm báo gửi. |  |  |  |  |
|  | 9. Tổ chức hợp tác đường sắt quốc tế (sau đây gọi là Tổ chức OSJD) mà Việt Nam là thành viên. |  | **1. Công ty CPVTĐS Hà Nội**  Đề nghị sửa lại tên tổ chức OSJD thành OSZD.  **2. Tổng công ty ĐSVN**  Đề nghị sửa lại tên tổ chức OSJD thành OSZD.  **3. Cục Hàng Hải Việt Nam**  Đề nghị sửa đổi thành: “OSJD là Tổ chức hợp tác đường sắt quốc tế mà Việt Nam là thành viên”; | 1. Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo  Lý do: Theo phiểu bản tiếng Anh (chuẩn) là OSJD; Theo phiên âm tiếng Nga và tiếng Đức gọi là OSZD  2. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo lý do đã giải thích như ý kiến của Cục Hàng hải VN.  - Tại tất cả các văn bản chính thức của Tổ chức hợp tác đường sắt phiên âm tiếng anh, phù hiệu, mẫu biểu đều dùng ký hiệu là OSJD.  3. Đồng ý tiếp thu ý kiến của Cục Hàng hải sửa lại định nghĩa OSJD là Tổ chức hợp tác đường sắt mà Việt Nam là thành viên. | **8. OSJD là Tổ chức hợp tác đường sắt mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.** |
| 5. Trọng tải kỹ thuật cho phép của toa xe là trọng lượng tối đa được chở trên toa xe theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khai thác đường sắt. | 10. Trọng tải kỹ thuật cho phép của toa xe là trọng lượng tối đa được chở trên toa xe theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khai thác đường sắt. |  | **Tổng Cục ĐBVN:**  Khoản 10 Điều 3 Dự thảo Thông tư đề nghị sửa như sau: “Trọng tải kỹ thuật cho phép của toa xe là khối lượng tối đa ~~được~~ **cho phép** chở trên toa xe theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khai thác đường sắt”; | Đồng ý tiếp thu và chỉnh sửa | 9. Trọng tải kỹ thuật cho phép của toa xe là khối lượng tối đa **cho phép** chở trên toa xe theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khai thác đường sắt. |
| 6. Trường hợp bất khả kháng là những trường hợp xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù doanh nghiệp, hành khách, người gửi bao gửi đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Trong vận tải đường sắt, trường hợp bất khả kháng xảy ra do thiên tai, địch họa, dịch bệnh hoặc vì lý do bảo đảm trật tự, an ninh xã hội, tắc đường vận chuyển không do lỗi của doanh nghiệp, hành khách, người gửi bao gửi. | 11.Trường hợp bất khả kháng là những trường hợp xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù doanh nghiệp, hành kháchđã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Trong vận tải đường sắt, trường hợp bất khả kháng xảy ra do thiên tai, địch họa, dịch bệnh hoặc vì lý do bảo đảm trật tự, an ninh xã hội, tắc đường vận chuyển không do lỗi của doanh nghiệp, hành khách. |  |  |  | 10.Trường hợp bất khả kháng là những trường hợp xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù doanh nghiệp, hành khách đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Trong vận tải đường sắt, trường hợp bất khả kháng xảy ra do thiên tai, địch họa, dịch bệnh hoặc vì lý do bảo đảm trật tự, an ninh xã hội, tắc đường vận chuyển không do lỗi của doanh nghiệp, hành khách. |
| 7. Hàng nguy hiểm là hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nguy hiểm do cơ quan có thẩm quyền quy định. | 12. Hàng nguy hiểm là hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nguy hiểm do cơ quan có thẩm quyền quy định. |  | **Tổng Cục ĐBVN:**  Khoản 12 Điều 3 Dự thảo Thông tư đề nghị sửa như sau: “Hàng nguy hiểm là **hàng hóa có chứa các chất nguy hiểm khi vận chuyển có khả năng gây nguy hại tới tính mạng, sức khỏe con người, môi trường, an toàn và an ninh quốc gia** thuộc danh mục hàng hóa nguy hiểm do cơ quan có thẩm quyền quy định”;  Phòng PCTT – Cục ĐSVN (đơn vi thẩm định Hồ sơ)  Đề nghị bỏ khoản 12 vì đã được quy định tại khoản 1 Điều 62 Luật Đường sắt 2017~~.~~ | Đề nghị bỏ nội khoản này  Lý do: Đã quy định tại khoản 1 Điều 62 Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 về vận tải hàng nguy hiểm.  Đông ý tiếp thu đã giả thích như Tổng Cục ĐBVN |  |
| **Chương****II** |  | Chuyển toàn bộ nội dung Chương 2 của Thông tư số 78 vào nội dung Chương V của dự thảo Thông tư phù hợp với Dự thảo để cương đã được Bộ GTVT chấp thuận tại văn bản số 10020/BGTVT-VT ngày 05/9/2017. |  |  |  |
| **QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ TRONG VẬN TẢI** |  |  |  |  |  |
| **HÀNH KHÁCH, HÀNH LÝ, BAO GỬI** |  |  |  |  |  |
| **Điều****4. Nghĩa vụ của doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách, hành lý, bao gửi** |  |  |  |  |  |
| 1. Niêm yết tại nơi giao dịch giữa doanh nghiệp và hành khách, người gửi bao gửi các nội dung theo Thông tư này và các văn bản có liên quan đến việc bán vé, gửi, nhận hành lý, bao gửi; tổ chức giải đáp và hướng dẫn những vấn đề cần thiết cho hành khách, người gửi hành lý, bao gửi. |  |  |  |  |  |
| 2. Tại ga, trạm có tổ chức đón, tiễn hành khách phải có nơi đợi tàu, cửa bán vé, phải niêm yết, thông báo công khai tại vị trí dễ quan sát các nội dung sau: |  |  |  |  |  |
| a) Giờ tàu, giá vé, giá cước, kế hoạch bán vé. Đối với các tàu bán vé bằng hệ thống điện tử phải thông báo số chỗ còn cho hành khách; |  |  |  |  |  |
| b) Danh mục hàng hóa cấm vận chuyển bằng tàu khách; |  |  |  |  |  |
| c) Các quy định của doanh nghiệp về trách nhiệm phục vụ hành khách đi tàu; |  |  |  |  |  |
| d) Nếu có tổ chức nhận và trả hành lý ký gửi, bao gửi phải có nơi bảo quản hành lý ký gửi, bao gửi; niêm yết giá cước, giá xếp dỡ hành lý ký gửi, bao gửi. |  |  |  |  |  |
| 3. Doanh nghiệp phải có các biện pháp kiểm tra, kiểm soát để đảm bảo an toàn, an ninh cho hành khách, hành lý, bao gửi trên tàu, dưới ga. |  |  |  |  |  |
| 4. Các loại tàu khách phải có những trang thiết bị theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khai thác đường sắt. |  |  |  |  |  |
| 5. Khi tàu khách đi, đến ga chậm giờ theo lịch trình, đại diện của doanh nghiệp, trưởng tàu phải thông báo kịp thời cho hành khách và những người có quyền và nghĩa vụ liên quan biết. |  |  |  |  |  |
| 6. Các quy định của doanh nghiệp về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi phải phù hợp với các quy định của Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được công bố công khai. |  |  |  |  |  |
| 7. Ngoài các nghĩa vụ quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 và khoản 6 của Điều này, doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách, hành lý, bao gửi còn phải thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 97 và Điều 98 của Luật Đường sắt. |  |  |  |  |  |
| **Điều****5. Quyền của doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách, hành lý, bao gửi** |  |  |  |  |  |
| 1. Yêu cầu người đi tàu, hành khách, người gửi bao gửi, người nhận bao gửi mua vé bổ sung khi không có vé hoặc vé không hợp lệ. |  |  |  |  |  |
| 2. Được quyền từ chối, đình chỉ vận chuyển hành khách, hành lý, bao gửi đã có vé trong các trường hợp sau đây: |  |  |  |  |  |
| a) Người đi tàu, hành khách, người gửi bao gửi không thực hiện yêu cầu mua vé bổ sung theo quy định tại khoản 1 của Điều này; |  |  |  |  |  |
| b) Hành khách đi tàu không chấp hành các quy định tại Thông tư này, nội quy đi tàu và các quy định khác của pháp luật có liên quan; |  |  |  |  |  |
| c) Trẻ em từ đủ 10 tuổi trở xuống (nếu không xác định được tuổi thì có chiều cao dưới 1,32 m) mà không có người lớn đi kèm; |  |  |  |  |  |
| d) Người say rượu, người mất trí, người có bệnh truyền nhiễm, người có bệnh tật mà bác sỹ chỉ định không di chuyển hoặc xét thấy có thể nguy hiểm đến bản thân người đó khi đi tàu (trừ trường hợp có người đi cùng trông nom và người có bệnh truyền nhiễm đã được cách ly an toàn); |  |  |  |  |  |
| đ) Do nguyên nhân bất khả kháng hoặc phải vận tải phục vụ nhiệm vụ đặc biệt theo mệnh lệnh của cơ quan có thẩm quyền như phục vụ công tác cứu nạn, cứu hộ, an ninh, quốc phòng. |  |  |  |  |  |
| 3. Ngoài các quyền của doanh nghiệp quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này, doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách, hành lý, bao gửi còn có các quyền quy định tại khoản 1 Điều 97 của Luật Đường sắt. |  |  |  |  |  |
| **Điều****6. Nghĩa vụ của hành khách, người gửi bao gửi** |  |  |  |  |  |
| 1. Thanh toán tiền cước và các chi phí khác theo quy định tại ga đi. |  |  |  |  |  |
| 2. Thanh toán tiền cước và chi phí phát sinh khi bị phát hiện chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đầy đủ. |  |  |  |  |  |
| 3. Thanh toán các khoản tiền cước và các chi phí phát sinh trong quá trình vận chuyển chưa thu hoặc thu chưa đủ theo quy định tại ga đến. |  |  |  |  |  |
| 4. Hành khách đi tàu phải: |  |  |  |  |  |
| a) Có vé đi tàu hợp lệ; |  |  |  |  |  |
| b) Chấp hành nội quy đi tàu và các quy định khác của pháp luật có liên quan; |  |  |  |  |  |
| c) Trẻ em từ đủ 10 tuổi trở xuống (nếu không xác định được tuổi thì có chiều cao dưới 1,32 m) đi tàu phải có người lớn đi kèm. |  |  |  |  |  |
| 5. Xuất trình đầy đủ vé và giấy tờ hợp lệ cho các nhân viên đường sắt có trách nhiệm kiểm soát khi vào, ra ga, trạm, khi lên tàu, khi ở trên tàu. |  |  |  |  |  |
| 6. Ngoài các nghĩa vụ quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 5 của Điều này, hành khách, người gửi bao gửi còn phải thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 99 của Luật Đường sắt. |  |  |  |  |  |
| **Điều****7. Quyền của hành khách, người gửi bao gửi** |  |  |  |  |  |
| Được quyền từ chối đi tàu, gửi hành lý, bao gửi khi: |  |  |  |  |  |
| 1. Doanh nghiệp vi phạm quy định của Thông tư này hoặc các quy định khác thuộc trách nhiệm mà vi phạm đó có thể gây nguy hại trực tiếp hoặc gián tiếp đến tính mạng, sức khỏe; làm hư hỏng, mất mát hành lý, bao gửi của bản thân hành khách hoặc của người gửi bao gửi. |  |  |  |  |  |
| 2. Doanh nghiệp không vận chuyển đúng chuyến tàu, đúng thời gian ghi trên vé nhưng không thương lượng được với hành khách, người gửi bao gửi để thay đổi. |  |  |  |  |  |
| 3. Ngoài các quyền quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này, hành khách, người gửi bao gửi còn có các quyền quy định tại khoản 1 Điều 99 của Luật Đường sắt. |  |  |  |  |  |
| **Chương****III** | **Chương II** |  |  |  | **Chương II** |
|  |  |  | **Tổng cục ĐBVN:**  Về bố cục của Thông tư  Đề nghị gộp các nội dung giải quyết sự cố, trở ngại đối với hành khách, vận tải hành lý tại Chương IV dự thảo Thông tư vào Chương III, Chương III | Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Thông tư  Lý do:  - Để phù hợp với Để cương đã được Bộ GTVT phê duyệt tại văn bản số 10020/BGTVT-VT ngày 05/9/2017.  - Để đảm bảo tính logic trong giải quyết các vấn đề liên quan đến vận tải hành khách và hành lý. |  |
| **VẬN TẢI HÀNH KHÁCH,**  **VÉ HÀNH KHÁCH** | **VẬN TẢI HÀNH KHÁCH** | Chuyển Chương III của Thông tư số 78 vào dự thảo Chương II của dự thảo Thông tư số và sửa đổi tên chương cho phù hợp với để cương đã được Bộ GTVT chấp thuận tại văn bản số 10020/BGTVT-VT ngày 05/9/2017. |  |  | **VẬN TẢI HÀNH KHÁCH** |
| **Điều****8. Vé hành khách, hành lý ký gửi, bao gửi** | **Điều 4. Vé hành khách** | Chuyển nội dung Điều 8 của Thông tư số 78 vào nội dung Điều 4 của dự thảo Thông tư và sửa đổi tên điều cho phù hợp với dự thảo đề cương đã được Bộ GTVT chấp thuận tại văn bản số 10020/BGTVT-VT ngày 05/9/2017. |  |  | **Điều 4. Vé hành khách** |
| 1. Vé hành khách, hành lý ký gửi, bao gửi là bằng chứng của việc giao kết hợp đồng vận chuyển hành khách, hành lý ký gửi, bao gửi. Vé hành khách, hành Iý ký gửi, bao gửi (vé giấy hoặc vé điện tử) do doanh nghiệp phát hành theo mẫu đã đăng ký với cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền. | 1. Vé hành khách là bằng chứng của việc giao kết hợp đồng vận chuyển hành khách, hành lý. Vé hành khách, hành lý do doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách bằng đường sắt (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp) phát hành theo mẫu đã đăng ký với cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền. Vé hành khách được ban hành theo hình thức vé cứng và vé điện tử. | Viết lại cho rõ nghĩa trên cở sở khoản 1 Điều 8 của Thông tư 78, chuyển vào khoản 1 Điều 4 dự thảo Thông tư nay. | **1. Tổng Cục ĐBVN**  Đề nghị sửa đổi Khoản 1 Điều 4 Dự thảo Thông tư như sau: “Vé hành khách là bằng chứng của việc giao kết hợp đồng vận chuyển hành khách, ~~hành lý~~”.  **2. Công ty CPVTĐS Hà Nội**  Đề nghị sửa thành: "Vé hành khách, hành lý là bằng chứng của việc giao kết hợp đồng vận chuyển hành khách, hành lý...".  **3. Công ty CPVTĐS Sài Gòn**  Tại dòng 2 mục 1 bỏ cụm từ “hành lý”.  **4. Cục Hàng Hải Việt Nam**  Đề nghị kết hợp định nghĩa “Vé hành khách” vào nội dung giải thích từ ngữ tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 Thông tư này;  **5. Vụ Pháp chế**  Khoản 1 Điều 4 đề nghị thay từ “ban hành” bằng “phát hành”. | 1. Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo  Lý do: Trong trường hợp này vé hành khách bao gồm cả vé cho người và hành lý xách tay. không phải là vé hành lý ký gửi.  2. Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo  Lý do: Tại Khoản 2 Điều 54 Luật Đường sắt năm 2007 không quy định vế hành lý. Tuy nhiên trong khoản 1 Điều này đã giải quyết vấn đề vé hành lý ký gửi.  3. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo  Lý do: Đã giải thích như ý kiến của Tổng Cục ĐBVN  4. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo:  Lý do: Để phù hợp đề cương đã được Bộ GTVT chấp thuận tại văn bản số 10020/BGTVT-VT ngày 05/9/2017.  5. Đồng ý tiếp thu | 1. Vé hành khách là bằng chứng của việc giao kết hợp đồng vận tải hành khách, hành lý. Vé hành khách, hành lý do doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách bằng đường sắt (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp) **phát hành** theo mẫu đã đăng ký với cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền. Vé hành khách được phát hành theo hình thức vé cứng và vé điện tử. |
| 2. Vé hợp lệ là vé do doanh nghiệp phát hành không bị tẩy, xóa, sửa chữa, còn đủ các thông tin và phải đi đúng chuyến tàu, thời gian ghi trên vé. Trường hợp có sửa chữa, tẩy xóa trên vé phải có xác nhận của doanh nghiệp. | 2. **Khi sử dụng vé cứng,** vé hợp lệ là vé do doanh nghiệp phát hành không bị tẩy, xóa, sửa chữa, còn đủ các thông tin và phải đi đúng chuyến tàu, thời gian ghi trên vé. Trường hợp có sửa chữa, tẩy xóa trên vé phải có xác nhận của doanh nghiệp. | Sửa đổi bổ sung khoản 2 Điều 8 của Thông tư 78 chuyển vào khoản 2 Điều 4 Dự thảo Thông tư này để xét đến trường hợp khi sử dụng vé cứng thì mới có quy định này. | **1. Vụ vận tải:**  Tại khoản 2 Điều 4 đề nghị thay cụm từ có nội dung “ Khi sử dụng …. Phát hành” bằng cụm từ có nội dung “ Vé cứng là vé hợp lệ khi vé do doanh nghiệp phát hành”  **2. Tổng công ty ĐSVN**  Đề nghị xem xét bổ sung trường hợp hành khách đi tàu có vé nhưng mua vé giảm giá không đúng đối tượng có được là hợp lệ không? (ví dụ: không phải thương binh nhưng mua vé là đối tượng thương binh để được hưởng giảm giá, ...)  **3. Cục Hàng Hải Việt Nam**  Tại khoản 2 Điều 4: Đề nghị bổ sung cụm từ “...có xác nhận của doanh nghiệp **ban hành vé đó**.”; | 1. Đồng ý tiếp thu có chỉnh sửa như dự thảo (bỏ từ “khi” trong cụm từ góp ý)  2. Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo  Lý do: Khi mua vé hành khách phải các có các loại Giấy tờ tùy thân sau (Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước, Hộ chiếu, Giấy phép lái xe, Giấy khai sinh đối với trẻ em dưới 14 tuổi và các Giấy tờ tuy thân khác của các đối tượng chính sách nếu có). Trường hợp mua vé trực tuyến qua Internet, tổ chức, cá nhân phải cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết để có thể xác định được chủ sở hữu vé điện tử theo quy định của doanh nghiệp và doanh nghiệp phải kiểm tra các giấy tờ tuy thân của người mua.  3. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo  Lý do: Được hiểu là vé tàu phải sửa chữa này là vé do doanh nghiệp đã phát hành không cần nhắc lại “**ban hành vé đó**.”; | 2. **Khi sử dụng vé cứng**, doanh nghiệp phát hành không bị tẩy, xóa, sửa chữa, còn đủ các thông tin và phải đi đúng chuyến tàu, thời gian ghi trên vé. Trường hợp có sửa chữa, tẩy xóa trên vé phải có xác nhận của doanh nghiệp. |
| 3. Khi sử dụng vé điện tử, doanh nghiệp phải hướng dẫn và quy định cụ thể cho hành khách cách sử dụng; quy định về vé hợp lệ; vé không hợp lệ, quy định và hướng dẫn cách giải quyết các phát sinh cho hành khách như việc trả vé, đổi vé, nhỡ tàu, thay đổi chỗ trên tàu, tắc đường, để đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ của hành khách và của doanh nghiệp như các hình thức vé khác. | 3. Khi sử dụng vé điện tử, doanh nghiệp phải hướng dẫn và quy định cụ thể cho hành khách cách sử dụng; quy định về vé hợp lệ; vé không hợp lệ, quy định và hướng dẫn cách giải quyết các phát sinh cho hành khách như việc trả vé, đổi vé, nhỡ tàu, thay đổi chỗ trên tàu, tắc đường, để đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ của hành khách và của doanh nghiệp như các hình thức vé khác. | Giữ nguyên khoản 3 Điều 8 Thông tư số 78 chuyển sang khoản 3 dự thảo Thông tư này, được các tổ chức, cá nhân, áp dụng phù hợp, chưa xuất hiện tồn tại bất cập. | **2. Công ty CPVTĐS Hà Nội**  Đề nghị sửa thành: " Khi sử dụng vé điện tử, doanh nghiệp thông báo công khai các quy định cho hành khách biết như: cách sử dụng; .....”  **3. Công ty CPVTĐS Sài Gòn**  Tại mục 3 thêm cụm từ “nhầm tàu” vào sau cụm từ “nhỡ tàu”. | 2. Đồng ý tiếp thu một phần. Không thể bỏ cụm từ “hướng dẫn” vì trong thực tế việc mua vé điện tử không phải hánh khách nào cũng biết cách sử dụng để mua. Trong thực tế ngay ở các nước tiên tiến tại địa điểm bán vé đều có hướng dẫn cho người mua vé, người đi tàu đặc biệt là khách nước ngoài.  3. Đồng ý tiếp thu | 3. Khi sử dụng vé điện tử, doanh nghiệp **phải thông báo công khai** và hướng dẫn các quy định cụ thể cho hành khách cách sử dụng; quy định về vé hợp lệ; vé không hợp lệ, quy định và hướng dẫn cách giải quyết các phát sinh cho hành khách như việc trả vé, đổi vé, nhỡ tàu, **nhầm tàu** thay đổi chỗ trên tàu, tắc đường, để đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ của hành khách và của doanh nghiệp như các hình thức vé khác. |
| **Điều****9. Quy định về bán vé hành khách** | **Điều 5. Quy định về bán vé hành khách** | Chuyển nội dung Điều 9 Thông tư 78 vào nội dung Điều này của Dự thảo Thông tư này và giữ nguyên bố cục, nội dung.  Lý do: Quy định này đã được áp dụng và hiện đang phù hợp chưa xuất hiện tồn tại bất cập. | **Cục CSGT- Bộ Công an**  Để tỏa điều kiện cho người mua vé doanh nghiệp phải tổ chức bán vé tàu tại nhiều địa điểm, nhiều ngày trước thời điểm tàu chạy... | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo  Lý do: Tại Điều 5 của Dự thảo đã quy định rất rõ quy định về bán vé hành khách không cần câu văn dẫn trên. Còn các hình thức bán vé đã viết rất rõ sau khi tiếp thu có chỉnh sửa của các đơn vị khác đã góp ý. | **Điều 5. Quy định về bán vé hành khách** |
| 1. Doanh nghiệp phải tổ chức bán vé tại nhiều địa điểm, nhiều ngày trước thời điểm tàu chạy, nhiều phương thức bán vé tạo điều kiện thuận lợi cho người mua vé. | 1. Doanh nghiệp phải tổ chức bán vé tàu tại nhiều địa điểm, nhiều ngày trước thời điểm tàu chạy theo quy định của doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho người mua vé | Chuyển khoản 1 Điều 9 Thông tư số 78 sang khoản 1 Điều này dự thảo Thông tư này và sửa đổi cho rõ nghĩa. |  |  | 1. Doanh nghiệp phải tổ chức bán vé tàu tại nhiều địa điểm, nhiều ngày trước thời điểm tàu chạy theo quy định của doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho người mua vé. |
|  | 2. Doanh nghiệp tổ chức bán vé tàu theo các hình thức: | Bổ sung thêm khoản 2 Điều này như dự thảo vì: Thực tế hiện nay doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách đã và đang thực hiện hai hình thức này mà chưa tồn tại bất cập. |  |  | 2. Doanh nghiệp tổ chức bán vé tàu theo các hình thức: |
|  | a) Bán vé trực tiếp tại các địa điểm bán vé của doanh nghiệp; |  |  |  | a) Bán vé trực tiếp tại các địa điểm bán vé của doanh nghiệp; |
|  | b) Bán vé điện tử; |  | **1. Công ty CPVTĐS Hà Nội**  Đề nghị sửa thành "Bán vé trực tuyến qua Internet".  **2. Hội kinh tế và Vận tải ĐSVN**  Chưa thật rõ nghĩa vì thực chất ngoài việc bán vé trực tiếp còn bán vé qua mạng. Ngoài ra bán vé trực tiếp tại điểm bán vé của doanh nghiệp | 1. Đồng ý tiếp thu  2. Đồng ý tiếp thu và sửa đổi theo ý kiến của Công ty CPVTĐS Hà Nội. | **b) Bán vé trực tuyến qua Internet;** |
|  | c) Bán vé theo các hình thức khác do doanh nghiệp quy định. |  |  |  | c) Bán vé theo các hình thức khác do doanh nghiệp quy định. |
| 2. Căn cứ vào từng thời điểm cụ thể, từng loại chỗ, từng loại tàu, doanh nghiệp quy định cụ thể việc ghi họ, tên và số Giấy chứng minh nhân dân (hoặc Hộ chiếu, Giấy phép lái xe, Thẻ Đảng, Giấy khai sinh đối với trẻ em) của hành khách trên vé. | **3. Người mua vé phải có Giấy tờ tùy thân có dán ảnh và đầy đủ các thông tin cá nhân theo quy định của doanh nghiệp.** | Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9 Thông tưsố 78 thành khoản 3 Điều này dự thảo Thông tư này để tạo điều kiện thuận lợi cho hành khách và chủ động cho doanh nghiệp kinh doanh.  Trong thực tế tại các thời điểm Hè, Lễ , Tết mật độ hành khách cao doanh nghiệp có quy định người mua vé phải cung cấp thông tin cá nhân nhằm tránh hiện tượng đầu cơ vé. Tại những thời điểm mật độ hành khách không cao, doanh nghiệp không bắt buộc hành khách phải xuất trình giấy tờ tùy thân. | **1.Vụ Hợp tác quốc tế**  Đề nghị nêu rõ “ Giấy tờ tủy thân” bao gồm những loại được áp dụng trong Thông tư này.  **2. Vụ Vận tải:**  Đề nghị quy định luôn trong Thông tư này về các loại giấy tờ tùy thân mà người mua phải có  **3. Công ty CPVTĐS Hà Nội**  Đề nghị sửa thành: "Khi mua vé tàu điện tử, tổ chức, cá nhân phải cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết để có thể xác định được chủ sở hữu vé điện tử theo quy định của doanh nghiệp".  **4. Công ty CPVTĐS Sài Gòn**  a) Người mua vé phải có giấy tờ tuỳ thân có dán ảnh xin bổ sung thêm là: hoặc là giấy tờ khác được pháp luật công nhận  b) Để nghị bổ sung thêm nội dung: Hành khách mua vé tàu đi ngay: hành khách chỉ cần cung cấp thông tin cá nhân. Doanh nghiệp quy định thời gian mua vé hoặc mác tàu áp dụng mua vé đi ngay.  **5. Hội kinh tế và Vận tải ĐSVN**  Nên có Giấy tờ tuy thân là đủ vì thông thường Giấy tờ tuy thân là có ảnh và đầy đủ thông tin có nhân rồi  **6. Tổng công ty ĐSVN**  Không cần thiết phải yêu cầu Người mua vé có các thông tin các nhân cũng như Giấy tờ tùy thân có dán ảnh, mặt khác mua vé điện tử Doanh nghiệp không kiểm soát được  **7. Cục Hàng Hải Việt Nam**  Đề nghị sửa đổi thành “Người mua vé phải xuất trình giấy tờ tùy thân có dán ảnh theo quy định của doanh nghiệp như giấy Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước hoặc Hộ chiếu hoặc các giấy tờ khác có đầy đủ các thông tin cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cấp”;  **8. Vụ Pháp chế**  Đề nghị cân nhắc bỏ quy định phải có “giấy tờ tùy thân có dán ảnh” vì đối với trẻ em, người chưa có hoặc bị mất giấy tờ tùy thân có dán ảnh nhưng có các loại giấy tờ khác (giấy khai sinh) thì quy định này sẽ hạn chế quyền dân sự của họ. | 1.Đồng ý tiếp thu có chỉnh sửa như dự thảo bỏ sung Giấy khai sinh đối với trẻ em dưới 14 tuổi vì theo Luật Căn cước công dân số 59/QH13.  2. Đồng ý tiếp thu có chỉnh sửa, bổ sung.    3. Đồng ý tiếp thu và chỉnh sửa bổ sung  4. Ý kiến của Công ty CPVTĐS Sài Gòn  a) Đồng ý tiếp thu và chỉnh sửa bổ sung  b) Đồng ý tiếp thu và chỉnh sửa bổ sung  Lý do: Hành khách có thể mua vé trước giờ tàu chạy theo quy định của doanh nghiệp, trường hợp đặc biết hành khách có thể mua vé bổ sung trên tàu theo khả năng đám ứng của doanh nghiệp.  5. Đồng ý tiếp thu và đã được sửa đổi, bổ sung theo ý kiến của Vụ Hợp tác quốc tế; Vụ Vận tải; Công ty CPVTĐS Hà Nội  6. Đồng ý tiếp thu và chỉnh sửa bổ sung  Lý do: Đề giải quyết các trường hợp phát sinh như các quy định tại Điều 19,20. 21 của dự thảo.  - Để chống các hiện tượng tiêu cức như đầu cơ, phe vé.  7. Đồng ý tiếp thu như dự thảo  8. Đã chỉnh sửa bổ dung theo đề xuất của các Vụ Hợp tác quốc tế; Vụ Vận tải; Công ty CPVTĐS Hà Nội để chống các hiện tượng tiêu cức như đầu cơ, phe vé, làm vé giả. | 3. Khi doanh nghiệp yêu cầu, người mua vé phải xuất trình giấy tờ tùy thân có dán ảnh được pháp luật công nhận hoặc các giấy tờ khác có đầy đủ các thông tin cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cấp. **Trường hợp mua vé trực tuyến qua Internet, người mua vé phải cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết để có thể xác định được chủ sở hữu vé điện tử theo quy định của doanh nghiệp.** |
| **Điều****10. Miễn giảm giá vé** |  | Đề nghị bỏ Điều 10 Thông tư số 78 vì tại khoản 4 Điều 56 Luật Đường sắt đã giao cho Chính phủ quy định việc giá vận tải hành khách cho đối tượng chính sách xã hội. |  |  |  |
| Doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện việc miễn, giảm giá vé cho các đối tượng chính sách xã hội khi đi tàu hỏa theo quy định của pháp luật. |  |  |  |  |  |
| **Điều****11. Mua vé đi tàu tập thể** | **Điều 6. Mua vé đi tàu tập thể** | Chuyển nội dung Điều 11 Thông tư 78 vào nội dung Điều này dự thảo Thông tư này và giữ nguyên bố cục, nội dung.  Lý do: Quy định này đã được áp dụng và hiện đang phù hợp chưa xuất hiện tồn tại bất cập cần bổ sung sửa đổi. | **1. Công ty CPVTĐS Hà Nội**  Đề nghị bổ sung thêm khoản 3 với nội dung như sau: "Đối với các đoàn tập thể có số lượng lớn hoặc tập thể mua trọn đoàn tàu, doanh nghiệp có thể lập một vé tập thể chung cho cả đoàn và cấp Thẻ lên tàu cho từng thành viên trong đoàn".  2. Công ty CPVTĐS Sài Gòn  Khi tổ chức có nhu cầu mua vé tập thể, Doanh nghiệp đã xuất “vé tập thể” tức là đã xuất hóa đơn cho toàn bộ đoàn tập thể; vì vậy Doanh nghiệp chỉ cấp “thẻ lên tàu” cho từng thành viên trong đoàn mà không cấp “vé”.  - Thay một số cụm từ “vé” trong thông tư thành “thẻ”.  - Để tránh tình trạng vé chợ đen hoặc sự cố khi không bán vé điện tử được, đề nghị bổ sung thêm: khi bán vé tập thể, Doanh nghiệp cấp vé cho đoàn tập thể bao gồm vé cái ghi đầy đủ các thông tin ga đi, ga đến…. và ghi tổng số tiền tương ứng mà tập thể đó mua, tất cả vé còn lại chỉ cần ghi đầy đủ thông tin, không cần ghi giá vé. | 1. Đề nghi giữ nguyên như Dự thảo  Lý do: Việc mua vé tập thể có thể là cả đoàn tàu doanh nghiệp phải thực hiện theo khoản 1, khoản 2 Điều này  2. Đề nghi giữ nguyên như Dự thảo  Lý do:  - Đề bảo đảm quyền lợi cho hành khách khi có sự cố phát sinh trong quá trình vận chuyển  - Điều 60 của Luật đường sắt quy định hành khách được hưởng mọi quyền lợi theo đúng hạng vé. Nếu thẻ lên tàu có ghi thông tin của hành khách mà không ghi giá vé thì hành khách không được hưởng các quyền lợi khi gặp sự cố dọc đường trong quá trình vận chuyển.  - Việc quy định khi mua vé tập thể phải cung cấp vé cho từng thành viên của đoàn với các thông tin của cá nhân người mua và giá đã bán của doanh nghiệp như trưởng hợp vé bán cho từng cá nhân nhắm tránh trường hợp có thể xảy ra hiện tượng đầu cơ vé vào những thời điểm cao điểm(danh sách người lên tàu khác với danh sách trong đoàn mua vé tập thể). | **Điều 6. Mua vé đi tàu tập thể** |
| 1. Tổ chức có nhu cầu mua vé tập thể đi tàu phải lập danh sách ghi rõ họ tên từng người trong đoàn và họ tên trưởng đoàn để phối hợp với doanh nghiệp giải quyết các vấn đề phát sinh trong hành trình đi tàu. Tập thể đi tàu phải đi cùng trên một chuyến tàu, có cùng ga đi. | 1. Tổ chức có nhu cầu mua vé **cho** tập thể **đi trên cùng một chuyến tàu** phải lập danh sách ghi rõ họ tên từng người trong đoàn và họ tên trưởng đoàn để phối hợp với doanh nghiệp giải quyết các vấn đề phát sinh trong hành trình đi tàu. | - Bổ sung cụm từ “cho tập thể đi trên cùng một chuyến tàu” cho rõ nghĩa.  - Bỏ cụm từ “Tập thể đi tàu phải có cùng ga đi” vì đây là điều kiện ràng buộc đối với khách đi tàu khi có nhu cầu đi tập thể. Trong thực tế tập thể hành khách có thể mua theo đoàn trên một chuyến tàu mà có ga đi, ga đến khác nhau thì vẫn được coi là mua vé tập thể. Quy định này nhằm tạo điều kiện, thu hút hơn nữa hành khách dùng phương tiện vận tải hành khách bằng đường sắt. |  |  | 1. Tổ chức có nhu cầu mua vé cho tập thể đi trên cùng một chuyến tàu phải lập danh sách ghi rõ họ tên từng người trong đoàn và họ tên trưởng đoàn để phối hợp với doanh nghiệp giải quyết các vấn đề phát sinh trong hành trình đi tàu. |
| 2. Doanh nghiệp khi bán vé phải lập từng vé cá nhân cho từng thành viên trong đoàn theo mức giá vé tương ứng với loại chỗ, loại tàu ghi trên vé của hành khách. | 2. Khi bán vé cho tập thể, doanh nghiệp phải cấp vé cho từng thành viên trong đoàn theo mức giá vé tương ứng với loại chỗ, ga đi, ga đến, loại tàu ghi trên vé của hành khách. | Chuyển nội dung khoản 2 Điều 11 Thông tư số 78 vào khoản 2 Điều 6 dự thảo thông tư này và sửa đổi, bổ sung cho rõ nghĩa. |  |  | 2. Khi bán vé cho tập thể, doanh nghiệp phải cấp vé cho từng thành viên trong đoàn theo mức giá vé tương ứng với loại chỗ, ga đi, ga đến, loại tàu ghi trên vé của hành khách. |
| **Điều****12. Mua vé trọn toa, trọn cụm toa xe khách** | **Điều 7. Mua vé trọn toa, trọn cụm toa xe khách** | Đưa nội dung Điều 12 Thông tư 78 vào nội dung Điều 7 dự thảo Thông tư này và thay đổi số thứ tự các Điều trích dẫn và giữ nguyên bố cục, nội dung.  Lý do: Quy định này đã được áp dụng và hiện đang phù hợp chưa xuất hiện tồn tại bất cập. |  |  | **Điều 7. Mua vé trọn toa, trọn cụm toa xe khách** |
| Tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua vé trọn toa, trọn cụm toa xe khách trong đoàn tàu thì việc mua vé, trả lại vé, đổi vé theo quy định Điều 11 và Điều 15 của Thông tư này và phải có các trách nhiệm sau: | Khi tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua vé trọn toa, trọn cụm toa xe thì thực hiện như sau: | Sửa đổi nội dung này cho phù hợp với nội dung của điều. |  |  | Khi tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua vé trọn toa, trọn cụm toa xe thì thực hiện như sau: |
| a) Không cho khách lên vượt quá số chỗ trên toa xe; |  | Bỏ nội dung Điểu a này vì đây và trách nhiệm của doanh nghiệp. |  |  |  |
| b) Phối hợp với doanh nghiệp để quản lý số khách trên toa xe, cụm toa xe đã mua vé đảm bảo thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này. |  | Bỏ nội dung khoản này vì đã nêu tại khoản 1 của dự thảo Thông tư. |  |  |  |
| 2. Doanh nghiệp khi bán vé phải lập từng vé cá nhân cho hành khách thực tế trên toa xe, cụm toa xe. |  | Đề nghị bỏ nội dung này vì đã nói tại khoản 1 của dự thảo thông tư. |  |  |  |
|  | **1. Thực hiện các quy định tại Điều 6. Mua vé đi tàu tập thể theo quy định của Thông tư này** | Bổ sung mới khoản 1 Điều này. Nội dung mua vé trọn toa, trọn cụm toa xe bản chất là mua vé tập thể chỉ khác là đoàn khách tập ngồi trong cùng một toa xe hoặc trong một cụm toa xe. | **Tổng công ty ĐSVN**  Đề nghị viết lại như sau: Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư này. | Đồng ý tiếp thu và được viết lại như dự thảo | **1. Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.** |
|  | **2. Việc mua vé trọn toa, trọn cụm toa xe được thực hiện theo thỏa thuận với doanh nghiệp đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi cho hành khách mua vé đi tàu và phù hợp với khả năng đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp.** | Bổ sung mới khoản 2 Điều này vì để mua được vé trọn toa, trọn cụm toa xe thì doanh nghiệp phải có đủ điều kiện mới thực hiện được. Việc quy định này để một mặt tạo điều kiện thuận lợi cho hành khách mua vé đi tàu và doanh nghiệp chủ động trong kinh doanh. |  |  | 2. Việc mua vé trọn toa, trọn cụm toa xe được thực hiện theo thỏa thuận với doanh nghiệp đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi cho hành khách mua vé đi tàu và phù hợp với khả năng đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp. |
| **Điều****13. Ưu tiên xếp hàng mua vé đi tàu** | **Điều 8. Ưu tiên xếp hàng mua vé đi tàu** | Chuyển nội dung Điều 13 Thông tư 78 vào nội dung Điều 8 của dự thảo Thông tư và giữ nguyên bố cục, nội dung.  Lý do: Quy định này đã được áp dụng và hiện đang phù hợp chưa xuất hiện tồn tại bất cập. | **1. Công ty CPVTĐS Hà Nội**  Đề nghị bổ sung thêm đối tượng "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".  **2. Hội Kinh tế và Vận tải ĐSVN**  Chưa do nghĩa vì một số đối tượng không thể xếp hàng được, cho nên cần căn cứ vào giấy tờ của các đối tượng.  **3. Cục Hàng Hải Việt Nam**  Đề nghị đổi đối tượng ưu tiên mua vé đi tàu thành “**Đối tượng** ưu tiên mua vé đi tàu”; | Đồng ý tiếp thu và bổ sung vào khoản 6 Điều này  2. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo  Lý do: Việc xếp hành mua vé chi áp dụng đối với trường hợp hành khách đến các điểm bán vé của doanh nghiệp để mua vé.  3. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo  Lý do: Đây là các trường hợp ưu tiên xếp hàng trực tiếp mua vé đi tàu tại các điểm giao dịch bán bán vé và được hiểu đã ưu tiên mua vé để đi tàu.  - Trong thực tế vào những lúc cao điểm tại điểm bán vé trực tiếp của doanh nghiệp có đông người đến mua vé thì phải có khu vực ưu tiên dành cho các đối tượng chính sách nhất định và trong khu vực ưu tiên cũng phải có thứ tự ưu tiên nhất định. Hiện nay Thông tư 78/2014/TT-BGTVT đang thực hiện và chưa có tồn tại bất cập. | **Điều 8. Ưu tiên xếp hàng mua vé đi tàu** |
| Đối tượng được ưu tiên xếp hàng trực tiếp mua vé đi tàu được quy định theo thứ tự ưu tiên sau đây: | Đối tượng được ưu tiên xếp hàng trực tiếp mua vé đi tàu được quy định theo thứ tự ưu tiên sau đây: |  |  |  | Đối tượng được ưu tiên xếp hàng trực tiếp mua vé đi tàu được quy định theo thứ tự ưu tiên sau đây: |
| 1. Người có bệnh nặng mà có yêu cầu của cơ quan y tế phải nhanh chóng chuyển đi. | 1. Người có bệnh nặng mà có yêu cầu của cơ quan y tế phải nhanh chóng chuyển đi. |  |  |  | 1. Người có bệnh nặng mà có yêu cầu của cơ quan y tế phải nhanh chóng chuyển đi. |
| 2. Thương binh, bệnh binh. | 2. Thương binh, bệnh binh. |  |  |  | 2. Thương binh, bệnh binh. |
| 3. Người khuyết tật | 3. Người khuyết tật |  |  |  | 3. Người khuyết tật |
| 4. Phụ nữ có thai. | 4. Phụ nữ có thai. |  |  |  | 4. Phụ nữ có thai. |
| 5. Người đi tàu kèm trẻ nhỏ dưới 24 tháng tuổi. | 5. Người đi tàu kèm trẻ nhỏ dưới 24 tháng tuổi. |  |  |  | 5. Người đi tàu kèm trẻ nhỏ dưới 24 tháng tuổi. |
| 6. Người già từ đủ 60 tuổi trở lên. | 6. Người già từ đủ 60 tuổi trở lên. |  |  |  | **6. Bà mẹ Việt Nam anh hùng.** |
|  |  |  |  |  | **7**. Người già từ đủ 60 tuổi trở lên. |
| 7. Các đối tượng ưu tiên khác do doanh nghiệp quy định. | 7. Các đối tượng ưu tiên khác do doanh nghiệp quy định. |  |  |  | **8**. Các đối tượng ưu tiên khác do doanh nghiệp quy định. |
| **Điều****14. Vé bổ sung** | **Điều 9. Vé bổ sung** | Chuyển nội dung Điều 14 Thông tư 78 vào nội dung Điều 9 dự thảo Thông tư và giữ nguyên bố cục, nội dung.  Lý do: Quy định này đã được áp dụng và hiện đang phù hợp chưa xuất hiện tồn tại bất cập. | **Tổng công ty ĐSVN**  Đề nghị bổ sung điểm d) Người đi tàu có vé nhưng mua vé không đúng đối tượng hưởng chính sách giảm giá vé”. | Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo  Lý do:  - Như đã giải thích tại khoản 3 Điều 5 của dự thảo Thông tư này , người bán vé của doanh nghiệp đã kiểm tra, đối chiếu các giấy tờ của người mua vé nếu thấy cần thiết trước khi bán. Khi đã đồng ý bán vé thì vé này coi như người mua vé đã được hưởng theo đúng quy định. | **Điều 9. Vé bổ sung** |
| Hành khách, người đi tàu thuộc các trường hợp sau được mua vé bổ sung trong điều kiện doanh nghiệp có thể đáp ứng được yêu cầu, không ảnh hưởng đến hành khách khác và thực hiện theo quy định của doanh nghiệp: |  | Đề nghị chuyển nội dung này xuống khoảng 1, 2 Điều 9 của Dự thảo Thông tư này để đảm bảo rõ ràng, dễ hiểu. |  |  |  |
| 1. Hành khách muốn đi quá ga đến ghi trên vé. |  |  |  |  |  |
| 2. Hành khách muốn đổi chỗ từ hạng thấp lên hạng cao. |  |  |  |  |  |
| 3. Người đi tàu không có vé hoặc vé không hợp lệ. |  |  |  |  |  |
|  | 1. Các trường hợp hành khách trên tàu phải mua vé bổ sung: | Sửa đổi, bổ sung cho rõ nghĩa và giữ nguyên các khoản 1,2,3 Điều 14 Thông tư 78 chuyển thành điểm a,b,c khoản 1 Điều 9 của dự thảo thông tư này. Vì trong thực tế doanh nghiệp đang thực hiện chưa gặp khó khăn vướng mắc các nội dung này. |  |  | 1. Các trường hợp hành khách trên tàu phải mua vé bổ sung: |
|  | a) Hành khách muốn đi quá ga đến ga ghi trên vé. |  |  |  | a) Hành khách muốn đi quá ga đến ghi trên vé; |
|  | b) Hành khách muốn đổi chỗ từ hạng thấp lên hạng cao. |  |  |  | b) Hành khách muốn đổi chỗ từ hạng thấp lên hạng cao; |
|  | c) Người đi tàu không có vé hoặc vé không hợp lệ. |  |  |  | c) Người đi tàu không có vé hoặc vé không hợp lệ. |
|  | **2. Doanh nghiệp bán vé tàu bổ sung cho hành khách trên tàu thuộc quy định tại Khoản 1 Điều này trên cơ sở khả năng đáp ứng của doanh nghiệp và không ảnh hưởng đến hành khách khác và thực hiện theo quy định của doanh nghiệp** | Bổ sung mới khoản này vì trong thực tế sẽ có trường hợp hành khách trước khi lên tàu chưa kịp mua vé thì doanh nghiệp sẽ tiếp tục bán vé để tạo điều kiện cho hành khách đi tàu.  Thực tế trong Điều 14 Thông tư 78 đã quy định nội dung này. |  |  | 2. Doanh nghiệp bán vé tàu bổ sung cho hành khách trên tàu thuộc quy định tại Khoản 1 Điều này trên cơ sở khả năng đáp ứng của doanh nghiệp và không ảnh hưởng đến hành khách khác và thực hiện theo quy định của doanh nghiệp. |
|  | **3. Trường hợp việc bán vé tàu bổ sung không đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều này, hành khách phải xuống tàu khi tàu chưa chạy hoặc xuống ga gần nhất tàu có đỗ và phải thanh toán các chi phí theo quy định của doanh nghiệp.** | Bổ sung thêm khoản 3 Điều 9 dự thảo Thông tư này nhằm hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện trong các tình huống có thể xảy ra trong thực tế. | **Công ty CPVTĐS Hà Nội**  Đề nghị sưa khoản 3 điều này như sau: “Trường hợp doanh nghiệp không thể bán vé bổ sung cho hành khách trên tàu do không đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều này, hành khách phải xuống tàu khi tàu chưa chạy hoặc xuống ga gần nhất tàu có đỗ và phải thanh toán các chi phí theo quy định của doanh nghiệp". | Đồng ý tiếp thu | **3. Trường hợp doanh nghiệp không thể bán vé bổ sung cho hành khách trên tàu do không đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều này,** hành khách phải xuống tàu khi tàu chưa chạy hoặc xuống ga gần nhất tàu có đỗ và phải thanh toán các chi phí theo quy định của doanh nghiệp. |
| **Điều****15. Trả lại vé, đổi vé đi tàu** | **Điều 10. Trả lại vé, đổi vé đi tàu** | Chuyển nội dung Điều 15 của Thông tư số 78 vào Điều 10 dự thảo Thông tư này và giữ nguyên bố cục, nội dung vì quy định này hiện đang được áp dụng chưa tồn tại bất cập. | **Vụ Pháp chế**  Đề nghị bổ sung từ “hủy vé” vào tên Điều. | Đề nghị giữ nguyên như đề xuất của Công ty CPVTĐS Hà Nội  Lý do:  - Điều này đang quy định đới với hành khách khi trả lại vé, đổi vé đi tàu.  - Khi hành khách đã mua vé, vé đi tàu coi như là tài sản của hành khách và hành khách đi tàu theo địa điểm đã được ghi trên vé. Trường hợp vì lý do cá nhân hành khách không đi tàu thì có thể trả lại vé, đổi lại vé thao nội dung của Thông tư này. Trường hợp hành khách đơn phương không đi tàu thì coi như là hành khách hủy vé và không được trả lại tiền.  - Điều 60 của Luật đường sắt 2017 cũng chỉ quy định trường hợp trả vé, đổi vé chứ không có khái niệm hủy vé. | **Điều 10. Trả lại vé, đổi vé đi tàu** |
| 1. Hành khách có quyền trả lại vé, đổi vé, hủy vé trước giờ tàu chạy. | 1. Hành khách có quyền trả lại vé, đổi vé, hủy vé trước giờ tàu chạy. |  | **1. Công ty CPVTĐS Hà Nội**  đề nghị sửa thành: " Hành khách có quyền trả lại vé, đổi vé, hủy vé trước giờ tàu chạy theo quy định của doanh nghiệp".  **2. Công ty CPVTĐS Sài Gòn**  Bỏ cụm từ “hủy vé”. | 1. Đồng ý tiếp thu  2. Đồng ý tiếp thu | 1. Hành khách có quyền trả lại vé, đổi vé, trước giờ **tàu chạy theo quy định của doanh nghiệp.** |
| 2. Doanh nghiệp quy định cụ thể về trình tự, thủ tục, mức khấu trừ tương ứng với thời gian trả lại vé, đổi vé, hủy vé và các nội dung khác có liên quan đến việc trả lại vé, đổi vé, hủy vé của hành khách. | 2. Doanh nghiệp quy định cụ thể về trình tự, thủ tục, mức khấu trừ tương ứng với thời gian trả lại vé, đổi vé, hủy vé và các nội dung khác có liên quan đến việc trả lại vé, đổi vé, hủy vé của hành khách. |  |  |  | 2. Doanh nghiệp quy định cụ thể về trình tự, thủ tục, mức khấu trừ tương ứng với thời gian trả lại vé, đổi vé và các nội dung khác có liên quan đến việc trả lại vé, đổi vé của hành khách. |
| **Điều****16. Giá vé hành khách, giá cước vận chuyển hành lý, bao gửi** |  | Đề nghị chuyển Điều 16 Thông tư 78 về Điêu 31 Trách nhiệm của doanh nghiệp. Mặt khác tại Điều 56 Luật đường sắt cũng đã quy định doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt phải niêm yết tại ga đường sắt và công khai trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp trước thời điểm áp dụng. |  |  |  |
| Giá vé hành khách, giá cước vận chuyển hành lý ký gửi, bao gửi và chi phí khác do doanh nghiệp công bố theo quy định của pháp luật. |  |  |  |  |  |
|  | **Điều 11. Cấp vé đi tàu trong các trường hợp đặc biệt** | Bổ sung mới Điều này vì Việt Nam đã và đang là thành viên của tổ chức hợp tác đường sắt (OSJD), Tổ chức này hiện nay có 27 nước tham gia. Theo quy tắc cấp phát và sử dụng thẻ công vụ và vé đi tàu 1 lần miễn phí của OSJD (O111) đã được phê duyệt tại kỳ họp hội nghị Bộ trưởng OSJD tháng 6/2017 tại thành phố Sochi, Liên bang Nga, theo đó:  - Thẻ công vụ dành cho tất cả những người có nhu cầu đi công vụ đường sắt trên đường sắt các nước thành viên OSJD.  - Giấy đi tàu 1 lần miễn phí được cấp cho nhân viên đường sắt và các thành viên của gia đình dùng cho các chuyến đi việc riêng trên tất cả đường sắt các nước là thành viên của OSJD.  Tại Hiệp ước về giá cước vận tải hành khách đường sắt Quốc tế (MPT) được sửa đổi bổ sung ngày 01/9/2016 có quy định áp dụng chung bảng giá cước hành khách Quốc tế của các nước thành viên tham gia Hiệp ước và danh mục các ga được đưa vào bảng giá cước hành khách Quốc tế của các nước thành viên OSJD để các nước thành viên có thể đặt, bán vé điện tử từ một ga của nước thành viên đến ga của nước thành viên khác tham gia hiệp ước này. Đối với đường sắt Việt Nam trong Hiệp ước này đã quy định các ga: Lào Cai, Đồng Đăng, Bắc Giang, Gia Lâm, Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, Nha Trang, TP Hồ Chí Minh là các ga mà có thể đặt, bán vé điện tử từ một nước thành viên khác.  Cần thiết phải bổ sung nội dung này để phù hợp với quy định hiện hành của Tổ chức hợp tác đường sắt OSJD mà Việt Nam là thành viên. Quy định này để những người có nhu cầu công vụ, nhân viên đường sắt thuộc các nước thành viên OSJD sử dụng dịch vụ vận tải hành khách trên đường sắt Việt Nam. Quy định này phù hợp với khoản 2, Điều 8 Luật Đường sắt và Luật điều ước Quốc tế số 108/2016/QH13 ngày 9/4/2016. | **1. Vụ Vận tải:**  Đề nghị xem xét các quy định tại Điều 11 “ Cấp vé đi tầu trong trường hợp đặc biệt” vì không rõ các trường hợp đặc biệt là trường hợp nào và do cơ quan tổ chức nào quy định. | Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo vì:  - Như đã phân tích ở bảng giải thích kèm theo Dự thảo Thông tư (cột 3 bảng này) | **Điều 11. Cấp vé đi tàu trong các trường hợp đặc biệt** |
|  | **1.Người đi tàu được cấp vé đi tàu trong các trường hợp sau:** |  |  |  | 1. Các trường hợp đặc biệt được cấp vé đi tàu: |
|  | **a) Thẻ công vụ hoặc giấy đi tàu một lần miễn phí do Tổ chức hợp tác đường sắt mà Việt Nam là thành viên cấp.** |  | **1. Vụ Pháp chế**  Các từ đã được giải thích từ ngữ hoặc viết tắt tại Điều 3 đề nghị không nhắc lại nguyên văn trong dự thảo. Ví dụ: các từ “Tổ chức hợp tác đường sắt quốc tế...” được nhắc lại tại điểm a khoản 1 Điều 11.  **2. Phòng PC-TT- Cục ĐSVN (đơn vi thẩm định Hồ sơ)**  Điểm a khoản 1 đề nghị bỏ cụm từ *“mà Việt Nam là thành viên”*.  *Lý do:* Cho phù hợp với quy định tại khoản 8 Điều 3 của Dự thảo. | Đồng ý tiếp thu  Đồng ý tiếp thu | a) Thẻ công vụ hoặc Giấy đi tàu một lần miễn phí do **Tổ chức OSJD** cấp; |
|  | **b) Thẻ công vụ do doanh nghiệp kinh doanh vận tải cấp theo quy định của doanh nghiệp.** | Bổ sung Điểm b điều này vì trong thực tế sẽ có trường hợp doanh nghiệp cấp thẻ công vụ cho một số trường hợp đắc biệt thực thi công vụ. | **1. Vụ Pháp chế**  Đề nghị cân nhắc việc quy định doanh nghiệp kinh doanh vận tải có thẩm quyền cấp thẻ công vụ cho những đối tượng không phải là nhân viên của doanh nghiệp có phù hợp không.  **2. Công ty CPVTĐS Sài Gòn:**  Đề nghị bỏ điểm b mục 1.  Tại mục 1: Đề nghị bổ sung thêm trường hợp Doanh nghiệp hỗ trợ giảm giá cho các trường hợp đặc biệt hoặc cấp Phiếu mua vé giảm giá cho CBCNV theo từng thời điểm. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì trong thực tế doanh nghiệp đã thực hiện cung cấp thẻ công vụ cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân thẻ công vụ đi tàu.  2. Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo không bổ sung thêm vì đây thuộc quyền của doanh nghiệp. | b) Thẻ công vụ do doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách cấp theo quy định của doanh nghiệp. |
|  | **2. Người được cấp thẻ công vụ, Giấy đi tàu một lần miễn phí theo quy định tại điểm a,b khoản 1 Điều này có trách nhiệm xuất trình các Giấy tờ trên kèm theo Giấy tờ tùy thân có dán ảnh theo quy định của Pháp luật để được cấp vé đi tàu.** | Bổ sung quy định này vì nhắm tránh những trường hợp đối tượng sử dụng thẻ công vụ, Giấy đi tàu một lần miễn phí không phù hợp với đối tượng được cấp theo quy định của cơ quan, tổ chức cấp phát thẻ công vụ, giấy đi tàu tương ứng (Tổ chức hợp tác đường sắt OSJD, doanh nghiệp kinh doanh vận tải) | **Công ty CPVTĐS Sài Gòn:**  Đề nghị bỏ mục 2  **2. Phòng PC-TT- Cục ĐSVN (đơn vi thẩm định Hồ sơ)**  Đề nghị bỏ cụm từ “điểm a, điểm b” tại khoản 2, Điều này cho phù hợp; bỏ viết hoa chữ “Pháp”. | 1. Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo  Lý do: Xác định trách nhiệm của người được cấp thẻ khi đăng ký đi tàu để tránh trường hợp người sử dụng Thẻ công vụ, Giấy đi tàu một lần miễn phí không đúng đối tượng được cấp.  1. Đồng ý tiếp thu | **2. Người được cấp Thẻ công vụ, Giấy đi tàu một lần miễn phí theo quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm xuất trình các Giấy tờ trên kèm theo Giấy tờ tùy thân có dán ảnh theo quy định của pháp luật để được cấp vé đi tàu.** |
|  | **3. Doanh nghiệp cấp vé đi tàu cho các đối tượng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này theo quy định của từng loại thẻ công vụ, Giấy đi tàu.** | Bổ sung khoản 3 Điều này để xác định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp thực hiện các điều ước Quốc tế mà Việt Nam tham gia hoặc thực hiện các quy định của doanh nghiệp đối với thể công vụ do doanh nghiệp cấp phát. | **1. Công ty CPVTĐS Sài Gòn:**  Đề nghị bỏ mục 3  **2. Phòng PC-TT- Cục ĐSVN (đơn vi thẩm định hồ sơ)**  Đề nghị bỏ cụm từ “điểm a, điểm b” tại khoản 3 Điều này cho phù hợp; bỏ viết hoa chữ “Pháp”. | 1. Đề nghĩ giữ nguyên như Dự thảo  Lý do:  - Xác định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp cấp vé đi tàu cho đối tượng được sử dụng Thẻ công vụ, Giấy đi tàu một lần miễn phí theo quy định của Tổ chức OSJD.  - Quy định này nhằm hướng dẫn cho các đối tượng, đặc biệt là người nước ngoài được cấp Thẻ công vụ, Giấy đi tàu một lần miễn phí.  2. Đồng ý tiếp thu | 3. Doanh nghiệp cấp vé đi tàu cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này theo quy định của từng loại thẻ công vụ, Giấy đi tàu. |
|  | **Chương III**  **VẬN TẢI HÀNH LÝ** |  |  |  | **Chương III**  **VẬN TẢI HÀNH LÝ** |
|  | **Điều 12. Quy định về hành lý** | Gộp Điều 11 và Điều 12 trong đề cương đã được Bộ GTVT duyệt tại văn bản số 10020/BGTVT-VT ngày 05/9/2017 với tên mới là vé hành lý, với lý do:  - Trong thực tế hành khách đi tàu nếu có hành lý vượt quá trọng lượng cho phép quy định của doanh nghiệp thì hành khách phải mua thêm vé hành lý cho phần vượt quá trọng lượng này;  - Nội dung này đã được quy định tại Điều 8 Thông tư số 78 được các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp áp dụng phù hợp, chưa xuất hiện tồn tại bất cập. |  |  | **Điều 12. Quy định về hành lý** |
|  | **1. Hành khách đi tàu được mang theo hành lý lên tàu khi tuân thủ các quy định tại khoản 12, Điều 9; Điều 62; 63; 64 Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 và các quy định của doanh nghiệp.** | Bổ sung mới khoản 1 Điều này để làm rõ quyền của hành khách khi đi tàu. | **1. Phòng PC-TT- Cục ĐSVN (đơn vi thẩm định hồ sơ)**  Đề nghị xem xét bỏ khoản 1 Điều 12 vì nội dung khoản này quy định trách nhiệm của hành khách khi mang hành lý lên tàu không phù hợp với tên của Điều này. Mặt khác, nội dung này cũng đã được quy định tại khoản 5 Điều 13 của Dự thảo.  **2. Cục CSGT- Bộ Công an**  1. Hành lý không phải hành hóa cấm lưu thông; hàng hóa không thuộc loại cấm vận chuyển bằng tàu khách | 1. Đồng ý tiếp thu  2.Đã bo khoản này  Lý do: Tại khoản 5 Điều 13 của Dự thảo đã quy định nội dung này. |  |
|  | **2. Hành khách không phải trả tiền vận chuyển đối với hành lý xách tay trong phạm vi khối lượng và chủng loại theo quy định của doanh nghiệp.** | Bổ sung mới khoản 2 Điều này để phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 60 của Luật Đường sắt năm 2017. |  |  | 1. Hành khách không phải trả tiền vận chuyển đối với hành lý xách tay trong phạm vi khối lượng và chủng loại theo quy định của doanh nghiệp. |
|  | **3. Hành khách phải mua vé hành lý trong các trường hợp sau:** | Bổ sung mới khoản 3 Điều này phù hợp với Điều 60 Luật Đường sắt năm 2017 và phù hợp với các quy định hiện hành của doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt. |  |  | 2. Hành khách phải mua vé hành lý trong các trường hợp sau: |
|  | **a) Khi hành lý xách tay vượt quá trọng lượng tối đa cho phép theo quy định của doanh nghiệp.** |  |  | a) Khi hành lý xách tay vượt quá trọng lượng tối đa cho phép theo quy định của doanh nghiệp; |
|  | **b) Khi hành lý ký gửi theo tàu.** |  |  | b) Hành lý ký gửi theo tàu. |
|  | **4. Trường hợp khi khối lượng vận chuyển cho phép của hành lý xách tay của hành khách đã có các quy định theo Điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên thì thực hiện theo quy định của Điều ước Quốc tế này.** | Bổ sung mới khoản 4 Điều này Theo quy định nêu tại O111 quy tắc cấp phát và sử dụng thẻ công vụ và vé đi tàu một lần miễn phí của Tổ chức hợp tác đường sắt Quốc tế (OSJD) mỗi hành khách khi đi tàu bằng thẻ công vụ được mang miễn phí tối đa là 36Kg hành lý. | **1. Tổng công ty ĐSVN**  Đề nghị bỏ khoản này cho phù hợp với Luật Điều ước quốc tế và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;  **2. Phòng PC-TT- Cục ĐSVN (đơn vi thẩm định Hồ sơ)**  Khoản 4: Đề nghị không viết hoa chữ “Điều”; bổ sung thêm cụm từ “nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa” trước cụm từ “Việt Nam”.  **3. Vụ Pháp chế**  đề nghị sửa cụm từ “Điều ước quốc tế này” thành “Điều ước quốc tế đó”. | 1. Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo  Lý do: Tổ chức hợp tác đường sắt Quốc tế (OSJD) mỗi hành khách khi đi tàu bằng thẻ công vụ được mang miễn phí tối đa là 36Kg hành lý.  - Theo quy định của Thông tư số 78.2014/TT-BGTVT thì mối hành khách được mang theo là 20 kg hành lý xách tay.  - Dự thảo Thông tư này đã trao quyền cho doanh nghiệp tự quy định khối lượng hành lý xách tay tối đa được phép mang theo người để phù hợp với thực tiễn và điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp, thuận tiện cho hành khách.  2. Đồng ý tiếp thu  3. Đồng ý tiếp thu | 3. Trường hợp khi khối lượng vận chuyển cho phép của hành lý xách tay của hành khách đã có các quy định theo điều ước quốc tế mà nước **Cộng hòa xã hội chủ nghĩa** Việt Nam là thành viên thì thực hiện theo quy định của **điều ước quốc tế đó.** |
|  | **Điều 13. Điều kiện vận chuyển hành lý** | Chuyển nội dung của Điều 22 Thông tư 78 đưa về Điều này của dự thảo Thông tư này và sửa đổi, bổ sung để phù hợp với quy định của Luật Đường sắt năm 2017. |  |  | **Điều 13. Điều kiện vận chuyển hành lý** |
|  | 1. Hành lý phải tuân thủ các quy định nêu tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 12 của Thông tư này. |  | **1. Tổng công ty ĐSVN**  Khoản 1, Điều 13 bỏ từ: “khoản 4” cho phù hợp;  **2. Cục Hàng Hải Việt Nam**  Đề nghị bổ sung cụm từ “1. Hành lý **được vận chuyển** phải tuân thủ...”; | 1. Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo  Lý do: Đơn vị soạn thảo không tiếp thu ý kiến bỏ khoản 4 Điều 12 do vậy đề nghị giữ nguyên  2. Đồng ý tiếp thu | 1. Hành lý **được vận chuyển** phải tuân thủ các quy định nêu tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 12 của Thông tư này. |
|  | 2. Hành lý xách tay do hành khách đóng gói và phải có đồ chứa đựng và được để đúng nơi quy định trên tàu, do hành khách tự quản lý. | Sửa đổi bổ sung khoản 2 Điều 22 Thông tư 78 và đưa vào khoản 2 Điều này của dự thảo Thông tư để xác định rõ việc đóng gói hành lý xách tay do hành khách chịu trách nhiệm. | **Vụ Pháp chế**  Đề nghị cân nhắc việc quy định hành lý xách tay phải do hành khách đóng gói vì quy định như vậy không phù hợp với thực tiễn | Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo  Lý do:  - Hành khách khi mua vé được miễn một trọng lượng hành hóa nhất định theo quy định của doanh nghiệp do vậy hành lý xách tay do hành khách tự đóng gói và tự bảo quản.  - Khi vượt quá trọng lượng hành lý xách tay mà doanh nghiệp cho phép thì hành khách thì gửi theo hành lý ký gửi khi đó doanh nghiệp phải đóng gói hành ký ký gửi cho hành khách | 2. Hành lý xách tay do hành khách đóng gói và phải có đồ chứa đựng và được để đúng nơi quy định trên toa hành khách, do hành khách tự bảo quản. |
|  | 3. Hành lý ký gửi phải có đầy đủ tên được hành khách kê khai, đóng gói theo quy cách của tờ kê khai gửi hàng, kích thước, trọng lượng mỗi kiện hàng không vượt quá quy định của doanh nghiệp. Người gửi hàng phải chịu trách nhiệm về việc kê khai, đóng gói hành lý của mình. | Sửa đổi, bổ sung Điều 23, Điều 24 Thông tư 78 chuyển thành khoản 3 Điều này dự thảo Thông tư này, với lý do:  - Để phù hợp với bố cục và nội dung của Dự thảo Thông tư này.  - Yêu cầu về kê khai, đóng gói, kích thước, trọng lượng đối với hành lý hiện nay đã và đang được doanh nghiệp thực hiện và chưa xuất hiện tồn tại bất cập.  - Việc doanh nghiệp quy định về tờ kê khai gửi hàng, kích thước, trọng lượng mỗi kiện hàng là phù hợp với Điều 60; 61 Luật Đường sắt 2017. Quy định này là cần thiết để doanh nghiệp và các cơ quan chức năng kiểm tra giám sát quá trình vận chuyển.  - Quy định hành khách phải kê khia hàng hóa phù hợp với mục a khoản 2 Điều 61 của Luật đường sắt. | **Vụ Pháp chế**  Khoản 3 Điều 13 quy định trách nhiệm của hành khách trong việc kê khai, đóng gói hàng hóa. Do việc kê khai, đóng gói hàng hóa trên thực tế là không đơn giản, đồng thời quy định này liên quan đến việc bồi thường tại điểm b khoản 1 | Đồng ý tiêp thu có chỉnh sửa bỏ từ “đóng gói” ở cuối khoản  Lý do:  - Khi hành khách gửi hành lý ký gửi doanh nghiếp đã phát tờ khai đề hành khách đề kê khai hành lý và tự chịu trách nhiệm về việc kê khai và doanh nghiệp đã kiểm tra và bán vé hành lý và buộc thẻ gửi hàng đo do vậy không có vướng mắc trong quá trình thực hiện.  - Tại điểm c khoản 6 Điều 13 của Dự thảo Thông tư đã quy định doanh nghiệp có trách nhiệm kiểm tra hàng bao gói và yêu cầu sửa chữa bổ sung cho đúng quy định. Như vậy sau khi doanh nghiệp kiểm tra và chấp nhận để vận chuyển, bảo quản thì khi hành lý ký gửi bị mất mát, hư hỏng thì doanh nghiệp chịu trách nhiệm. | 3. Hành lý ký gửi phải có đầy đủ tên được hành khách kê khai, đóng gói theo quy cách của tờ kê khai gửi hàng, kích thước, trọng lượng mỗi kiện hàng không vượt quá quy định của doanh nghiệp. Người gửi hàng phải tự chịu trách nhiệm về việc kê khai hành lý của mình. |
|  |  |  |  |  | 4. Hành khách đã có vé đi tàu và có vé hành lý ký gửi đúng quy định. |
|  |  |  | **2. Phòng PC-TT- Cục ĐSVN (đơn vi thẩm định Hồ sơ)**  Khoản 5 đề nghị bỏ cụm từ *“5. Hành lý là hàng hóa không thuộc loại ~~hàng hóa~~ bị nghiêm cấm vận chuyển trong hoạt động đường sắt, ~~hoặc hành lý là~~ hàng nguy hiểm, động vật sống, thi hài, hài cốt* ***phải*** *tuân thủ các quy định của Luật Đường sắt.”* | Đồng ý tiếp thu có chỉnh sửa | **5. Hành lý là hàng hóa không thuộc loại bị nghiêm cấm vận chuyển trong hoạt động đường sắt, trường hợp hàng hóa là hàng nguy hiểm, động vật sống, thi hài, hài cốt phải tuân thủ các quy định của Luật Đường sắt.** |
|  |  |  |  |  | 6. Đóng gói hành lý đúng quy định. Kích thước, trọng lượng mỗi kiện hàng không được vượt quá quy định của doanh nghiệp và phải đảm bảo các nguyên tắc sau: |
|  |  |  |  |  | a) Hành lý ký gửi phải do người gửi đóng gói chắc chắn theo quy định của doanh nghiệp để bảo đảm không bị hư hỏng, hao hụt, mất mát trong quá trình vận chuyển; |
|  |  |  | **2. Phòng PC-TT- Cục ĐSVN (đơn vi thẩm định Hồ sơ)**  Điểm b khoản 6 đề nghị viết lại như sau: “*b) Bên ngoài bao gói của hành lý ký gửi phải có các thông tin sau:Đối với hành lý ký gửi: họ tên,**số Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước, địa chỉ của hành khách và số điện thoại, số fax (nếu có), số hiệu vé hành lý ký gửi ký hiệu, biểu trưng đặc tính của hàng hóa;”.* | Đồng ý tiếp thu có chỉnh sửa như dự thảo | b) Bên ngoài bao gói của hành lý ký gửi phải có các thông tin sau: Họ tên, **số Chứng minh nhân** dân hoặc Thẻ căn cước, địa chỉ của hành khách và số điện thoại, số fax (nếu có), số hiệu vé hành lý ký gửi ký hiệu, biểu trưng đặc tính của hàng hóa; |
|  |  |  |  |  | c) Trước khi nhận vận chuyển, doanh nghiệp có trách nhiệm kiểm tra hàng, bao gói và yêu cầu sửa chữa, bổ sung cho đúng quy định, Trường hợp nghi ngờ về tính xác thực của hàng hóa chứa bên trong, doanh nghiệp được quyền yêu cầu hành khách, người gửi hành lý ký gửi mở bao gói để kiểm tra; |
|  |  |  |  |  | d) Doanh nghiệp quy định những loại hành lý ký gửi không bắt buộc phải đóng gói khi vận chuyển. |
|  |  |  |  |  | **Điều 14. Xác định tên hành lý ký gửi** |
|  |  |  |  |  | Người gửi hành lý ký gửi có trách nhiệm ghi đúng tên hàng hóa trong tờ khai gửi hàng. Người gửi hàng phải chịu trách nhiệm về những hậu quả xảy ra do khai không đúng tên hàng. |
|  | **Điều 14. Thủ tục gửi hành lý ký gửi** | Giữ nguyên Điều 28 Thông tư 78 và đưa vào nội dung Điều này của dự thảo Thông tư này vì: Quy định này đã được áp dụng và thực hiện và chưa xuất hiện tồn tại bất cập. | **Vụ Vận tải:**  Đề nghị chuyển Điều 14, có nội dung quy định về việc vận chuyển hành lý ký gửi về Chương III “ Vận tải hành lý”cho phù hợp với kết cấu bố cục của Thông tư. | Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo  Lý do: Nội dung Điều 14. Thủ tục gửi hành lý ký gửi đã ở chương III vận tải hành lý của dự thảo Thông tư. | **Điều 15. Thủ tục gửi hành lý ký gửi** |
|  | 1. Khi gửi hành lý ký gửi hành khách phải ghi đúng, đủ nội dung của tờ khai gửi hàng theo mẫu do doanh nghiệp quy định. |  | **Cục CSGT-Bộ Công an**  1. Khi gửi hành lý ký gửi hành khách phải người gửi hàng phải ghi đúng, đủ nội dung của tờ khai gửi hàng theo mẫu do doanh nghiệp quy định và phải chịu trách nhiệm tính hợp pháp của hàng hóa trong hành lý ký gửi | Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo  Lý do:  - Cụm từ “người gửi” phải là hành khách đi tàu và gửi hành lý ký gửi.  - Trách nhiệm đảm bảo tính pháp lý của hàng hóa đã được quy định ở khoản 2 Điều này | 1. Khi gửi hành lý ký gửi hành khách phải ghi đúng, đủ nội dung của tờ khai gửi hàng theo mẫu do doanh nghiệp quy định. |
|  | 2. Hành khách phải chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hàng hóa trong hành lý ký gửi. |  |  |  | 2. Hành khách phải chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hàng hóa trong hành lý ký gửi. |
|  | 3. Doanh nghiệp có trách nhiệm kiểm tra bao bì, số lượng, ký hiệu, mã hiệu, biểu trưng đặc tính của hàng hóa và xác nhận vào tờ khai gửi hàng. |  | **Cục CSGT-Bộ Công an**  Doanh nghiệp có trách nhiệm kiểm tra bao bì, số lượng, ký hiệu, mã hiệu, biểu trưng đặc tính của hàng hóa và xác nhận vào tờ khai gửi hàng. | Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo  Lý do: Khoản 2, khoản 3 Điều này phân định rõ trách nhiệm cảu 02 đối tượng trước tính pháp lý của hàng hóa trong hành lý ký gửi. | 3. Doanh nghiệp có trách nhiệm kiểm tra bao bì, số lượng, ký hiệu, mã hiệu, biểu trưng đặc tính của hàng hóa và xác nhận vào tờ khai gửi hàng. |
|  | **Điều 15. Trách nhiệm xếp dỡ, bảo quản hành lý ký gửi** | Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 30 Thông tư 78 và đưa vào nội dung Điều này của dự thảo và bố cục như dự thảo.  Lý do: Viết lại như vậy nhằm quy định rõ giới hạn trách nhiệm xếp dỡ, bảo quản hành lý ký gửi trong quá trình vận chuyển. | **Vụ Vận tải:**  Đề nghị chuyển Điều 15, có nội dung quy định về việc vận chuyển hành lý ký gửi về Chương III “ Vận tải hành lý”cho phù hợp với kết cấu bố cục của Thông tư. | Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo  Lý do: Nội dung Điều 15. Trách nhiệm xếp dỡ, bảo quản hành lý ký gửi đã ở Chương III vận tải hành lý của dự thảo Thông tư. | **Điều 16. Trách nhiệm xếp dỡ, bảo quản hành lý ký gửi** |
|  | Việc xếp, dỡ, bảo quản hành lý ký gửi do doanh nghiệp chịu trách nhiệm. Doanh nghiệp được thu tiền xếp, dỡ theo quy định của doanh nghiệp. |  |  |  | Việc xếp, dỡ, bảo quản hành lý ký gửi do doanh nghiệp chịu trách nhiệm. Doanh nghiệp được thu tiền xếp, dỡ theo quy định của doanh nghiệp. |
|  | **Điều 16. Giao trả hành lý ký gửi** | Sửa đổi, bổ sung Điều 32 của thông tư 78 chuyển về Điều này của dự thảo Thông tư cho phù hợp với kết cấu bố cục của Đề cương đã được Bộ GTVT phê duyệt tại văn bản số 10020/BGTVT-VT ngày 05/9/2017. |  |  | **Điều 17. Giao trả hành lý ký gửi** |
|  | 1. Khi nhận hành lý ký gửi, hành khách phải kiểm tra hành lý, trả lại doanh nghiệp vé hành lý, thẻ gửi hàng của doanh nghiệp đã giao cho hành khách. | Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 32 của Thông tư 78 và chuyển về khoản 1, khoản 2 của dự thảo Thông tư này để xác định trách nhiệm của hành khách trước khi nhận hàng.  Nội dung này đã và đang thực hiện trong thực tế và chưa tồn tại bất cập. | **1. Vụ Hợp tác quốc tế:**  Đề nghị làm rõ “Thẻ gửi hàng” nội hàm có khác gì với vé hành lý hay không.  **2. Công ty CPVTĐS Hà Nội**  Đề nghị sửa thành "Khi nhận hành lý ký gửi, hành khách phải kiểm tra hành lý, trả lại doanh nghiệp vé hành lý và thẻ gửi hàng (nếu có) theo quy định của doanh nghiệp".  **3. Công ty CPVTĐS Sài Gòn**  Đề nghị bỏ cụm từ “trả lại doanh nghiệp vé hành lý” vì vé hành lý là hóa đơn giao cho khách hàng.  **4. Phòng PC-TT- Cục ĐSVN (đơn vi thẩm định Hồ sơ)**  Tại khoản 1 Điều 17 đề nghị bỏ cụm từ “của doanh nghiệp” cho phù hợp. | 1. Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo:  Lý do:Vé hành lý và thẻ gửi hàng là 02 loại giấy tờ khách nhau.  Thẻ gửi hàng đề ghi các thông tin của hành khách’ ga đi, ga đến; tên hành lý; trọng lượng của hành lý ký gửi và được buộc vào hành lý của hành khách gửi hành và thuận tiện cho việc trả hành lý.  2. Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo  Lý do: Dùng dấu “phảy” trong trường hợp này là đúng vì dấu “ phảy” trong tiếng việt có lúc dùng là “và” có khi dùng là “ hoặc” do vậy tuy thuộc doanh nghiệp gửi cho hành khách gửi hành lý ký gửi các loại giấy tờ gì.  3. Đồng ý tiếp thu có chỉnh sửa cụm từ “trả vé hành lý” bằng cụm từ “xuất trình vé hành lý”  4. Đồng ý tiếp thu | 1. Khi nhận hành lý ký gửi, hành khách phải kiểm tra hành lý, **xuất trình vé hành lý và trả lại** doanh nghiệp thẻ gửi hàng đã giao cho hành khách. |
|  | 2. Trường hợp hành khách bị mất thẻ gửi hàng thì phải xuất trình giấy tờ tùy thân theo quy định của Pháp luật cho doanh nghiệp để được nhận hành lý. | **Công ty CPVTĐS Hà Nội**  Đề nghị Trường hợp hành khách bị mất vé hành lý hoặc thẻ gửi hàng (nếu có) thì phải xuất trình giấy tờ tùy thân theo quy định của Pháp luật cho doanh nghiệp để được nhận hành lý". | Đồng ý tiếp thu | 2. Trường hợp hành khách bị mất **vé hành lý**, thẻ gửi hàng thì phải xuất trình giấy tờ tùy thân theo quy định của pháp luật cho doanh nghiệp để được nhận hành lý. |
|  | **3. Trường hợp hành lý bị hư hỏng, mất mát, sai khác so với nội dung đã được kê khai theo quy định tại khoản 3 điều này, hành khách phải kịp thời báo và lập biên bản xác nhận hiện trạng với người đại diện bên giao hành lý ký gửi của doanh nghiệp.** | Bổ sung mới khoản 3 Điêu này để xácdđịnh rõ trách nhiệm của hành khách và doanh nghiệp trong việc giao, nhận hàng. Đồng thời quy định này để xác định lỗi của các chủ thẻ trong việc giao nhận hàng làm căn cứ đền bù thiệt hại sau này. | **1. Cổng ty CPVTĐS Sài Gòn**  Đề nghị sửaTrường hợp hành lý bị hư hỏng, mất mát, sai khác so với nội dung đã được kê khai theo quy định tại **khoản 3 điều này**… thay bằng tại **khoản 1** **điều 14**…  **2. Vụ Môi trường**  Đề nghị rà roát phần trính dẫn tại khoản 3 Điều 16 cho phù hợp.  **3. Tổng công ty ĐSVN**  Đề nghị sửa như sau: “Khoản ~~3~~ 2 Điều này”  **4. Vụ Pháp chế**  Đề nghị quy định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp trong trường hợp hành lý bị hư hỏng, mất mát, sai khác do lỗi của doanh nghiệp. | 1. Đồng ý tiếp thu có chỉnh sửa  2. Đồng ý tiếp thu  3. Đồng ý tiếp thu như ý kiến của Công ty CPVTĐS Sài Gòn  4. Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo  Lý do: Khi hành lý ký gửi bị hư hỏng, mất mát, sai khác so với nội dung đã được kê khai thì doanh nghiệp và hành khách gửi hành lý ký gửi tự thỏa thuận trường hợp không thỏa thuận được thì giải quyết theo quy định tại **Điều 29 của Thông tư này** | 3. Trường hợp hành lý **ký gửi** bị hư hỏng, mất mát, sai khác so với nội dung đã được kê khai theo quy định tại **khoản 1 Điều 15** Thông tư này, hành khách phải kịp thời báo và lập biên bản xác nhận hiện trạng với người đại diện bên giao hành lý ký gửi của doanh nghiệp. |
|  | 4. Doanh nghiệp có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi nhất để hành khách và người gửi nhận hành lý ký gửi. | Giữ nguyên khoản 3 Điều 32 Thông tư 78 để chuyển về khoản 4 của dự thảo Thông tư này vì trong quá trình thực hiện chưa tồn tại bất cập. |  |  | 4. Doanh nghiệp có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi nhất để hành khách và người gửi nhận hành lý ký gửi. |
|  |  |  | **Phòng PC-TT – Cục ĐSVN (đơn vị thẩn định Hồ sơ)**  Điều 18 đề nghị sửa lại như sau: *“****Điều 18. Vận tải hành khách, hành lý quốc tế***  *Việc thực hiện vận chuyển hành khách, hành lý quốc tế tuân thủ các* ***thực hiện theo*** *quy định tại Điều 57 Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 và của các văn bản* ***quy định của*** *pháp luật có liên quan.”* | Bổ sung mới điều này để phù hợp với Luật Đường sắt 06/2017/QH14  Đồng ý tiếp thi có chỉnh sửa | **Điều 18.Vận tải hành khách, hành lý Quốc tế** |
|  |  |  |  | . | **Việc vận tải hành khách, hành lý quốc tế thực hiện theo quy định tại Điều 57 Luật Đường sắt và các quy định của pháp luật có liên quan.** |
|  |  |  |  | Bổ sung mới điều này để phù hợp với Luật Đường sắt 06/2017/QH14 | **Điều 19. Vận chuyển hành khách, hành lý trên đường sắt quốc gia vào đường sắt chuyên dùng có kết nối vào đường sắt quốc gia và ngược lại** |
|  |  |  |  | Quy định khoản 1 Điều này với lý do:  - Tại Điều 51 Luật đường sắt quy định quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt trong đố có nội dung xây dựng công lênh tải trọng, tốc độ, biểu đồ chạy tàu và trổ chức điều hành giao thông vận tải.  - Hiện nay chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng cũng đang thực hiện những nội dung trên đối với đường sắt chuyên dùng.  - Để chạy tàu từ đường sắt quốc gia vào đường sắt chuyên dùng hoặc ngược lại thì cần có sự thống nhất về công lệnh tải trọng, tốc độ, biểu đồ chạy tàu và tổ chức điều hành giao thông đảm bảo tính thống nhất trên khu đoạn từ đường sắt quốc gia vào đường sắt chuyên dùng.  - Dự thảo Thông tư đề xuất giao cho doanh nghiệp kinh doanh KCHT trên đường sắt quốc gia chủ trì phối hợp với chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng thực hiện những nội dung trên vì doanh nghiệp kinh doanh KCHT trên đường sắt quốc gia có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực này. | **1. Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia chủ trì, phối hợp với chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia để thống nhất tải trọng, tốc độ, biểu đồ chạy tàu và tổ chức điều hành giao thông vận tải đảm bảo thông suốt, an toàn theo biểu đồ chạy tàu.** |
|  |  |  |  | Cần phải có quy định này đẻ đảm bảo nguyên tắc trong hoạt động đường sắt là cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng giữa các tổ chức cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia kinh doanh đường sắt theo quy định tại Điều 4 Luật đường sắt số 06/2017/QH14. | **2. Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia và chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách, hành lý từ đường sắt quốc gia vào đường sắt chuyên dùng và ngược lại.** |
|  |  |  |  |  | **3. Doanh nghiệp vận tải hành khách, hành lý từ đường sắt quốc gia vào đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia phải có nghĩa vụ:** |
|  |  |  |  | Để đảm bảo nguyên tắc trong hoạt động đường sắt theo quy định tại Điều 4 Luật đường sắt số 06/2017/QH14. | **a) Tuân thủ sự điều hành thống nhất, tập trung của doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia và chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng;** |
|  |  |  | **Phòng PC-TT – Cục ĐSVN (đơn vị thẩn định Hồ sơ)**  Tại điểm b khoản 3 Điều 19 đề nghị sửa đổi như sau: *“b) Thực hiện các quy định có liên quan đến hoạt động vận tải đường sắt theo quy định của Luật Đường sắt 06/2017/QH14 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.”* | -Đồng tiếp thu  Để tham gia kinh doanh vận tải đường sắt trên đường sắt quốc gia và đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia Luật đường sắt đã quy định các yêu cầu đối với phương tiện giao thông đường sắt, nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu, tín hiệu, quy tắc giao thông đảm bảo trật tự an toàn … các doanh nghiệp vận tải phải tuân thủ các điều kiện này mới được tham gia vận tải trên đường sắt. | **b) Thực hiện các quy định có liên quan đến hoạt động vận tải đường sắt theo quy định của Luật Đường sắt và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.** |
|  |  |  |  |  | **4. Ngoài việc tuân thu các quy định khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này việc vận chuyển hành khách, hành lý trên đường sắt chuyên dùng có kết nối vào đường sắt quốc gia còn phải thực hiện theo các quy định của Thông tư này.** |
| **Chương****IV** | **Chương IV** |  |  |  | **Chương IV** |
| **GIẢI QUYẾT SỰ CỐ, TRỞ NGẠI VẬN TẢI HÀNH KHÁCH** | **GIẢI QUYẾT SỰ CỐ, TRỞ NGẠI** |  |  |  | **GIẢI QUYẾT SỰ CỐ, TRỞ NGẠI** |
|  | **MỤC 1**  **ĐỐI VỚI VẬN TẢI HÀNH KHÁCH** |  |  |  | **MỤC 1**  **ĐỐI VỚI VẬN TẢI HÀNH KHÁCH** |
| **Điều****17. Hành khách ngừng đi tàu ở ga dọc đường** | **Điều 17. Hành khách ngừng đi tàu ở ga dọc đường** | Đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 17 Thông tư 78 và chuyển về Điều 17 của dự thảo Thông tư này để phù hợp với đề cương chi tiết đã được Bộ GTVT phê duyệt. |  |  | **Điều 20. Hành khách ngừng đi tàu ở ga dọc đường** |
| Hành khách bị ốm, đau buộc phải xuống ga dọc đường thì trưởng tàu xác nhận để hành khách đi tiếp bằng chuyến tàu khác hoặc được doanh nghiệp trả lại tiền vé đối với quãng đường chưa đi tính từ ga gần nhất phía trước mà tàu có đỗ nhận khách đến ga đến ghi trên vé của hành khách. | **1**. Trường hợp hành khách đi tàu vì lý do ốm đau trên tàu không thể tiếp tục hành trình buộc phải xuống ga dọc đường, Trưởng tàu phải có trách nhiệm sau: | Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 17 Thông tư 78 để chuyển về khoản 1 Điều này vì: Để xác định trách nhiệm của Trưởng tàu trong trường hợp hành khách bị ốm đâu trên tàu buộc phải xuống tàu: Công tác sơ cứu cho hành khách; công tác xác định quyền lợi của hành khách trong trường hợp đặc biệt này. |  |  | 1. Trường hợp hành khách đi tàu vì lý do ốm đau trên tàu không thể tiếp tục hành trình buộc phải xuống ga dọc đường, Trưởng tàu phải có trách nhiệm sau: |
|  | **a) Tổ chức sơ cứu cho hành khách.** |  |  |  | a) Tổ chức sơ cứu cho hành khách. |
|  | **b) Xác nhận để hành khách đi tiếp bằng chuyến tàu khác hoặc được doanh nghiệp trả lại tiền đối với quãng đường chưa đi còn lại mà hành khách chưa đi theo vé mà hành khách đã mua.** |  |  |  | b) Xác nhận để hành khách đi tiếp bằng chuyến tàu khác hoặc được doanh nghiệp trả lại tiền đối với quãng đường chưa đi còn lại mà hành khách chưa đi theo vé mà hành khách đã mua. |
|  | **2. Trường hợp vì lý do cá nhân hành khách phải xuống tàu ở ga dọc đường có đỗ ngoài quy định tại khoản 1 Điều này thì hành khách không được hoàn trả lại tiền đối với quãng đường chưa đi theo vé mà hành khách đã mua.** | Bổ sung mới khoản 2 Điều này để giải quyết các trường hợp phát sinh có thể xảy ra đối với hành khách đi tàu. |  |  | 2. Trường hợp vì lý do cá nhân hành khách phải xuống tàu ở ga dọc đường có đỗ ngoài quy định tại khoản 1 Điều này thì hành khách không được hoàn trả lại tiền đối với quãng đường chưa đi theo vé mà hành khách đã mua. |
| **Điều****18. Thay đổi chỗ trên tàu** | **Điều 18.** **Thay đổi hợp đồng vận tải hành khách** | - Thay đổi tên của Điều 18 Thông tư 78 và tên của Điều 18 của đề cương chi tiết đã được Bộ GTVT phê duyệt thành Điều 18. Thay đổi hợp đồng vận tải hành khách để giải quyết các tình huống xảy ra trong thực tế. | **Công ty CPVTĐS Hà Nội**  Đề nghị sửa đổi tiêu đề của Điều 18 là "Thay đổi chỗ trên tàu". | Đồng ý tiếp thu | **Điều 21.** **Thay đổi chỗ trên tàu** |
| Trường hợp doanh nghiệp phải thay đổi toa xe, thay tàu so với phương án bán vé đã bán cho hành khách thì việc thay đổi chỗ giải quyết như sau: |  |  |  |  |  |
| 1. Hành khách có vé hạng cao mà không có chỗ nên phải sử dụng chỗ vé có hạng thấp hơn ngoài ý muốn thì tại ga đến, doanh nghiệp phải hoàn lại tiền chênh lệch trên đoạn đường hành khách đã phải sử dụng chỗ vé hạng thấp mà không được thu thêm bất cứ khoản tiền nào. Thứ hạng của chỗ trên tàu do doanh nghiệp quy định. | 1. Trường hợp thay đổi chỗ của hành khách trên tàu so với vé của hành khách đã mua do lỗi của doanh nghiệp, thì giải quyết như sau: | Sửa đổi, bổ sung Điều 18 Thông tư 78 và chuyển về Điều 18 của Dự thảo Thông tư này vì lý do:  - Phù hợp với kết cấu của đề cương đã được Bộ GTVT phê duyệt.  - Làm rõ hơn các nội dung đã quy định tại Điều 18 Thông tư 78 để tránh các tranh chấp có thể xảy ra. | **Vụ Vận tải:**  Đề nghị phân định rõ 02 trường hợp Hành khách đồng ý và hành khách không đồng ý đối với việc thay đổi chỗ ngồi của hành khách so với vé đã mua do lỗi của doanh nghiệp | Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo  Lý do: Tại điểm a khoản 1 Điều này đã quy định rõ khi đổi chỗ phải được sự đồng ý của hành khách. Trường hợp không được sự chấp nhận đổi chố của hành khách thì doanh nghiệp phải có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ tiền vé mà hành khách đã mua. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này thì không cần sự chấp nhận của hành khách . | 1. Trường hợp thay đổi chỗ của hành khách trên tàu so với vé của hành khách đã mua do lỗi của doanh nghiệp, thì giải quyết như sau: |
|  | a) Phải được sự đồng ý của hành khách đã mua vé. Trường hợp hành khách không đồng ý thì doanh nghiệp phải có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ tiền vé mà hành khách đã mua. |  |  |  | a) Phải được sự đồng ý của hành khách đã mua vé. **Trường hợp hành khách không đồng ý thì doanh nghiệp không được gây khó khăn cho hành khách.** |
|  | b) Hành khách được hưởng quyền lợi tương đương với vé đã mua. Trường hợp hành khách bị chuyển từ vé hạng cao xuống vé hạng thấp thì doanh nghiệp phải hoàn trả tiền chênh lệch của hai loại vé này trên đoạn đường hành khách đã được phục vụ.Trường hợp ngược lại, hành khách không phải trả tiền chênh lệch của hai loại vé này. |  | **Công ty CPVTĐS Hà Nội**  Khoản 1 điểm b: "Hành khách được hưởng quyền lợi tương đương với vé đã mua. Trường hợp hành khách bị chuyển từ vé hạng cao xuống vé hạng thấp thì doanh nghiệp phải hoàn trả tiền chênh lệch của hai loại vé này trên đoạn đường hành khách đã sử dụng chỗ có vé hạng thấp.Trường hợp ngược lại, hành khách không phải trả tiền chênh lệch của hai loại vé này.  **2. Công ty CPVTĐS Sài Gòn**  Đề nghị sửa Thay cụm từ “Trường hợp hành khách bị chuyển từ vé hạng cao xuống vé hạng thấp…” bằng “Trường hợp phải chuyển chỗ hành khách từ vé hạng cao xuống vé hạng thấp…” để nhận được sự chia sẽ của hành khách vì đây là sự cố mà doanh nghiệp không mong muốn. | 1. Đồng ý tiếp thu và có chỉnh sửa.  2. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo:  Lý do: Để bảo vệ quyền lợi của hành khách đi tàu trước lỗi của doanh nghiệp. | b) Trường hợp hành khách đồng ý chuyển từ vé hạng cao xuống vé hạng thấp thì doanh nghiệp phải hoàn trả tiền chênh lệch của hai loại vé này trên đoạn đường hành **khách đã sử dụng chỗ có vé hạng thấp**. Ngược lại, hành khách không phải trả tiền chênh lệch của hai loại vé này. |
| 2. Hành khách có vé hạng thấp mà không có chỗ được doanh nghiệp bố trí chỗ hạng cao hơn thì hành khách không phải trả thêm tiền. | **2. Trường hợp vì lý do bất khả kháng, doanh nghiệp phải kịp thời bố trí tàu, toa xe thay thế hoặc kết hợp với các phương tiện vận tải khác để vận chuyển hành khách, hành lý theo hành trình.** | Bổ sung mới khoản 2 Điều này để xét đến giải quyết đến các tính huống bất khả kháng có thể xảy ra trong thực tế như bão lũ, thiên tai, dịch bệnh… |  |  | 2. Trường hợp vì lý do bất khả kháng, doanh nghiệp phải kịp thời bố trí tàu, toa xe thay thế hoặc kết hợp với các phương tiện vận tải khác để vận chuyển hành khách, hành lý theo hành trình. |
| 3. Trường hợp hành khách không chấp nhận đổi chỗ thì doanh nghiệp phải trả lại toàn bộ tiền vé cho hành khách. |  | Chuyển nội dung khoản 3 Thông tư số 78 vào điểm a của khoản 1 Điều 18 của dự thảo Thông tư này. |  |  |  |
| **Điều****19. Mất vé khi đi tàu** | **Điều 19. Mất vé khi đi tàu** | Giữ nguyên nội dung Điều 18 Thông tư 78 và chuyển vào Điều 19 của dự thảo Thông tư |  |  | **Điều 22. Mất vé khi đi tàu** |
| Hành khách mất vé khi đi tàu có trách nhiệm thông báo cho nhân viên phục vụ toa xe biết. Việc mất vé được giải quyết như sau: | 1. Trường hợp khi đi tàu hành khách bị mất vé cứng thì giải quyết như sau | Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 19 của Thông tư 78 cho phù hợp với loại hình vé đi tàu ban hành trong thực tế hiện nay là vé cứng và vé điện tử. Đối với mỗi loại vé giải quyết theo các cách khác nhau. |  |  | 1. Trường hợp khi đi tàu hành khách bị mất vé cứng thì giải quyết như sau: |
| 1. Trên cơ sở khai báo của hành khách bị mất vé và dữ liệu quản lý vé hành khách của đoàn tàu, Trưởng tàu xác nhận đúng hành khách đã mua vé và bị mất thì được cấp Giấy xác nhận để hành khách tiếp tục đi tàu, mẫu Giấy xác nhận do doanh nghiệp quy định. | a) Hành khách bị mất vé phải báo cho nhân viên phụ trách trên tàu. Trên cơ sở dữ liệu quản lý hành khách của đoàn tàu, Trưởng tàu xác nhận hành khách đã có vé nhưng bị mất và cấp Giấy xác nhận để hành khách tiếp tục đi tàu theo mẫu do doanh nghiệp quy định. |  | **Công ty CPVTĐS Hà Nội**  a) Hành khách bị mất vé phải báo cho nhân viên của doanh nghiệp. Trường hợp hành khách chứng minh được quyền sở hữu vé, doanh nghiệp có trách nhiệm cấp Giấy xác nhận để hành khách tiếp tục đi tàu theo mẫu do doanh nghiệp quy định. | Đồng ý tiếp thu | **a) Hành khách bị mất vé phải báo cho nhân viên của doanh nghiệp. Trường hợp hành khách chứng minh được quyền sở hữu vé, doanh nghiệp có trách nhiệm cấp Giấy xác nhận để hành khách tiếp tục đi tàu theo mẫu do doanh nghiệp quy định;** |
| 2. Trường hợp không xác minh được hành khách đã có vé thì hành khách phải mua vé bổ sung theo quy định của doanh nghiệp hoặc hành khách phải xuống tàu tại ga gần nhất tàu có đỗ. | b) Trường hợp trưởng tàu không xác minh được hành khách đã có vé nhưng bị mất thì hành khách phải mua vé bổ sung theo quy định của doanh nghiệp hoặc hành khách phải xuống tàu tại ga gần nhất tàu có đỗ. |  | **1. Công ty CPVTĐS Hà Nội**  b) Trường hợp hành khách không chứng minh được quyền sở hữu vé thì hành khách phải mua vé bổ sung theo quy định của doanh nghiệp hoặc hành khách phải xuống tàu tại ga gần nhất tàu có đỗ.  **2. Công ty CPVTĐS Sài Gòn**  Đề nghị bổ sung “…hành khách phải xuống tàu ga gần nhất tàu có đỗ tác nghiệp khách”. | 1. Đồng ý tiếp thu  2. Đề nghị dữ nguyên theo đề xuất của Công ty CPVTĐS Hà Nội. | **b) Trường hợp hành khách không chứng minh được quyền sở hữu vé thì hành khách phải mua vé bổ sung theo quy định của doanh nghiệp hoặc hành khách phải xuống tàu tại ga gần nhất tàu có đỗ.** |
|  | **2. Trường hợp khi hành khách bị mất vé điện tử khi làm thủ tục lên tàu thì giải quyết như sau:** | Bổ sung mới khoản 2 Điều này để xét đến trong trường hợp hành khách mua vé điện tử bị mất file vé điện tử hoặc mất thẻ lên tàu. |  |  | 2. Trường hợp khi hành khách bị mất vé điện tử khi làm thủ tục lên tàu thì giải quyết như sau: |
|  | **a) Hành khách phải cung cấp cho doanh nghiệp tại ga về các thông tin của mình đã thực hiện khi mua vé.** |  | **1. Công ty CPVTĐS Hà Nội**  Đề nghị sửa thành Nếu hành khách làm mất Thẻ lên tàu hỏa và không nhớ mã vé điện tử nhưng chứng minh được quyền sở hữu vé điện tử hợp lệ thì doanh nghiệp sẽ hỗ trợ và hướng dẫn cấp lại thẻ lên tàu hỏa. Nếu hành khách không chứng minh được quyền sở hữu vé điện tử thì được coi như bị mất vé và hoàn toàn chịu trách nhiệm.  **2. Hội Kinh tế và Vận tải ĐSVN**  Chưa do nghĩa, nhất là điểm a vì làm sao hành khách biết ga về mà cung cấp các thông tin | 1. Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo  Lý do: Khi mua vé tàu hành khách đã cung cấp các thông tin cá nhân theo quy định của doanh nghiệp. Vậy khi hành khách mất Thẻ lên tàu hỏa và không nhớ mã vé điện tử hành khách chi cần cung cấp lại các thông tin cá nhân thì doanh nghiệp có thể cập lại cho hành khách vé đi tàu để tiếp tục đi tàu.  2. Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo  Lý do: Hành khách khi mất vé vé điện tử thì hành khách đó phải cung cấp các thông tin cá nhân đề doanh nghiệp cấp lại vé cho hành khách đó đề đi tàu. | a) Hành khách phải cung cấp cho doanh nghiệp tại ga về các thông tin của mình đã thực hiện khi mua vé; |
|  | **b) Trên cơ sở dữ liệu quản lý vé điện tử đã bán cho hành khách của đoàn tàu, Đại diện doanh nghiệp tại ga cung cấp lại vé cho hành khách đã mua.** |  | **Vụ Hợp tác quốc tế**  Làm rõ mất vé điệu tử, Mất vé đã in ra từ file hay mất file | Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo  Lý do**:** Khi hành khách mua vé điện tử và đã thanh toán tiền đầy đủ cho doanh nghiệp thì trên hệ thông bán vé lưu trữ đầy đủ dữ liệu về hành khách, như vậy khi hành khách mất vé in ra từ file hay mất file thì hành khách còn vé. | b) Trên cơ sở dữ liệu quản lý vé điện tử đã bán cho hành khách của đoàn tàu, đại diện doanh nghiệp tại ga cung cấp lại vé cho hành khách đã mua. |
| **Điều****20. Hành khách bị nhỡ tàu** | **Điều 20. Hành khách bị nhỡ tàu** | Giữ nguyên nội dung Điều 18 Thông tư 78 và chuyển về Điều 20 của dự thảo Thông tư |  |  | **Điều 23. Hành khách bị nhỡ tàu** |
| 1. Hành khách bị nhỡ tàu không do lỗi của doanh nghiệp thì vé không còn giá trị sử dụng. Doanh nghiệp quy định cụ thể các trường hợp nhỡ tàu do nguyên nhân khách quan và các biện pháp giải quyết để hỗ trợ hành khách. | 1. Hành khách bị nhỡ tàu không do lỗi của doanh nghiệp thì vé không còn giá trị sử dụng. Doanh nghiệp quy định cụ thể các trường hợp nhỡ tàu do nguyên nhân khách quan và các biện pháp giải quyết để hỗ trợ hành khách. |  |  |  | 1. Hành khách bị nhỡ tàu không do lỗi của doanh nghiệp thì vé không còn giá trị sử dụng. Doanh nghiệp quy định cụ thể các trường hợp nhỡ tàu do nguyên nhân khách quan và các biện pháp giải quyết để hỗ trợ hành khách. |
| 2. Hành khách bị nhỡ tàu do lỗi của doanh nghiệp thì giải quyết như sau: | 2. Hành khách bị nhỡ tàu do lỗi của doanh nghiệp thì giải quyết như sau: |  |  |  | 2. Hành khách bị nhỡ tàu do lỗi của doanh nghiệp thì giải quyết như sau: |
| a) Đại diện của doanh nghiệp xác nhận vào vé, bố trí để hành khách đi chuyến tàu sớm nhất có quy định dừng ở ga đến ghi trên vé của hành khách. Doanh nghiệp có trách nhiệm trả lại tiền chênh lệch giữa tiền ghi trên vé của hành khách và tiền của loại chỗ thực tế trên tàu mà doanh nghiệp bố trí cho hành khách, trường hợp chỗ thực tế do doanh nghiệp có hạng cao hơn vé của hành khách thì hành khách không phải trả thêm tiền; | a) Đại diện của doanh nghiệp xác nhận vào vé, bố trí để hành khách đi chuyến tàu sớm nhất có quy định dừng ở ga đến ghi trên vé của hành khách. Doanh nghiệp có trách nhiệm trả lại tiền chênh lệch giữa tiền ghi trên vé của hành khách và tiền của loại chỗ thực tế trên tàu mà doanh nghiệp bố trí cho hành khách, trường hợp chỗ thực tế do doanh nghiệp có hạng cao hơn vé của hành khách thì hành khách không phải trả thêm tiền; | Doanh nghiệp trả lại toàn bộ tiền vé cho hành khách và bán vé mới để hành khách đi chuyến tàu sớm nhất có quy định dừng ở ga đến ghi trên vé của hành khách. Trường hợp vé mới có giá cao hơn vé cũ, Doanh nghiệp có trách nhiệm trả lại tiền chênh lệch giữa vé cũ và vé mới cho hành khách". | **Công ty CPVTĐS Hà Nội**  Doanh nghiệp trả lại toàn bộ tiền vé cho hành khách và bán vé mới để hành khách đi chuyến tàu sớm nhất có quy định dừng ở ga đến ghi trên vé của hành khách. Trường hợp vé mới có giá cao hơn vé cũ, Doanh nghiệp có trách nhiệm trả lại tiền chênh lệch giữa vé cũ và vé mới cho hành khách". | Để nghị giữ nguyên như Dự thảo  Lý do: Tại điểm a, điểm b, điểm c khoản nay đã quy định cách giải quyết các trường hợp bị nhỡ tàu do lỗi của doanh nghiệp | a) Đại diện của doanh nghiệp xác nhận vào vé, bố trí để hành khách đi chuyến tàu sớm nhất có quy định dừng ở ga đến ghi trên vé của hành khách. Doanh nghiệp có trách nhiệm trả lại tiền chênh lệch giữa tiền ghi trên vé của hành khách và tiền của loại chỗ thực tế trên tàu mà doanh nghiệp bố trí cho hành khách, trường hợp chỗ thực tế do doanh nghiệp có hạng cao hơn vé của hành khách thì hành khách không phải trả thêm tiền; |
| b) Hành khách có thể yêu cầu đổi vé đi vào ngày khác cùng loại tàu tương đương với vé đã mua và chỉ được thay đổi một lần; | b) Hành khách có thể yêu cầu đổi vé đi vào ngày khác cùng loại tàu tương đương với vé đã mua và chỉ được thay đổi một lần; |  |  |  | b) Hành khách có thể yêu cầu đổi vé đi vào ngày khác cùng loại tàu tương đương với vé đã mua và chỉ được thay đổi một lần; |
| c) Nếu hành khách không tiếp tục chờ đi tàu, doanh nghiệp phải trả toàn bộ tiền vé (nếu nhỡ tàu ở ga đi) hoặc tiền vé trên đoạn đường chưa đi (nếu nhỡ tàu ở ga dọc đường); | c) Nếu hành khách không tiếp tục chờ đi tàu, doanh nghiệp phải trả toàn bộ tiền vé (nếu nhỡ tàu ở ga đi) hoặc tiền vé trên đoạn đường chưa đi (nếu nhỡ tàu ở ga dọc đường); |  |  |  | c) Trường hợp hành khách không tiếp tục chờ đi tàu, doanh nghiệp phải trả toàn bộ tiền vé (nếu nhỡ tàu ở ga đi) hoặc tiền vé trên đoạn đường chưa đi (nếu nhỡ tàu ở ga dọc đường); |
| d) Doanh nghiệp quy định việc hỗ trợ hành khách như ăn, uống, ngủ, nghỉ trong thời gian hành khách chờ đi tàu. | d) Doanh nghiệp quy định việc hỗ trợ hành khách như ăn, uống, ngủ, nghỉ trong thời gian hành khách chờ đi tàu. |  |  |  | d) Doanh nghiệp quy định việc hỗ trợ hành khách như ăn, uống, ngủ, nghỉ trong thời gian hành khách chờ đi tàu. |
| **Điều****21. Tàu bị tắc đường** | **Điều 21. Tàu bị tắc đường** | Đề xuất giữ nguyên tên Điều 21 của Thông tư 78 và chuyển về Điều 21 của dự thảo Thông tư này. |  |  | **Điều 24. Tàu bị tắc đường** |
| Khi có sự cố gây tắc đường chạy tàu thì giải quyết như sau: | Khi có sự cố gây tắc đường chạy tàu thì giải quyết như sau: |  | **1. Tổng Cục ĐBVN:**  Điều 21. Tàu bị tắc đường: đề nghị sửa đổi như sau: “Khi có sự cố gây tắc đường, trừ những trường họp bất khả kháng thì giải quyết như sau:... ”;  **2. Cục Hàng Hải Việt Nam**  Đề nghị bổ sung thêm các sự cố bất thường khác ngoài sự cố bị tắc đường. | 1.Đồng ý tiếp thu và chỉnh sửa câu dẫn của Điều này.  Lý do: các nội dung quy định trong Điều nay là sự cố gây tắc đường không phải do nguyên nhân bất khả kháng  2. Đề nghị chỉnh sửa như ý kiến góp ý của Tổng Cục ĐBVN.  Lý do: Tại khoản 2 Điều 19 đã quy định Trường hợp vì lý do bất khả kháng, doanh nghiệp phải kịp thời bố trí tàu, toa xe thay thế hoặc kết hợp với các phương tiện vận tải khác để vận chuyển hành khách, hành lý theo hành trình. | **Khi có sự cố gây tắc đường, trừ những trường họp bất khả kháng thì giải quyết như sau:** |
| 1. Tại ga hành khách lên tàu: | 1. Tại ga hành khách lên tàu: |  |  |  | 1. Tại ga hành khách lên tàu: |
| a) Hành khách có quyền từ chối đi tàu và yêu cầu doanh nghiệp trả lại tiền vé; | a) Hành khách có quyền từ chối đi tàu và yêu cầu doanh nghiệp trả lại **toàn bộ tiền đã được ghi trên vé;** | Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 21 Thông tư 78 để xác định rõ kinh phí mà doanh nghiệp phải chi trả trong trường hợp hành khách từ chối |  |  | a) Hành khách có quyền từ chối đi tàu và yêu cầu doanh nghiệp trả lại toàn bộ tiền đã được ghi trên vé; |
| b) Nếu hành khách chấp nhận chờ để đi tàu, doanh nghiệp phải bố trí để hành khách được đi tàu sớm nhất. | b) Nếu hành khách chấp nhận chờ để đi tàu, doanh nghiệp phải bố trí để hành khách được đi tàu sớm nhất. | Giữ nguyên điểm b khoản 1 Điều 21 Thông tư 78 vì không tồn tại bất cập trong quá trình thực hiện. |  |  | b) Trường hợp hành khách chấp nhận chờ để đi tàu, doanh nghiệp phải bố trí để hành khách được đi tàu sớm nhất. |
| 2. Trên đường vận chuyển: | 2. Trên đường vận chuyển: |  |  |  | 2. Trên đường vận chuyển: |
| a) Nếu hành khách muốn trở về ga đi, doanh nghiệp phải bố trí đưa hành khách trở về bằng chuyến tàu đầu tiên mà hành khách không phải trả tiền vé. Khi trở về, hành khách có thể xuống một ga dọc đường nếu tàu có đỗ. Doanh nghiệp phải trả lại tiền vé cho hành khách trên đoạn đường từ ga hành khách xuống tàu đến ga đến ghi trên vé; | a) Nếu hành khách muốn trở về ga xuất phát, doanh nghiệp phải bố trí đưa hành khách trở về ga xuất phát bằng chuyến tàu đầu tiên **hoặc bố trí phương tiện vận tải khác** để đưa khách về ga xuất phát, hành khách không phải trả tiền vé trong trường hợp này. Doanh phải trả lại toàn bộ tiền vé mà hành khách đã mua. | Giữ nguyên điểm a khoản 2 Điều 21 Thông tư 78 vì không tồn tại bất cập trong quá trình thực hiện.  Bổ sung cụm từ hoặc bố trí phương tiện vận tải khác để đảm bảo tính linh hoạt khi đưa hành khách quay trở lại ga xuất phát. | **1. Công ty CPVTĐS Hà Nội**  Đề nghị sửa lại điểm a Khoản 2 như sau: "Nếu hành khách muốn trở về ga đi, Doanh nghiệp phải bố trí đưa hành khách trở về bằng chuyến tàu đầu tiên mà hành khách không phải trả tiền vé. Khi trở về, hành khách có thể xuống một ga dọc đường nếu tàu có đỗ. Doanh nghiệp phải trả lại tiền vé cho hành khách trên đoạn đường từ ga hành khách xuống tàu đến ga đến ghi trên vé".  **2. Công ty CPVTĐS Sài Gòn**  Tại dòng thứ 4 điểm a mục 2: Thêm từ “nghiệp” sau từ “Doanh”.  **3. Vụ Pháp chế**  Điểm a Khoản 2 Điều 21 đề nghị bỏ các từ “Nếu”. | 1. Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo  Lý do:  - Tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản này đã quy định cách giải quyết các trường hợp bị nhỡ tàu do tàu bị tắc đường.  - Khi bị tắc đường không phải lý do bất khả kháng, đây là do lỗi của doanh nghiệp vì vậy doanh nghiệp phải có trách nhiệm khắc phụ hậu quả đối với vé mà khách hàng đã mua.  2. Đồng ý tiếp thu  3. Tiếp thu có chỉnh sửa thay từ “nếu” bằng từ “Trường hợp” | a) **Trường hợp** hành khách muốn trở về ga xuất phát, doanh nghiệp phải bố trí đưa hành khách trở về ga xuất phát bằng chuyến tàu đầu tiên hoặc bố trí phương tiện vận tải khác để đưa khách về ga xuất phát, hành khách không phải trả tiền vé trong trường hợp này. Doanh **nghiệp** phải trả lại toàn bộ tiền vé mà hành khách đã mua; |
| b) Nếu hành khách xuống tàu tại ga mà tàu phải đỗ lại và yêu cầu trả lại tiền vé thì doanh nghiệp phải trả lại tiền vé đối với đoạn đường mà hành khách chưa đi; | b) Nếu hành khách xuống tàu tại ga mà tàu phải đỗ lại và yêu cầu trả lại tiền vé thì doanh nghiệp phải trả lại tiền vé đối với đoạn đường mà hành khách chưa đi; | Giữ nguyên điểm b khoản 2 Điều 21 Thông tư 78 vì không tồn tại bất cập trong quá trình thực hiện. | **Vụ Pháp chế**  Điểm b Khoản 2 Điều 21 đề nghị bỏ các từ “Nếu”. | Tiếp thu có chỉnh sửa thay từ “nếu” bằng từ “Trường hợp” | b) **Trường hợp** hành khách xuống tàu tại ga mà tàu phải đỗ lại và yêu cầu trả lại tiền vé thì doanh nghiệp phải trả lại tiền vé đối với đoạn đường mà hành khách chưa đi; |
| c) Nếu hành khách chờ đợi ở ga mà tàu phải đỗ lại để chờ đi tiếp, doanh nghiệp phải đảm bảo các điều kiện sinh hoạt tối thiểu như: ăn, uống miễn phí cho hành khách trong suốt thời gian chờ đợi ở ga; | c) Nếu hành khách chờ đợi ở ga mà tàu phải đỗ lại để chờ đi tiếp, doanh nghiệp phải đảm bảo các điều kiện sinh hoạt tối thiểu như: ăn, uống miễn phí cho hành khách trong suốt thời gian chờ đợi ở ga; | Giữ nguyên điểm c khoản 2 Điều 21 Thông tư 78 vì không tồn tại bất cập trong quá trình thực hiện. | **Vụ Pháp chế**  Điểm Khoản 2 Điều 21 đề nghị bỏ các từ “Nếu”. | Đồng ý tiếp thu có chỉnh sửa thay từ “nếu” bằng từ “Trường hợp” | c) **Trường hợp** hành khách chờ đợi ở ga mà tàu phải đỗ lại để chờ đi tiếp, doanh nghiệp phải đảm bảo các điều kiện sinh hoạt tối thiểu như: ăn, uống miễn phí cho hành khách trong suốt thời gian chờ đợi ở ga; |
| d) Trường hợp doanh nghiệp phải tổ chức chuyển tải, thì doanh nghiệp phải đảm bảo các điều kiện sinh hoạt tối thiểu cho hành khách như quy định tại điểm c khoản 2 Điều này. | d) Trường hợp doanh nghiệp phải tổ chức chuyển tải, thì doanh nghiệp phải đảm bảo các điều kiện sinh hoạt tối thiểu cho hành khách như quy định tại điểm c khoản 2 Điều này. | Giữ nguyên điểm d khoản 2 Điều 21 Thông tư 78 vì không tồn tại bất cập trong quá trình thực hiện. |  |  | d) Trường hợp doanh nghiệp phải tổ chức chuyển tải, thì doanh nghiệp phải đảm bảo các điều kiện sinh hoạt tối thiểu cho hành khách như quy định tại điểm c khoản 2 Điều này. |
| 3. Thời hạn hoàn trả tiền vé không quá 30 ngày, kể từ ngày hành khách xuống tàu. | 3. Thời hạn hoàn trả tiền vé không quá 30 ngày, kể từ ngày hành khách xuống tàu. | Giữ nguyên khoản 3 Điều 21 Thông tư 78 vì không tồn tại bất cập trong quá trình thực hiện. | **1. Công ty CPVTĐS Hà Nội**  Đề nghị bổ sung khoản 3: ".... Thủ tục để hành khách được hoàn trả tiền vé theo quy định của doanh nghiệp.".  **2. Công ty CPVTĐS Sài Gòn**  Đề nghị điều chỉnh thời hạn hoàn trả tiền vé không quá 15 ngày, kể từ ngày hành khách xuống tàu. | 1. Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo  Lý do: Để đảm bảo quyền lợi cho hành khách do vậy phải quy định thời hạn để doanh nghiệp hoàn trả tiền cho hành khách.  2. Đồng ý tiếp thu | 3. Thời hạn hoàn trả tiền vé không quá **15 ngày**, kể từ ngày hành khách xuống tàu. |
|  |  |  | **Vụ Pháp chế**  Khoản 3 Điều 21 đề nghị quy định cụ thể về thời gian, địa điểm, phương thức, niêm yết công khai việc hoàn trả tiền đảm bảo sự thuận tiện cho hành khách. Đồng thời, đề nghị cân nhắc lại việc quy định thời hạn 30 ngày là quá dài. | Đồng ý tiêp thu theo đề xuất của Công ty CPVTĐS Sài Gòn là 15 ngày **và bổ sung khoản 4 của Điều này.** | **4. Doanh nghiệp có trách nhiệm công bố, niêm yết công khai địa điểm, phương thức, thời gian hoàn trả tiền đảm bảo sự thuận tiện cho hành khách.** |
| **Điều****22. Hành lý xách tay** |  | Chuyển toàn bộ Điều 22 của Thông tư 78 vào Điều 12 của dự thảo Thông tư này và trỉnh sửa nội dung cho phù hợp với đề cương đã được Bộ GTVT phê duyện tại văn bản số 10020/BGTVT-VT ngày 05/9/2017 và với Luật ĐS số 06/2017/QH14. |  |  |  |
| 1. Trọng lượng hành lý xách tay được miễn cước của hành khách được quy định như sau: |  |  |  |  |  |
| a) Mua cả vé hành khách: 20kg; |  |  |  |  |  |
| b) Vé miễn giảm cho các đối tượng chính sách xã hội: 20kg; |  |  |  |  |  |
| c) Vé khuyến mại: thực hiện theo quy định của doanh nghiệp; |  |  |  |  |  |
| d) Kích thước, trọng lượng hành lý xách tay không được vượt quá quy định của doanh nghiệp. |  |  |  |  |  |
| 2. Hành khách phải trả tiền cước vận chuyển hành lý cho số hành lý xách tay mang theo quá mức quy định tại khoản 1 Điều này. |  |  |  |  |  |
| 3. Hành lý xách tay phải có đồ chứa đựng, đóng gói, để đúng nơi quy định trên tàu và hành khách phải tự trông nom, bảo quản. |  |  |  |  |  |
| 4. Những hàng hóa cấm mang theo người bao gồm: |  |  |  |  |  |
| a) Hàng nguy hiểm; |  |  |  |  |  |
| b) Vũ khí, công cụ hỗ trợ mà không có giấy phép sử dụng hợp lệ; |  |  |  |  |  |
| c) Những chất gây mất vệ sinh, làm bẩn toa xe; |  |  |  |  |  |
| d) Thi hài, hài cốt; |  |  |  |  |  |
| đ) Hàng hóa cấm lưu thông; |  |  |  |  |  |
| e) Động vật sống (trừ chó cảnh, mèo, chim, cá cảnh nhưng phải có trang bị thích hợp để giữ gìn vệ sinh, không gây ảnh hưởng tới người xung quanh); |  |  |  |  |  |
| g) Vật cồng kềnh làm trở ngại việc đi lại trên tàu, làm hư hỏng trang thiết bị toa xe. |  |  |  |  |  |
| **Chương****V** |  | Chuyển nội dung Chương V của Thông tư 78 về mục 2 Chương IV của dự thảo Thông tư để phù hợp với kết cấu của Đề cương đã được phê duyệt tại văn bản số 10020/BGTVT-VT ngày 05/9/2017 và chỉnh sửa nội dung cho phù hợp. |  |  |  |
| **VẬN TẢI HÀNH LÝ KÝ GỬI, BAO GỬI** |  |  |  |  |  |
| **Điều****23. Xác định tên hàng hóa trong hành lý gửi, bao gửi** | **Điều 22. Xác định tên hành lý ký gửi** |  | **1. Công ty CPVTĐS Hà Nội**  Đề nghị đưa Điều 22 lên Chương III "Vận tải hành lý"  **2. Vụ Môi trường**  Chuyển Điều 22 sang chương III để đảm bảo tính phù hợp giữa nội dung của Điều với tên Chương  **3. Công ty CPVTĐS Sài Gòn**  Chuyển Điều 22 qua **Chương III - Vận tải Hành lý** vì đúng với nội dung này hơn.  **4. Vụ Pháp chế**  Điều 22 quy định trách nhiệm của hành khách trong việc kê khai, đóng gói hàng hóa. Do việc kê khai, đóng gói hàng hóa trên thực tế là không đơn giản, đồng thời quy định này liên quan đến việc bồi thường tại điểm b khoản 1  **5. Cục CSGT- Bộ Công an**  Chuyển Điều 22 qua **Chương III - Vận tải Hành lý** vì đúng với nội dung này hơn. | 1. Đồng ý tiếp thu và chuyển lên **Điều 14** của dự thảo Thông tư  2. Đồng ý tiếp thu  3. Đồng ý tiếp thu  4. Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo  Lý do: Khi hành khách gửi hành lý ký gửi doanh nghiệp đã phát tờ khai đề hành khách kê khai hành lý và tự chịu trách nhiệm về việc kê khai và doanh nghiệp đã kiểm tra và bán vé hành lý và buộc thẻ gửi hàng đo do vậy không có vướng mắc trong quá trình thực hiện.  5. Đồng ý tiếp thu |  |
| Người gửi hành lý ký gửi, bao gửi có trách nhiệm ghi đúng tên hàng hóa trong tờ khai gửi hàng. Người gửi hàng phải chịu trách nhiệm về những hậu quả xảy ra do khai không đúng tên hàng. | Người gửi hành lý ký gửi có trách nhiệm ghi đúng tên hàng hóa trong tờ khai gửi hàng. Người gửi hàng phải chịu trách nhiệm về những hậu quả xảy ra do khai không đúng tên hàng. |  |  |  |  |
| **Điều****24. Điều kiện vận chuyển hành lý ký gửi** | **Điều 23. Vận chuyển hành lý ký gửi** | Đề nghị đưa nội dung Điều 24 Thông tư 78 vào nội dung điều này. Nội dung, bố cục được chỉnh sửa như dự thảo như sau: | **1. Công ty CPVTĐS Hà Nội**  - Đề nghị đưa Điều 23 lên Chương III "Vận tải hành lý"  -Đề nghị sửa tên Điều của Điều này là “Đóng gói hành lý”  **2. Cục CSGT- Bộ Công an**  Đề nghị đưa Điều 23 lên Chương III "Vận tải hành lý"  -Đề nghị sửa tên Điều của Điều này là “Đóng gói hành lý” | 1. Đồng ý tiếp thu và chuyển lên Điểu 13 của dự thảo Thông tư này.  Các nội dung của Điều 23 đã chuyển lên Điều 13 của dự thảo Thông tư và các nội dung này là điều kiện để được vận chuyển hành lý ký gửi.  2. Đồng ý tiếp thu và chuyển lên Điểu 13 của dự thảo Thông tư này (như ý kiến của Công ty CPĐSVT Hà Nội). |  |
| Hành khách có quyền gửi hành lý theo tàu mà hành khách đi với các điều kiện sau đây: | Hành khách được gửi hành lý theo tàu với các điều kiện sau đây: | Giữ nguyên vì: Quy định này đã được áp dụng và hiện đang phù hợp chưa xuất hiện tồn tại bất cập cần bổ sung sửa đổi. |  |  |  |
| 1. Hành khách đã có vé đi tàu theo quy định. | 1. Hành khách đã có vé đi tàu đối với trường hợp hành lý mang theo không vượt quá trọng lượng cho phép hoặc hành khách có vé hành lý cho phần trọng lượng hành lý vượt quá theo quy định của doanh nghiệp. | Giữ nguyên vì: Quy định này đã được áp dụng và hiện đang phù hợp chưa xuất hiện tồn tại bất cập cần bổ sung sửa đổi. | **1. Công ty CPVTĐS Hà Nội**  Đề nghị đưa khoản 1 Điều 23 lên Điều 13 với nội dung như sau (do cùng là điều kiện vận chuyển hành lý)  **2. Công ty CPVTĐS Sài Gòn**  Đề nghị bỏ mục 1: “Hành khách đã có vé đi tàu…” vì mọi hành khách đều được gửi hành lý, không bị hạn chế bởi mục này. | 1. Đồng ý tiếp thu và chuyển lên khoản 4 Điều 13 của dự thảo Thông tư và chỉnh sửa cho phù hợp.  2. Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo  Lý do: Hành khách khi mua vé tàu sẽ được mang theo một lượng hành lý xách tay không không vượt quá trọng lượng quy định của doanh nghiệp. Số hành lý còn lại hành khách phải mua vé hành lý và gửi theo hình thức hành lý ký gửi. |  |
| 2. Hành lý được gửi đến cùng ga đến của hành khách ghi trên vé. |  | Đề nghị bỏ nội dung khoản này vì: Nội dung này đã được quy định tại Khoản 2 Điều 3 dự thảo này do đó không cần nhắc lại. |  |  |  |
| 3. Hành lý không thuộc loại hàng hóa cấm vận chuyển bằng tàu khách hoặc không phải hàng hóa cấm lưu thông. | 2. Hành lý là hàng hóa không thuộc loại hàng hóa bị nghiêm cấm vận chuyển trong hoạt động đường sắt hoặc hành lý là hàng nguy hiểm, động vật sống, thi hài, hài cốt tuân thủ các quy định của Luật Đường sắt. | Giữ nguyên vì: Quy định này đã được áp dụng và hiện đang phù hợp chưa xuất hiện tồn tại bất cập cần bổ sung sửa đổi. | **1. Công ty CPVTĐS Hà Nội**  Đề nghị đưa khoản 2 Điều 23 lên Điều 13 với nội dung như sau (do cùng là điều kiện vận chuyển hành lý) | Đồng ý tiếp thu và chuyển lên khoản 5 Điều 13 |  |
| 4. Có đóng gói đúng quy định. Kích thước, trọng lượng mỗi kiện hàng không được vượt quá quy định của doanh nghiệp. | 3. Đóng gói hành lý đúng quy định. Kích thước, trọng lượng mỗi kiện hàng không được vượt quá quy định của doanh nghiệp và phải đảm bảo các nguyên tắc sau: | Đề nghị nội dung này viết lại như dự thảo  Lý do  - Việc đóng gói hành lý ký gửi phải đảm bảo nguyên tắc có thể vận chuyển được trên các toa xe chở hành lý, do đó doanh nghiệp phải đưa ra các quy định nhằm hướng dẫn hành khách đi tàu đóng gói hành lý là phù hợp.  - Gộp các quy định mang tính nguyên tắc về đóng gói hành lý tại Khoản này nhằm mang tính hệ thống, tập trung để dễ tra cứu, dễ áp dụng. |  | **Chuyển lên khoản 6 Điều 13 của dự thảo thông tư này.** |  |
|  | a) Hành lý ký gửi phải do người gửi đóng gói chắc chắn theo quy định của doanh nghiệp để bảo đảm không bị hư hỏng, hao hụt, mất mát trong quá trình vận chuyển. | Đề nghị đưa nội dung Điều 26 Thông tư 78 thành nội dung các điểm của khoản 3 và bố cục như dự thảo  Lý do:  1. Gộp lại cho gọn và tập trung nhằm dễ tra cứu, dễ áp dụng;  2. Nội dung này đã được doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách áp dụng và hiện đang phù hợp chưa xuất hiện tồn tại bất cập cần bổ sung sửa đổi. |  |  |  |
|  | b) Bên ngoài bao gói của hành lý ký gửi phải có các thông tin sau: |  |  |  |  |
|  | Đối với hành lý ký gửi: họ tên, địa chỉ của hành khách và số điện thoại, số fax (nếu có); |  | Đề nghị sửa lại điểm b, khoản 3 “ bên ngoài báo gói của hành lý ký gửi phải có các thông tin sau: Họ tên, số CMT, địa chỉ của khách và số điện thoại, số fax (nếu có) | Đồng ý tiếp thu có chỉnh sửa |  |
|  | Số hiệu vé hành lý ký gửi; |  |  |  |  |
|  | Ký hiệu, biểu trưng đặc tính của hàng hóa. |  |  |  |  |
|  | c) Trước khi nhận vận chuyển, doanh nghiệp có trách nhiệm kiểm tra hàng, bao gói và yêu cầu sửa chữa, bổ sung cho đúng quy định, Trường hợp nghi ngờ về tính xác thực của hàng hóa chứa bên trong, doanh nghiệp được quyền yêu cầu hành khách, người gửi bao gửi mở bao gói để kiểm tra. |  |  |  |  |
|  | d) Doanh nghiệp quy định những loại hành lý ký gửi không bắt buộc phải đóng gói khi vận chuyển. |  |  |  |  |
| **Điều****25. Điều kiện vận chuyển bao gửi** |  | Bỏ Điều 25 của dự thảo Thông tư vì tại khoản 2 Điều 52 Luật Đường sắt năm 2017 bỏ nội dung vận tải bao gửi. |  |  |  |
| Bao gửi được gửi đi bằng tàu phải bảo đảm các điều kiện sau đây: |  |  |  |  |  |
| 1. Không thuộc loại hàng hóa cấm vận chuyển bằng tàu hoặc không phải hàng hóa cấm lưu thông; |  |  |  |  |  |
| 2. Được đóng gói đúng quy định của doanh nghiệp. |  |  |  |  |  |
| **Điều****26. Đóng gói hành lý ký gửi, bao gửi** |  | Chuyển nội dung Điều 26 của Thông tư 78 về Điều 13 của dự thảo thông tư này và sửa đổi bổ sung cho phù hợp với đề cương đã được Bộ GTVT phê duyệt tại văn bản số 10020/BGTVT – VT ngày 05/9/2017. |  |  |  |
| 1. Hành lý ký gửi, bao gửi phải do người gửi đóng gói chắc chắn theo quy định của doanh nghiệp để bảo đảm không bị hư hỏng, hao hụt, mất mát trong quá trình vận chuyển. |  |  |  |  |  |
| 2. Bên ngoài bao gói của hành lý ký gửi, bao gửi phải có các thông tin sau: |  |  |  |  |  |
| a) Đối với hành lý ký gửi: họ tên, địa chỉ của hành khách và số điện thoại, số fax (nếu có); |  |  |  |  |  |
| b) Đối với bao gửi: họ tên, địa chỉ của người gửi, người nhận và số điện thoại, số fax (nếu có); |  |  |  |  |  |
| c) Số hiệu vé hành lý ký gửi, bao gửi; |  |  |  |  |  |
| d) Ký hiệu, biểu trưng đặc tính của hàng hóa. |  |  |  |  |  |
| 3. Trước khi nhận vận chuyển, doanh nghiệp có trách nhiệm kiểm tra hàng, bao gói và yêu cầu sửa chữa, bổ sung cho đúng quy định, Trường hợp nghi ngờ về tính xác thực của hàng hóa chứa bên trong, doanh nghiệp được quyền yêu cầu hành khách, người gửi bao gửi mở bao gói để kiểm tra. |  |  |  |  |  |
| 4. Những loại hàng không bắt buộc phải đóng gói gồm: |  |  |  |  |  |
| a) Xe máy, xe đạp điện, xe đạp, xe đẩy trẻ em, xe chuyên dùng cho người khuyết tật; |  |  |  |  |  |
| b) Những loại hàng không có, không cần bao bọc mà không bị hư hỏng, hao hụt hoặc làm ảnh hưởng đến các loại hàng khác khi được xếp trong cùng toa xe. |  |  |  |  |  |
| **Điều****27. Khối lượng, chủng loại hành lý ký gửi, bao gửi** |  | Chuyển nội dung Điều 27 của Thông tư 78 về Điều 13 của dự thảo thông tư này và sửa đổi bổ sung cho phù hợp với đề cương đã được Bộ GTVT phê duyệt tại văn bản số 10020/BGTVT – VT ngày 05/9/2017. |  |  |  |
| Doanh nghiệp niêm yết công khai tại các ga về chủng loại hàng hóa, khối lượng, số lượng tối đa nhận vận chuyển tùy theo loại tàu và tuyến đường. |  |  |  |  |  |
| **Điều****28. Thủ tục gửi hành lý ký gửi, bao gửi** |  | Chuyển nội dung Điều 28 của Thông tư 78 về Điều 14 của dự thảo thông tư này và sửa đổi bổ sung cho phù hợp với đề cương đã được Bộ GTVT phê duyệt tại văn bản số 10020/BGTVT – VT ngày 05/9/2017. |  |  |  |
| 1. Khi gửi hành lý ký gửi, bao gửi, người gửi phải ghi đúng, ghi đủ nội dung của tờ khai gửi hàng theo mẫu do doanh nghiệp quy định. |  |  |  |  |  |
| 2. Hành khách, người gửi bao gửi phải chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hàng hóa trong hành lý ký gửi, bao gửi. |  |  |  |  |  |
| 3. Doanh nghiệp có trách nhiệm kiểm tra bao bì, số lượng, ký hiệu, mã hiệu, biểu trưng đặc tính của hàng hóa và xác nhận vào tờ khai gửi hàng. |  |  |  |  |  |
| **Điều****29. Kê khai giá trị hành lý ký gửi, bao gửi** |  | Chuyển nội dung Điều 29 của Thông tư 78 về Điều 13 của dự thảo thông tư này và sửa đổi bổ sung cho phù hợp với đề cương đã được Bộ GTVT phê duyệt tại văn bản số 10020/BGTVT – VT ngày 05/9/2017. |  |  |  |
| Hành khách, người gửi bao gửi có thể kê khai giá trị hành lý ký gửi, bao gửi. Việc kê khai giá trị dựa trên cơ sở hóa đơn mua hàng hoặc kết quả giám định về giá trị hàng hóa của cơ quan có thẩm quyền. |  |  |  |  |  |
| **Điều****30. Trách nhiệm xếp, dỡ, bảo quản hành lý ký gửi, bao gửi** |  | Chuyển nội dung Điều 30 của Thông tư 78 về Điều 15 của dự thảo thông tư này và sửa đổi bổ sung cho phù hợp với đề cương đã được Bộ GTVT phê duyệt tại văn bản số 10020/BGTVT – VT ngày 05/9/2017. |  |  |  |
| 1. Việc xếp, dỡ hành lý ký gửi, bao gửi do doanh nghiệp chịu trách nhiệm và được thu tiền xếp, dỡ theo quy định của doanh nghiệp. |  |  |  |  |  |
| 2. Trong quá trình vận chuyển, xếp, dỡ, bảo quản, hành lý ký gửi, bao gửi bị hư hỏng, mất mát, nếu do lỗi của doanh nghiệp thì doanh nghiệp phải đền bù phần hàng hóa bị mất mát, hư hỏng theo quy định tại Điều 38 của Thông tư này, trường hợp do nguyên nhân bất khả kháng thì thực hiện theo quy định khoản 3 Điều 107 của Luật Đường sắt. |  |  |  |  |  |
| **Điều****31. Báo tin hành lý ký gửi, bao gửi đến** |  | Đề nghị bỏ điều 31 Thông tư 78 vìTheo Dự thảo Thông tư này Hành lý ký gửi là vật dụng, hàng hóa của hành khách đi tàu gửi trên toa hành lý của đoàn tàu cùng chuyến tàu vì vậy không cần thiết phải quy định nội dung này. |  |  |  |
| 1. Khi bao gửi đã được vận chuyển tới ga đến, trên cơ sở thông tin và theo đề nghị của người gửi, doanh nghiệp phải báo tin ngay cho người nhận biết. |  |  |  |  |  |
| 2. Đối với hành lý ký gửi đến ga chậm hơn hành khách, doanh nghiệp có trách nhiệm báo tin kịp thời cho hành khách. |  |  |  |  |  |
| **Điều****32. Giao trả hành lý ký gửi, bao gửi** |  | Sửa đổi, bổ sung Điều 32 của thông tư 78 chuyển về Điều 16 của dự thảo Thông tư cho phù hợp với kết cấu bố cục của Đề cương đã được Bộ GTVT phê duyệt tại văn bản số 10020/BGTVT-VT ngày 05/9/2017. |  |  |  |
| 1. Khi nhận hành lý ký gửi, hành khách phải trả lại vé hành lý cho doanh nghiệp, trả thẻ gửi xe cho nhân viên hành lý. Nếu mất vé hành lý hoặc thẻ gửi xe, hành khách phải làm tờ khai ghi rõ họ tên, địa chỉ của mình; tên, trạng thái và đặc điểm của hành lý; xuất trình Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc các giấy tờ xác định nhân thân có giá trị theo quy định của pháp luật. |  |  |  |  |  |
| 2. Người nhận bao gửi phải nộp cho doanh nghiệp giấy báo tin hàng đến (nếu có), xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc Giấy giới thiệu của cơ quan, chính quyền địa phương nơi cư trú để làm thủ tục nhận bao gửi. |  |  |  |  |  |
| 3. Doanh nghiệp có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi nhất để hành khách và người gửi bao gửi nhận hành lý ký gửi, bao gửi. |  |  |  |  |  |
| **Điều****33. Kỳ hạn vận chuyển, nhận hành lý ký gửi, bao gửi và bồi thường vi phạm** |  | Theo Dự thảo Thông tư này Hành lý ký gửi là vật dụng, hàng hóa của hành khách đi tàu gửi trên toa hành lý của đoàn tàu cùng chuyến tàu vì vậy không cần thiết phải quy định nội dung này. |  |  |  |
| 1. Kỳ hạn vận chuyển hành lý ký gửi, bao gửi bao gồm thời hạn nhận tại ga đi, thời gian vận chuyển trên đường và kỳ hạn nhận hành lý ký gửi, bao gửi tại ga đến. |  |  |  |  |  |
| 2. Kỳ hạn nhận hành lý ký gửi là thời gian doanh nghiệp trao trả hành lý ký gửi cho người gửi được tính từ khi tàu tới ga đến. |  |  |  |  |  |
| 3. Kỳ hạn nhận bao gửi là thời gian doanh nghiệp trao trả bao gửi cho người nhận được tính từ khi doanh nghiệp báo tin bao gửi tới ga đến cho người nhận. |  |  |  |  |  |
| 4. Doanh nghiệp quy định và công bố công khai kỳ hạn quy định tại các khoản 1, 2 và khoản 3 Điều này và trình tự, thủ tục giải quyết bồi thường thiệt hại do vi phạm kỳ hạn. |  |  |  |  |  |
| 5. Định mức kỳ hạn vận chuyển, nhận hành lý ký gửi, bao gửi do doanh nghiệp xác định, được thỏa thuận với người gửi. |  |  |  |  |  |
| **Chương****VI** | **Mục 2**  **ĐỐI VỚI VẬN TẢI HÀNH LÝ** |  |  |  | **Mục 2**  **ĐỐI VỚI VẬN TẢI HÀNH LÝ** |
| **GIẢI QUYẾT SỰ CỐ, TRỞ NGẠI VẬN TẢI** |  |  |  |  |  |
| **HÀNH LÝ KÝ GỬI, BAO GỬI** |  |  |  |  |  |
| **Điều****34. Xử lý hành lý ký gửi, bao gửi không có người nhận** | **Điều 24. Xử lý hành lý ký gửi không có người nhận** | Đề nghị sửa tên Điều 34 của Thông tư 78 thành Điều này của dự thảo Thông tư này cho phù hợp với đề cương đã được Bộ GTVT phê duyệt. |  |  | **Điều 25. Xử lý hành lý ký gửi không có người nhận** |
| 1. Việc xử lý hành lý ký gửi, bao gửi không có người nhận được thực hiện theo quy định tại Điều 106 của Luật Đường sắt. | 1. Xử lý hành lý ký gửi không có người nhận | Đề nghị đưa nội dung Điều 106 Luật Đường sắt 2005 có chỉnh sửa bổ sung để đưa vào Điều này Của dự thảo Thông tư với lý do:  - Nội dung của Điều 106 Luật Đường sắt 2005 đã không quy định trong Luật đường sắt 2017. Tại khoản 2 Điều 52 của Luật đường sắt 2017 đã quy định giao cho Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thi hành quy định về vận tải hành khách, hành lý trên đường sắt quốc gia và đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt Quốc gia trong đó có nội dung Xử lý hành lý ký gửi không có người nhận.  **-** Tại Điều 34 Thông tư 78 cũng đã quy định việc xử lý hành lý ký gửi không có người nhận thực hiện theo điều 106 Luật đường sắt 2005. Việc xử lý này về cơ bản trong thời gian qua chưa có tồn tại bất cập tuy nhiên đề xuất cần phải điều chỉnh một số quy định về thời gian xử lý để phù hợp với thực tiễn. |  |  | 1. Xử lý hành lý ký gửi không có người nhận không thuộc loại hàng hóa mau hỏng |
|  | a) Trong thời hạn không quá 02 giờ kể từ khi tàu đoàn tàu chở hành lý ký gửi và hành khách đến ga đến mà không có người nhận hoặc người nhận từ chối nhận hàng thì doanh nghiệp có quyền gửi hành lý ký gửi vào nơi an toàn, thích hợp; mọi chi phí phát sinh do hành khách có hành lý ký gửi chịu. | Sửa đổi bổ sung khoản 1 Điều 106 Luật đường sắt 2005 thay thời gian 10 ngày bằng thời gian 02 giờ với lý do để chờ đợi hành khách đến nhận hành lý trước khi đưa hành lý vào lưu kho với lý do:  - Hiện nay trong thời gian cao điểm vận tải hành khách, đoàn tàu chỉ có thể lưu đỗ tại ga đến để làm tác nghiệp kỹ thuật quay đầu sau 02 giờ.  - Quy định thời gian 10 ngày như Điều 106 Luật đường sắt 2005 là để chờ người thuê vận tải đến nhận hành lý bao gửi đã được vận chuyển đến nơi trả hàng (trong đó bao gồm cả hành lý theo người và bao gửi).  - Trong điều này chỉ quy định thời gian chờ đợi để hành khách đến nhận hành lý ký gửi theo tàu vì vậy cần thiết phải rút thời gian xuống còn 02 giờ vì lý do hành khách và hành lý được đi trong cùng một chuyến tàu. | **1. Công ty CPVTĐS Hà Nội**  Khoản 1, điểm a: Đề nghị sửa lại nội dung như sau:  “Trong thời hạn không quá 02 giờ (đối với hành lý không qua kho) và không quá 24 giờ (đối với hành lý qua kho) tính từ khi tàu đoàn tàu chở hành lý ký gửi đến ga đến mà không có người nhận hoặc người nhận từ chối nhận hàng thì doanh nghiệp có quyền gửi hành lý ký gửi vào nơi an toàn, thích hợp; mọi chi phí phát sinh do hành khách có hành lý ký gửi chịu".  **2. Vụ Pháp chế**  - Đề nghị bỏ từ “tàu” trước từ “đoàn tàu”.  - Điểm a khoản 1 đề nghị quy định cụ thể “nơi an toàn, thích hợp” và “chi phí phát sinh” đối với hành lý được coi là không có người nhận. | Đồng ý tiếp thu  2. Đồng ý tiếp thu theo đề xuất của Công ty CPVTĐS Hà Nội  - Đồng ý tiêp thu và đề nghị sửa “nơi an toàn, thích hợp” bằng từ “ kho hành lý” | a) **Trong thời hạn không quá 02 giờ (đối với hành lý không qua kho) và không quá 24 giờ (đối với hành lý qua kho)** tính từ khi tàu đoàn tàu chở hành lý ký gửi đến ga đến mà không có người nhận hoặc người nhận từ chối nhận hàng thì doanh nghiệp có quyền gửi hành lý ký gửi vào **kho hành lý**; mọi chi phí phát sinh do hành khách có hành lý ký gửi chịu; |
|  | b) Sau thời hạn 60 ngày kể từ ngày hành lý ký gửi đến ga đã được ghi trên vé mà hành khách không đến nhận hành lý hoặc hành khách không thanh toán các chi phí phát sinh trong quá trình bảo quản, lưu kho, bãi của hành lý theo quy định của doanh nghiệp thì doanh nghiệp có quyền bán đấu giá để bù đắp chi phí này theo quy định của pháp luật về đấu giá; | - Quy định thời gian 90 ngày như khoản 2 Điều 106 Luật đường sắt 2005 là thời hạn tối đa để người thuê vận tải đến nhận hành lý, bao gửi hoặc để thanh toán các chi phí phát sinh trong quá trình bảo quản, lưu kho, bãi của hành lý theo quy định.  - Áp dụng khoản 2 Điều 6 NĐ169 /2016/ NĐ-CP về quy định xử lý hàng hóa do người vận chuyển lưu giữ tại cảng biển Việt Nam: Đề xuất sửa đổi thời gian 90 ngày như nêu trên bằng thời gian chờ đợi là 60 ngày tương đương với thời gian chờ xử lý đối với hàng hóa lưu giữ tại cảng biển quy định trong nghị định NĐ169 /2016/ NĐ-CP. | **Công ty CPĐSVT Hà Nội**  Khoản 1, Điểm b: Đề nghị sửa nội dung như sau "Sau thời hạn 60 ngày kể từ ngày hành lý ký gửi đến ga đã được ghi trên vé mà hành khách không đến nhận hành lý hoặc hành khách không thanh toán các chi phí phát sinh trong quá trình bảo quản, lưu kho, bãi của hành lý theo quy định của doanh nghiệp thì doanh nghiệp có quyền bán **thanh lý** để bù đắp chi phí này theo quy định hiện hành". | Đồng ý tiếp thu có chỉnh sửa bổ sung.  Lý do:  - Tôn trọng thỏa thuận hợp đồng giữa doanh nghiệp và hành khách.  - Để đảm bảo tính hợp pháp công khai minh bạch doanh nghiệp phải thực hiện việc bán đấu giá để bù đắp các chi phí phát sinh. | b) Sau thời hạn 60 ngày kể từ ngày hành lý ký gửi đến ga đã được ghi trên vé mà hành khách không đến nhận hành lý hoặc hành khách không thanh toán các chi phí phát sinh trong quá trình bảo quản, lưu kho, bãi của hành lý theo quy định của doanh nghiệp thì doanh nghiệp thực hiện thanh lý, **đấu giá theo thỏa thuận hợp đồng với hành khách. Việc thanh lý, đấu giá phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.** |
|  | c) Đối với hành lý ký gửi thuộc loại hàng hóa mau hỏng thì trong vòng 2 giờ kể từ thời điểm hành lý đến ga mà hành khách không đến nhận thì được coi là hành lý không có người nhận. Doanh nghiệp được miễn trach nhiệm về việc hàng hóa hư hỏng, hao hụt và được làm thủ tục giải quyết theo quy định của Pháp luật. | - Nội dung này quy định để xử lý đối với hàng ký gửi thuộc loại hàng hóa mau hỏng. | **1. Công ty CPĐSVT Hà Nội**  Khoản 1, Điểm c: Đề nghị sửa nội dung như sau: "Đối với hành lý ký gửi thuộc loại hàng hóa mau hỏng thì trong thời hạn không quá 02 giờ (đối với hành lý không qua kho) và không quá 24 giờ (đối với hành lý qua kho) tính từ khi đoàn tàu chở hành lý ký gửi đến ga mà hành khách không đến nhận thì được coi là hành lý không có người nhận. Doanh nghiệp được miễn trách nhiệm về việc hàng hóa hư hỏng, hao hụt và được làm thủ tục giải quyết theo quy định của Pháp luật.  **2. Vụ Môi trường**  2. Làm rõ “hàng hóa mau hỏng” là những loại nào để có cơ sở quy định sau 02 giờ thì doanh nghiệp được miễn trách nhiệm và là thủ tục theo quy định của pháp luật  **3. Cục Hàng Hải Việt Nam**  Đề nghị sửa đổi thành: “**Trong thời hạn không quá 02 giờ kể từ khi đoàn tàu chở hành lý ký gửi đến nhà ga trả hàng mà không có người nhận**...”;  **4. Vụ Pháp chế**  Điều 24 đề nghị xem xét lại bố cục không có khoản 2 | 1. Đồng ý tiếp thu  2. Hàng hóa mau hỏng là những loại hàng hóa mà trong một khoảng thời gian ngắn rất dễ bị hư hỏng do do đặc tính, tính chất tự nhiên trước thay đổi của môi trường (như: Nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, tác động của ngoại lực ...). Việc quy định hàng hóa mau hỏng phụ thuộc vào điều kiện vận chuyển, bảo quản của doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ có trách nhiệm công bố danh mục các hàng hóa mau hỏng.  3. Đồng ý tiếp thu có chỉnh sửa theo đề xuất của Công ty CPVTĐS Hà Nội.  4. Đồng ý tiếp thu và chuyển điểm c khoản 1 điều này thành khoản 2. | 2. Đối với hành lý ký gửi thuộc loại hàng hóa mau hỏng **theo quy định của doanh nghiệp,** thì trong thời hạn không **quá 02 giờ (đối với hành lý không qua kho) và không quá 24 giờ (đối với hành lý qua kho) tính từ khi đoàn tàu chở hành lý ký gửi đến ga** mà hành khách không đến nhận thì được coi là hành lý không có người nhận. Doanh nghiệp được miễn trách nhiệm về việc hàng hóa hư hỏng, hao hụt và được làm thủ tục giải quyết theo quy định của Pháp luật. |
| 2. Đối với hành lý ký gửi, bao gửi là hàng hóa mau hỏng, sau khi hết thời hạn nhận hàng theo thỏa thuận mà không có người nhận thì được coi như hàng không có người nhận. Doanh nghiệp được miễn trách nhiệm về việc hàng hóa hư hỏng, hao hụt và được làm thủ tục giải quyết theo quy định của pháp luật. |  | Chuyển khoản 2 Điều 34 Thông tư 78 về điểm c Khoản 1 Điều này Dự thảo Thông tư này. |  |  |  |
| **Điều****35. Thay đổi vận chuyển hành lý ký gửi, bao gửi** | **Điều 25. Thay đổi vận chuyển hành lý ký gửi** | Sửa đổi tên Điều 35 của Thông tư 78 để phù hợp với kết cấu của Đề cương đã được Bộ GTVT phê duyệt. |  |  | **Điều 26. Thay đổi vận chuyển hành lý ký gửi** |
| 1. Sau khi đã làm thủ tục gửi hành lý ký gửi, bao gửi, người gửi có thể thay đổi, không gửi toàn bộ hoặc một phần hành lý ký gửi, bao gửi; thay đổi ga đến, người nhận đối với bao gửi nhưng phải yêu cầu trước khi hành lý ký gửi, bao gửi được xếp lên toa xe. | 1. Sau khi đã làm thủ tục gửi hành lý ký gửi, **hành khách có thể thay đổi, điều chỉnh ga đến, toàn bộ hoặc một phần hành lý ký gửi nhưng phải làm thủ tục thay đổi, điều chỉnh với doanh nghiệp** trước khi hành lý ký gửiđược xếp lên toa xe. | Sửa đổi bổ sung khoản 1 Điều 35 Thông tư 78 thành khoản 1 Điều này của dự thảo Thông tư này để làm rõ nghĩa, tạo thuận lợi cho hành khách đi tàu. |  |  | 1. Sau khi đã làm thủ tục gửi hành lý ký gửi, hành khách có thể thay đổi, điều chỉnh ga đến, toàn bộ hoặc một phần hành lý ký gửi theo vé hành khách nhưng phải làm thủ tục thay đổi, điều chỉnh với doanh nghiệp trước khi hành lý ký gửi được xếp lên toa xe. |
| 2. Doanh nghiệp phải làm thủ tục gửi hành lý ký gửi, bao gửi. | 2. Doanh nghiệp **có trách nhiệm phối hợp với hành khách để làm thủ tục thay đổi, điều chỉnh gửi hành lý ký gửi.** | Sửa đổi bổ sung cho rõ nghĩa. |  |  | 2. Doanh nghiệp có trách nhiệm phối hợp với hành khách để làm thủ tục thay đổi, điều chỉnh gửi hành lý ký gửi. |
| 3. Thời hạn yêu cầu thay đổi và các quy định khác để thay đổi vận chuyển hành lý ký gửi, bao gửi do doanh nghiệp quy định. | 3. Thời hạn yêu cầu thay đổi, **điều chỉnh** và các quy định khác để thay đổi, **điều chỉnh** vận chuyển hành lý ký gửi do doanh nghiệp quy định. | Sửa đổi bổ sung cho rõ nghĩa. |  |  | 3. Thời hạn yêu cầu thay đổi, điều chỉnh và các quy định khác để thay đổi, điều chỉnh vận chuyển hành lý ký gửi do doanh nghiệp quy định. |
| **Điều****36. Hành lý, bao gửi thuộc loại hàng cấm vận chuyển, hàng bị thu giữ** | **Điều 26. Hành lý ký gửi thuộc loại hàng cấm vận chuyển chuyên chở, hàng bị thu giữ** | Sửa đổi tên Điều 36 của Thông tư 78 để phù hợp với kết cấu của Đề cương đã được Bộ GTVT phê duyệt. | **1.Cục Hàng Hải Việt Nam**  **ý kiến khác**  Đề nghị bổ sung 01 điều quy định về “Xử lý hành lý ký gửi cấm vận chuyển, hành lý ký gửi nguy hiểm, độc hại”.  **2. Cục CSGT- Bộ Công an**  **Ý kiến khác: Về các nội dung góp ý tai Điều 26. Hành lý ký gửi thuộc loại hàng cấm vận chuyển chuyên chở, hàng bị thu giữ** | 1. Tại Điều 26 của dự thảo Thông tư đã quy định Hành lý ký gửi thuộc loại hàng cấm vận chuyển chuyên chở bằng đường sắt.  2. Cục ĐSVN ghi nhận các ý kiến và chỉnh sửa cho phù hợp như Dự thảo. | **Điều 27. Hành lý ký gửi thuộc loại hàng cấm vận chuyển chuyên chở, hàng bị thu giữ** |
| Khi phát hiện hành lý, bao gửi thuộc loại hàng hóa cấm lưu thông hoặc hàng hóa không được vận chuyển bằng tàu khách đã quy định tại khoản 4 Điều 22, khoản 3 Điều 24 và khoản 1 Điều 25 của Thông tư này thì xử lý như sau: | 1. Khi phát hiện hành lý ký gửi thuộc loại hàng hóa bị nghiêm cấm trong hoạt động đường sắt theo quy định tại khoản 12 Điều 9 Luật đường sắt số 06/2017/QH14 thì xử lý như sau: | Sửa đổi bổ sung khoản 1 Điều 36 Thông tư 78 để phù hợp với các quy định đối với các hàng hóa bị nghiêm cấm trong hoạt động đường sắt theo quy định của Luật đường sắt. | **Phong PC-TT – Cục ĐSVN (đơn vị thẩm định Hồ sơ)**  Tại khoản 1 Điều 27;  đề nghị bỏ *“số 06/2017/QH14”* cho phù hợp. | Đồng ý tiếp thu | 1. Khi phát hiện hành lý ký gửi thuộc loại hàng hóa bị nghiêm cấm trong hoạt động đường sắt theo quy định tại khoản 12 Điều 9 Luật Đường sắt thì xử lý như sau: |
| 1. Phát hiện ở ga đi: doanh nghiệp từ chối hoặc đình chỉ vận chuyển. | a) Trường hợp phát hiện tại ga **đi thì doanh nghiệp từ chối vận chuyển và báo cơ quan có thẩm quyền gần nhất để tiếp nhận xử lý.** |  | **Cục CSGT-Bộ Công an**  Phát hiện ở ga đi : Doanh nghiệp từ chối hoặc đình chỉ vận chuyển. | . Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo  Lý do:  Phải từ chối để đảm báo tuyệt đối an toàn cho hành khách và đảm bảo an toàn chạy tàu vi vậy phải loại bỏ các nguy cơ uy hiếp đến an toàn của hành khách.  - Trách nhiệp xử lý hàng cấp vận chuyển, cấm lưu thông cấm vận chuyển bằng tàu khách thuộc nhiềm đơn vị chức năng do vậy phải do doanh nghiệp báo cáo các cơ quan để giải quyết. | a) Trường hợp phát hiện tại ga đi thì doanh nghiệp từ chối vận chuyển và báo cơ quan có thẩm quyền gần nhất để tiếp nhận xử lý; |
| 2. Phát hiện khi đang vận chuyển: | b) Trường hợp phát hiện khi đang vận chuyển, thì Trưởng tàu và nhân viên bảo vệ trên tàu có trách nhiệm lập biên bản xác nhận, đưa hành lý này về ga gần nhất bàn giao cho nhân viên nhà ga để báo với cơ quan có thẩm quyền gần nhất để tiếp nhận xử lý. |  | **1. Công ty CPVPĐS Sài gòn**  Đề nghị bổ sung cụm từ “…, đưa hành lý về ga gần nhất…” thành “…, đưa hành lý về ga gần nhất có tác nghiệp…”  **2. Tổng công ty ĐSVN**  Điều 26 cần viết rõ “giao cho nhân viên của doanh nghiệp vận tải tại ga” vì hiện đã tách bạch giữa doanh nghiệp vận tải với nhân viên nhà ga thuộc Tổng công ty ĐSVN. Đồng thời thông báo cho hành khách biết vì vận chuyển hành lý ký gửi có hành khách đi cùng chuyến tàu để phối hợp cùng giải quyết. | 1. Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo  Lý do: Hàng hóa cấm vận chuyển đã được quy định tại Khoản 2, Điều 9 Luật Đường sắt số 06/2017/QH13 khi phát hiện hành lý có chứa hàng hóa nguy hiểm thì cần phải nhanh chóng chuyển xuống ga gần nhất có thể để không làm ảnh hưởng đến hành khách trên tàu.  2. Đồng ý tiếp thu và chỉnh sửa như dự thảo | b) Trường hợp phát hiện khi đang vận chuyển, thì Trưởng tàu và nhân viên bảo vệ trên tàu có trách nhiệm lập biên bản xác nhận, đưa hành lý này về ga gần nhất **bàn giao cho nhân viên của doanh nghiệp vận tải tại ga** để báo với cơ quan có thẩm quyền gần nhất để tiếp nhận xử lý. |
| a) Đối với hàng nguy hiểm thuộc diện cấm vận chuyển bằng tàu khách thì phải đình chỉ vận chuyển và đưa ngay xuống ga tàu đang đỗ hoặc ga gần nhất mà tàu sắp đến để xử lý tiếp; | 2. Khi phát hiện hành lý ký gửi thuộc loại hàng hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 62, Điều 63, khoản 1 Điều 64 của Luật đường sắt số 06/2017/QH14 mà không đáp ứng được các yêu cầu theo quy định của khoản 2,3,4 Điều 62; Điều 63; Điều 64 thì xử lý như sau: | Sửa đổi bổ sung khoản 2 Điều 36 Thông tư 78 để phù hợp với các quy định đối với các hàng hóa nguy hiểm khi vận chuyển trên đường sắt theo quy định của Luật đường sắt. | **Phong PC-TT – Cục ĐSVN (đơn vị thẩm định Hồ sơ)**  Tại khoản 2 Điều 27;  đề nghị bỏ *“số 06/2017/QH14”* cho phù hợp. | Đồng ý tiếp thu | 2. Khi phát hiện hành lý ký gửi không đáp ứng được yêu cầu theo quy định tại các Điều 62, Điều 63, Điều 64 của Luật Đường sắt thì xử lý như sau: |
| b) Nếu là hàng cấm vận chuyển nhưng không phải là hàng nguy hiểm thì được phép vận chuyển tới ga đến và xử lý tiếp tại ga đến. | **a) Trường hợp phát hiện tại ga đi, doanh nghiệp có quyền yêu cầu hành khách phải tuân thủ các quy định của Luật đường sắt trước khi thực hiện vận chuyển. Trường hợp hành khách không đáp ứng được những yêu cầu trên thì doanh nghiệp từ chối vận chuyển hành lý nêu trên.** |  |  |  | a) Trường hợp phát hiện tại ga đi, doanh nghiệp có quyền yêu cầu hành khách phải tuân thủ các quy định của Luật Đường sắt trước khi thực hiện vận chuyển. Trường hợp hành khách không đáp ứng được những yêu cầu trên thì doanh nghiệp từ chối vận chuyển hành lý nêu trên; |
| 3. Khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu giữ hành lý ký gửi, bao gửi thì đại diện của doanh nghiệp, trưởng tàu phải lập biên bản về sự việc và bàn giao cụ thể cho người đại diện cơ quan ra lệnh thu giữ. Mẫu biên bản do doanh nghiệp quy định. Ngoài việc lập biên bản, đối với từng trường hợp được giải quyết như sau: | **b) Trường hợp phát hiện khi đang vận chuyển, thì Trưởng tàu và nhân viên bảo vệ trên tàu có trách nhiệm lập biên bản xác nhận, đưa hành lý này về ga gần nhất bàn giao cho nhân viên nhà ga phối hợp với hành khách xử lý đảm bảo theo quy định của Pháp luật trước khi thực hiện vận chuyển ở chuyến tàu tiếp theo. Hành khách chịu toàn bộ kinh phí xử lý phát sinh trong trường hợp này.** |  | **Tổng công ty ĐSVN**  Đề nghị bỏ cụm từ: “trước khi vận chuyển ở chuyến tàu tiếp theo” vì trong các điều khoản quy định ở Luật Đường sắt có điều cấm. Vậy đã cấm thì không được vận chuyển tiếp mà phải để cơ quan có thẩm quyền có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật; | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo  Lý do: Hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều 62, Điều 63, khoản 1 Điều 64 của Luật đường sắt số 06/2017/QH14 mà không đáp ứng được các yêu cầu theo quy định của khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 62; Điều 63; Điều 64 là các loại hàng hóa không cấm vận chuyển mà hàng hóa nay khi vận chuyển có các điều kiện bắt buộc. | b) Trường hợp phát hiện khi đang vận chuyển, thì Trưởng tàu và nhân viên bảo vệ trên tàu có trách nhiệm lập biên bản xác nhận, đưa hành lý này về ga gần nhất **bàn giao cho nhân viên của doanh nghiệp vận tải tại ga** phối hợp với hành khách xử lý đảm bảo theo quy định của pháp luật trước khi thực hiện vận chuyển ở chuyến tàu tiếp theo. Hành khách chịu toàn bộ kinh phí xử lý phát sinh trong trường hợp này. |
| a) Trường hợp hàng bị thu giữ ở ga: | 3. Khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu giữ hành lý ký gửi thì đại diện của doanh nghiệp, trưởng tàu, **nhân viên bảo vệ trên tàu** phải lập biên bản về sự việc và bàn giao cụ thể cho người đại diện cơ quan ra lệnh thu giữ. Mẫu biên bản do doanh nghiệp quy định. Ngoài việc lập biên bản, đối với từng trường hợp được giải quyết như sau: | Sửa đổi bổ sung khoản 3 Điều 36 Thông tư 78 để phù hợp với các quy định đối với các hàng hóa nguy hiểm khi vận chuyển trên đường sắt theo quy định của Luật đường sắt. |  |  | 3. Khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu giữ hành lý ký gửi thì đại diện của doanh nghiệp, trưởng tàu, nhân viên bảo vệ trên tàu phải lập biên bản về sự việc và bàn giao cụ thể cho người đại diện cơ quan ra lệnh thu giữ. Mẫu biên bản do doanh nghiệp quy định. Ngoài việc lập biên bản, đối với từng trường hợp được giải quyết như sau: |
| - Tại ga đến: doanh nghiệp báo cho người nhận đến để giải quyết; | a) Trường hợp hàng bị thu giữ ở ga đi, nếu hành lý ký gửi chưa xếp lên toa xe thì doanh nghiệp có trách nhiệm báo cho hành khách có hành lý ký gửi đến để giải quyết; nếu hành lý ký gửi đã xếp lên toa xe nhưng tàu chưa chạy thì phải dỡ xuống và báo cho hành khách có hành lý đến để giải quyết. | Đề xuất giữ nguyên nội dung điểm a khoản 3 điều 36 Thông tư 78 để đưa vào điểm a khoản 3 điều này của dự thảo Thông tư vì đến nay chưa tồn tại bất cập. |  |  | a) Trường hợp hàng bị thu giữ ở ga đi, nếu hành lý ký gửi chưa xếp lên toa xe thì doanh nghiệp có trách nhiệm báo cho hành khách có hành lý ký gửi đến để giải quyết; nếu hành lý ký gửi đã xếp lên toa xe nhưng tàu chưa chạy thì phải dỡ xuống và báo cho hành khách có hành lý đến để giải quyết; |
| - Tại ga gửi: nếu hành lý ký gửi, bao gửi chưa xếp lên toa xe thì doanh nghiệp có trách nhiệm báo cho hành khách, người gửi bao gửi đến để giải quyết; nếu hành lý ký gửi, bao gửi đã xếp lên toa xe nhưng tàu chưa chạy thì phải dỡ xuống và báo cho hành khách, người gửi bao gửi đến để giải quyết. | b) Trường hợp hàng thu giữ khi tàu đang chạy thì được phép vận chuyển đến ga đến **và báo cho hành khách có hành lý** đến để giải quyết. | Đề xuất giữ nguyên nội dung điểm b khoản 3 điều 36 Thông tư 78 để đưa vào điểm a khoản 3 điều này của dự thảo Thông tư vì đến nay chưa tồn tại bất cập. |  |  | b) Trường hợp hàng thu giữ khi tàu đang chạy thì được phép vận chuyển đến ga đến và báo cho hành khách có hành lý đến để giải quyết; |
| b) Nếu tàu đang chạy thì được phép vận chuyển đến ga đến và giải quyết như quy định tại điểm b khoản 2, khoản 4 Điều này. | c) Trường hợp hàng bị thu giữ ở ga đến, **Trưởng tàu, nhân viên bảo vệ trên tàu bàn giao cho nhân viên nhà ga để báo cho người nhận đến để giải quyết;** | Bổ sung thêm chức danh Trưởng tàu, nhân viên bảo vệ trên tàu vì thực tế đây là hai chức danh thường xuyên có mặt trên đoàn tàu khách có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ này. |  |  | c) Trường hợp hàng bị thu giữ ở ga đến,Trưởng tàu**, nhân viên bảo vệ trên tàu bàn giao cho nhân viên của doanh nghiệp vận tải ga** để báo cho người nhận đến để giải quyết. |
| 4. Ngoài việc chịu các biện pháp xử lý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, hành khách, người gửi bao gửi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và khoản 3 Điều này còn phải: | 4. Ngoài việc chịu các biện pháp xử lý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, hành khách, người gửi bao gửi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và khoản 3 Điều này còn phải: | Giữ nguyên nội dung khoản 4 Điều 36 Thông tư 78 vì đến nay thực hiện chưa tồn tại bất cập. | **1. Công ty CPĐSVT Hà Nội**  Đề nghị bỏ cụm từ "người gửi bao gửi".  **2. Công ty CPĐSVT Sài Gòn**  Đề nghị sửa cụm từ “người gửi bao gửi” thành “người ký gửi hành lý”. | Đồng ý tiếp thu  Đồng ý tiếp thu có chỉnh sửa theo đề xuất của Công ty CPVTĐS Hà Nội là bỏ “ Người gửi bao gửi” | **4. Ngoài việc chịu các biện pháp xử lý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, hành khách vi phạm quy định tại các khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này còn phải:** |
| a) Trả tiền phạt cước đối với toàn bộ số hàng hóa trên đoạn đường đã vận chuyển theo quy định của doanh nghiệp; | a) Trả tiền phạt cước đối với toàn bộ số hàng hóa trên đoạn đường đã vận chuyển theo quy định của doanh nghiệp; |  |  |  | a) Trả tiền cước đối với toàn bộ số hàng hóa trên đoạn đường đã vận chuyển theo quy định của doanh nghiệp; |
| b) Bồi thường toàn bộ các thiệt hại do vi phạm gây ra; | b) Bồi thường toàn bộ các thiệt hại do vi phạm gây ra; |  |  |  | b) Bồi thường toàn bộ các thiệt hại do vi phạm gây ra; |
| c) Các khoản chi phí phát sinh nếu có. | c) Các khoản chi phí phát sinh nếu có. |  |  |  | c) Các khoản chi phí phát sinh nếu có. |
| **Điều****37. Tàu bị tắc đường phải ngừng vận chuyển hành lý ký gửi, bao gửi** |  | Đề nghị đưa nội dung Điều 37 Thông tư 78 vào nội dung điều này của dự thảo để phù hợp đề cương chi tiết được Bộ GTVT duyệt kết hợp sửa đổi bổ sung cho phù hợp. | **Công ty CPVPĐS Hà Nội**  Đề nghị bổ sung thêm một (1) Điều về "Tàu bị tắc đường phải ngừng vận chuyển hành lý ký gửi" với nội dung như **Điều 37** trong Thông tư 78/2014/TT-BGTVT ngày 24/12/2014 của Bộ GTVT. | - Đồng ý tiếp thu có chỉnh sửa  **- Chuyển Điều 37 của Thông tư 78 vào Điều này của Dự thảo Thông tư này. (có chỉnh sửa)** | **Điều 28. Ngừng vận chuyển hành lý ký gửi khi bị tắc đường** |
| 1. Ngừng vận chuyển ở ga gửi: |  |  |  |  | **1. Ngừng vận chuyển ở ga gửi:** |
| a) Nếu do nguyên nhân bất khả kháng không thể vận chuyển được, doanh nghiệp trả lại hành lý ký gửi, bao gửi và tiền cước vận chuyển cho người gửi; |  |  |  |  | **a) Nếu do nguyên nhân bất khả kháng không thể vận chuyển được, doanh nghiệp trả lại hành lý ký gửi và tiền cước vận chuyển cho người gửi;** |
| b) Nếu do lỗi doanh nghiệp gây ra, phải hủy bỏ việc vận chuyển, doanh nghiệp phải trả lại hành lý ký gửi, bao gửi và tất cả tiền cước, tiền xếp dỡ, các khoản tiền khác đã thu của người gửi. |  |  |  |  | **b) Nếu do lỗi doanh nghiệp gây ra, phải hủy bỏ việc vận chuyển, doanh nghiệp phải trả lại hành lý ký gửi và tất cả tiền cước, tiền xếp dỡ, các khoản tiền khác đã thu của người gửi.** |
| 2. Ngừng vận chuyển ở ga dọc đường: |  |  |  |  | **2. Ngừng vận chuyển ở ga dọc đường:** |
| a) Nếu do nguyên nhân bất khả kháng không thể tiếp tục vận chuyển, người gửi có thể yêu cầu nhận lại hành lý ký gửi, bao gửi tại ga tàu phải dừng hoặc tại ga gửi hoặc tại một ga dọc đường quy định có tác nghiệp hành lý ký gửi, bao gửi. Doanh nghiệp phải hoàn lại tiền cước đối với đoạn đường từ ga dỡ tới ga đến ghi trên vé; |  |  |  |  | **a) Nếu do nguyên nhân bất khả kháng không thể tiếp tục vận chuyển, người gửi có thể yêu cầu nhận lại hành lý ký gửi tại ga tàu phải dừng hoặc tại ga gửi hoặc tại một ga dọc đường quy định có tác nghiệp hành lý ký gửi. Doanh nghiệp phải hoàn lại tiền cước đối với đoạn đường từ ga dỡ tới ga đến ghi trên vé;** |
| b) Nếu do lỗi của doanh nghiệp mà không thể tiếp tục vận chuyển, người gửi có thể yêu cầu nhận lại hành lý ký gửi, bao gửi tại ga tàu phải dừng hoặc tại ga gửi hoặc tại một ga dọc đường quy định có tác nghiệp hành lý ký gửi, bao gửi. Việc thanh toán chi phí cho người gửi được thực hiện như sau: nhận tại ga tàu phải dừng thì doanh nghiệp phải hoàn lại tiền cước trên đoạn đường chưa vận chuyển; nhận tại một ga dọc đường thì đoạn đường quay trở về được miễn cước và doanh nghiệp phải trả lại tiền cước tính từ ga dỡ hành lý ký gửi, bao gửi tới ga đến ghi trên vé; nhận tại ga gửi thì đoạn đường quay trở về được miễn cước, doanh nghiệp phải trả lại toàn bộ tiền cước và tiền xếp dỡ đã thu. |  |  |  |  | **b) Nếu do lỗi của doanh nghiệp mà không thể tiếp tục vận chuyển, người gửi có thể yêu cầu nhận lại hành lý ký gửi, tại ga tàu phải dừng hoặc tại ga gửi hoặc tại một ga dọc đường quy định có tác nghiệp hành lý ký gửi. Việc thanh toán chi phí cho người gửi được thực hiện như sau: Nhận tại ga tàu phải dừng thì doanh nghiệp phải hoàn lại tiền cước trên đoạn đường chưa vận chuyển; nhận tại một ga dọc đường thì đoạn đường quay trở về được miễn cước và doanh nghiệp phải trả lại tiền cước tính từ ga dỡ hành lý ký gửi tới ga đến ghi trên vé; nhận tại ga gửi thì đoạn đường quay trở về được miễn cước, doanh nghiệp phải trả lại toàn bộ tiền cước và tiền xếp dỡ đã thu.** |
| 3. Ở ga gửi, ga dọc đường nếu không thể vận chuyển được do trở ngại chạy tàu mà không có yêu cầu của người gửi như quy định tại các khoản 1 và khoản 2 Điều này thì doanh nghiệp sẽ tiếp tục vận chuyển khi thông đường. |  |  |  |  | **3. Ở ga gửi, ga dọc đường nếu không thể vận chuyển được do trở ngại chạy tàu mà không có yêu cầu của người gửi như quy định tại các khoản 1 và khoản 2 Điều này thì doanh nghiệp sẽ tiếp tục vận chuyển khi thông đường.** |
| **Điều****38. Bồi thường hành lý ký gửi, bao gửi bị hư hỏng, bị mất mát do lỗi của doanh nghiệp** | **Điều 27. Bồi thường hành lý ký gửi bị mất mát, hư hỏng, thiếu hụt do lỗi của doanh nghiệp** | Đề nghị đưa nội dung Điều 38 Thông tư 78 vào nội dung điều này của dự thảo để phù hợp đề cương chi tiết được Bộ GTVT duyệt . |  |  | **Điều 29. Bồi thường hành lý ký gửi bị mất mát, hư hỏng, thiếu hụt do lỗi của doanh nghiệp** |
| 1. Hành lý ký gửi, bao gửi bị hư hỏng, thiếu hụt hoặc mất mát thì được bồi thường một trong các hình thức sau đây: | 1. Hành lý ký gửi bị mất mát, hư hỏng, thiếu hụt thì được bồi thường một trong các hình thức sau đây: | Giữ nguyên khoản 1 Điều 38 Thông tư 78 để đuea sang khoản 1 Điều này dự thảo thông tư. |  |  | 1. Hành lý ký gửi bị mất mát, hư hỏng, thiếu hụt thì được bồi thường một trong các hình thức sau đây: |
| a) Theo giá trị kê khai đối với hành lý ký gửi, bao gửi có kê khai giá trị; trường hợp doanh nghiệp chứng minh được giá trị thiệt hại thực tế thấp hơn giá trị kê khai thì theo giá trị thiệt hại thực tế; | a) Hành lý ký gửi đã được hành khách kê khai đầy đủ theo hướng dẫn của doanh nghiệp. Chỉ bồi thường đối với phần hành lý bị mất mát, hư hỏng, thiếu hụt so với kê khai ban đầu của hành khách. | Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 38 Thông tư 78 với lý do:  - Xác định rõ chỉ có các hành lý đã được hành khách kê khai theo quy định của doanh nghiệp, chỉ đền bù đối với phần hành lý bị mất mát, hư hỏng, thiếu hụt để cho rõ ràng, tránh việc xảy tranh chấp trong việc bồi thường có thể xảy ra.  - Quy định này phù hợp với Điều 60 Luật đường sắt. |  |  | a) Hành lý ký gửi đã được hành khách kê khai đầy đủ theo hướng dẫn của doanh nghiệp. Chỉ bồi thường đối với phần hành lý bị mất mát, hư hỏng, thiếu hụt so với kê khai ban đầu của hành khách; |
| b) Theo mức do hai bên thỏa thuận; | b) Không thực hiện bồi thường đối với hành lý ký gửi không được kê khai theo quy định của doanh nghiệp. |  |  |  | b) Không thực hiện bồi thường đối với hành lý ký gửi không được kê khai theo quy định của doanh nghiệp. |
| c) Theo giá trị hóa đơn mua hàng; |  | Đây là cách xác định giá trị bồi thường. Đề nghị bỏ nội dung này vì việc bồi thường đã được quy định tại khoản 2 của Điều này. |  |  |  |
| d) Theo giá thị trường của hàng hóa đó tại thời điểm trả tiền và địa điểm trả hàng; trong trường hợp không có giá thị trường của hàng hóa đó thì theo giá trị trung bình của hàng hóa cùng loại, Đây là cách xác định giá trị bồi thường. Đề nghị bỏ nội dung này vì việc bồi thường đã được quy định tại khoản 2 của Điều này.cùng chất lượng trong khu vực nơi trả hàng. |  | Đây là cách xác định giá trị bồi thường. Đề nghị bỏ nội dung này vì việc bồi thường đã được quy định tại khoản 2 của Điều này. |  |  |  |
| 2. Trường hợp không có đủ cơ sở để xác định giá trị hành lý, bao gửi thì mức bồi thường là 50.000 đồng cho một ki-lô-gam (kg) hành lý ký gửi, bao gửi đã bị tổn thất. |  | Đây là cách xác định giá trị bồi thường. Đề nghị bỏ nội dung này vì việc bồi thường đã được quy định tại khoản 2 của Điều này. |  |  |  |
| 3. Hành lý ký gửi, bao gửi bị hư hỏng, thiếu hụt, mất mát một phần thì bồi thường phần hư hỏng, thiếu hụt hoặc mất mát; trường hợp phần hư hỏng, thiếu hụt, mất mát dẫn đến hư hỏng hoặc không sử dụng được toàn bộ thì phải bồi thường toàn bộ và doanh nghiệp được quyền sở hữu số hàng hóa tổn thất đã bồi thường. |  | Sửa đổi bổ sung khoản 3 Điều 38 của Thông tư 78 để đưa về khoản 1 điều này để đảm bảo tính rõ ràng trong quá trình thực hiện. |  |  |  |
| 4. Ngoài việc bồi thường thiệt hại theo quy định tại các khoản 1, 2 và khoản 3 Điều này, doanh nghiệp còn phải hoàn lại cho người gửi toàn bộ tiền cước và chi phí đã thu. |  | Đề nghị đưa khoản 4 Điều 38 của Thông tư 78 về khoản 3 điều này. |  |  |  |
| 5. Hành khách, người gửi bao gửi và doanh nghiệp thỏa thuận về các hình thức và mức bồi thường được quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 của Điều này hoặc bằng các hình thức và mức bồi thường khác mà hai bên thống nhất thực hiện, trường hợp không thỏa thuận được thì việc bồi thường được thực hiện theo quy định tại Điều 39 của Thông tư này. |  | Đề nghị sửa đổi bổ sung khoản 5 Điều 38 của Thông tư 78 để đưa về khoản 2 điều này. |  |  |  |
|  | **2. Việc bồi thường thiệt hại hành lý bị mất mát, hư hỏng, hủy hoại và các chi phí phát sinh khác liên quan được thực hiện như sau:** | Đề nghị bổ sung thêm khoản 2 Điều này để xử lý các trường hợp phải bồi thường thiệt hại hành lý bị mất mát, hư hỏng, hủy hoại và các chi phí phát sinh. |  |  | **2. Việc bồi thường thiệt hại hành lý ký gửi bị mất mát, hư hỏng, thiếu hụt do lỗi của doanh nghiệp và các chi phí phát sinh khác có liên quan được thực hiện như sau:** |
|  | **a) Doanh nghiệp và hành khách có hành lý thỏa thuận về hình thức và mức bồi thường thiệt hại.** |  |  |  | a) Doanh nghiệp và hành khách có hành lý thỏa thuận về hình thức và mức bồi thường thiệt hại; |
|  | **b) Trong trường hợp hai bên không thỏa thuận được theo quy định tại điểm a khoản này thì thực hiện theo quy định của Luật Đường sắt và Bộ luật dân sự hiện hành.** | Tại Điều 426 của Luật dân sự số: 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 có quy định của bên vi phạm hợp đồng khi làm mất, hư hỏng tài sản phải có trách nhiệm bồi thường đối với giá trị của tài sản bị mất, bị hư hỏng.  Vì vậy đề xuất không cần thiết phải nêu các trường hợp cụ thể giải quyết đền bù trong Thông tư này do đã có pháp luật về dân sự quy định. |  |  | b) Trong trường hợp hai bên không thỏa thuận được theo quy định tại điểm a khoản này thì thực hiện theo quy định của Luật Đường sắt và Bộ luật dân sự hiện hành. |
|  | **3. Ngoài việc bồi thường thiệt hại theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, doanh nghiệp còn phải hoàn lại cho hành khách có hành lý ký gửi toàn bộ tiền cước và chi phí đã thu đối với hành lý ký gửi bị mất mát, hư hỏng, thiếu hụt.** |  |  |  | 3. Ngoài việc bồi thường thiệt hại theo quy định tại các khoản 1, khoản 2 Điều này, doanh nghiệp còn phải hoàn lại cho hành khách có hành lý ký gửi toàn bộ tiền cước và chi phí đã thu đối với hành lý ký gửi bị mất mát, hư hỏng, thiếu hụt. |
|  | §iÒu 28. MiÔn tr¸ch nhiÖm båi th­êng thiÖt h¹i | Đề nghị bổ sung thêm Điều này để quy định các trường hợp miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại do các nguyên nhân khách quan có thể xảy ra trong thực tế và do bất khả kháng. | **Vụ Pháp chế**  Điều 28 đề nghị bổ sung quy định doanh nghiệp xây dựng, niêm yết công khai các quy định cụ thể để giải quyết các trường hợp bồi thường thiệt hại trong quá trình vận chuyển hành khách, hành lý để đảm bảo thuận tiện cho hành khách, đồng thời có cơ sở để các cơ quan nhà nước giám sát hoạt động của doanh nghiệp, có cơ sở giải quyết tranh chấp khi xảy ra. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo  Lý do:  Nội dung góp ý của Vụ Pháp chế đã được bổ sung tại Khoản 4 Điều 22 của Dự thảo này. | Điều 30. Miễn trách nhiệm bồi thương thiệt hại |
|  | **Doanh nghiệp được miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại hành lý ký gửi bị mất mát, hư hỏng, thiếu hụt trong quá trình vận chuyển trong những trường hợp sau đây:** |  |  |  | Doanh nghiệp được miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại hành lý ký gửi bị mất mát, hư hỏng, thiếu hụt trong quá trình vận chuyển trong những trường hợp sau đây: |
|  | **1. Hành lý ký gửi bị thiếu hụt do đặc tính tự nhiên của hành lý.** | Nội dung này nhằm quy định cho những loại hành lý dễ bị thiếu hụt trọng lượng trong quá trình vận chuyển như nông sản tươi. |  |  | 1. Hành lý ký gửi bị thiếu hụt do đặc tính tự nhiên của hành lý; |
|  | **2. Hành lý ký gửi bị mất mát, hư hỏng, thiếu hụt do lỗi của hành khách.** |  |  |  | 2. Hành lý ký gửi bị mất mát, hư hỏng, thiếu hụt do lỗi của hành khách. |
|  | **3. Hành lý ký gửi bị mất mát, hư hỏng, thiếu hụt do xảy ra sự kiện bất khả kháng** |  | **Công ty CPVTĐS Sài Gòn**  Đề nghị thay cụm từ “…xảy ra sự kiện bất khả kháng” thành “trường hợp bất khả kháng”. | Đồng ý tiếp thu có chỉnh sửa dùng cụm từ “nguyên nhân” thay cho cụm từ “sự kiện”. | 3. Hành lý ký gửi bị mất mát, hư hỏng, thiếu hụt do xảy ra **nguyên nhân** bất khả kháng. |
| **Điều****39. Giải quyết tranh chấp** | **Điều 29. Giải quyết tranh chấp** | Đề nghị giữ nguyên tên Điều 39 của Thông tư 78 chuyển sang điều này để hướng dẫn cho doanh nghiệp và hành khách có hành lý ký gửi để thực hiện. | **Tổng công ty ĐSVN**  Đề nghị bỏ Điều 29 vì quy định này là thỏa thuận dân sự được điều chỉnh bởi Bộ luật dân sự; | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo  Lý do: Điều này hướng dẫn việc giải quyết tranh chấp phát sinh giữa hành khách và doanh nghiệp trong quá trình vận chuyển theo quy định của pháp luật. | **Điều 31. Giải quyết tranh chấp** |
| 1. Trong quá trình vận tải hành khách, hành lý ký gửi, bao gửi bằng đường sắt, nếu phát sinh sự cố làm ảnh hưởng đến lợi ích của các bên thì doanh nghiệp và hành khách, người gửi bao gửi giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải hoặc yêu cầu Trọng tài giải quyết hoặc khởi kiện tại Tòa án. Trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định của pháp luật. | 1. Trong quá trình vận tải hành khách, hành lý ký gửi bằng đường sắt, nếu phát sinh sự cố làm ảnh hưởng đến lợi ích của các bên thì doanh nghiệp và hành khách có hành lý ký gửi giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải hoặc khởi kiện tại Tòa án. | Sửa đổi bổ sung khoản 1 Điều 39 của Thông tư 78 để rõ ràng trong quá trình thực hiện;  Bỏ cụm từ “bao gửi” vì đây thuộc vận tải hàng hóa không thuộc phạm vi điều chỉnh của thông tư này theo quy định của Luật đường sắt. |  |  | 1. Trong quá trình vận tải hành khách, hành lý ký gửi bằng đường sắt, nếu phát sinh sự cố làm ảnh hưởng đến lợi ích của các bên thì doanh nghiệp và hành khách có hành lý ký gửi giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải hoặc khởi kiện ra Tòa án. |
| 2. Thời hạn khiếu nại, thời hiệu khởi kiện được thực hiện theo quy định tại Điều 110 và Điều 111 của Luật Đường sắt. | 2. Trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định của pháp luật. | Sửa đổi bổ sung khoản 2 Điều 39 của Thông tư 78 để rõ ràng trong quá trình thực hiện; |  |  | 2. Trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định của pháp luật. |
|  | **Chương V**  **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG VẬN TẢI HÀNH KHÁCH, HÀNH LÝ BẰNG ĐƯỜNG SẮT** |  |  |  | **Chương V**  **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG VẬN TẢI HÀNH KHÁCH, HÀNH LÝ BẰNG ĐƯỜNG SẮT** |
|  | **Điều 30. Đối với Cục Đường sắt Việt Nam** |  | **2. Tổng công ty ĐSVN**  Đề nghị sửa, bổ sung tên điều là “Trách nhiệm của ...” để xác định rõ nội dung trách nhiệm trong từng Điều; | Đồng ý tiếp thu | **Điều 32. Trách nhiệm của Cục Đường sắt Việt Nam** |
|  | 1. Tổng hợp số liệu thống kê công tác vận tải hành khách, hành lý do các doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách trên đường sắt quốc gia và trên đường sắt chuyên dùng có kết nối ray với đường sắt quốc gia báo cáo và định kỳ báo cáo Bộ GTVT theo quy định. |  |  |  | 1. Tổng hợp số liệu thống kê công tác vận tải hành khách, hành lý do các doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách trên đường sắt quốc gia và trên đường sắt chuyên dùng có kết nối ray với đường sắt quốc gia báo cáo và định kỳ báo cáo Bộ Giao thông vận tải theo quy định. |
|  | 2. Chủ trì phối hợp với cơ quan chức năng để kiểm tra, giám sát, hướng dẫn các tổ chức cá nhân trong quá trình thực hiện thông tư này. |  |  |  | 2. Chủ trì phối hợp với cơ quan chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn các tổ chức cá nhân trong quá trình thực hiện thông tư này. |
|  | **Điều 31. Đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách, hành lý** |  | **1. Tổng Cục ĐBVN:**  Rà soát, loại bỏ một số quy định về trách nhiệm đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách, hành lý tại Điều 31 Dự thảo Thông tư như: Thực hiện việc cấp vé đi tàu trong các trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 11 của Thông tư này; thực hiện các trách nhiệm khác của doanh nghiệp theo quy định của Thông tư này và của pháp luật có liên quan...;  **2. Tổng công ty ĐSVN**  Đề nghị sửa, bổ sung tên điều là “Trách nhiệm của ...” để xác định rõ nội dung trách nhiệm trong từng Điều;  **3. Vụ Pháp chế**  Trong dự thảo Thông tư này, đối với các quy định cụ thể tại Điều 31 (trách nhiệm “đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách, hành lý”) đề nghị chuyển vào từng Điều trong dự thảo. | 1. Đề nghị giữ nguyên như thảo  Lý do: Hướng dẫn các chi tiết doanh nghiệp càng dễ thực hiện.  - Trong Điều này không có nội dung trùng lập  2. Đồng ý tiếp thu  3. Đồng ý tiếp thu | **Điều 33. Trách nhiệm của doanh nghiệp** |
|  | 1. Niêm yết tại ga đường sắt, các điểm bán vé tàu và công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc trang thông tin điện tử của doanh nghiệp những thông tin sau: | - Bổ sung nội dung này phù hợp với Điều 53 Luật đường sắt 2017.  - Quy định này nhằm đảm bảo tính công khai minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi cho hành khách sử dụng dịch vụ vận tải bằng đường sắt. |  |  | 1. Niêm yết tại ga đường sắt, các điểm bán vé tàu và công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc trang thông tin điện tử của doanh nghiệp những thông tin sau: |
|  | a) Giờ tàu, giá vé hành khách, hành lý ký gửi trước thời điểm áp dụng. |  |  |  | a) Giờ tàu, giá vé hành khách, hành lý ký gửi trước thời điểm áp dụng; |
|  | b) Hàng hóa là hành lý ký gửi bị nghiêm cấm trong hoạt động đường sắt |  |  |  | b) Hàng hóa là hành lý ký gửi bị nghiêm cấm trong hoạt động đường sắt ; |
|  | c) Hàng hóa là hành lý ký gửi phải thực hiện theo quy định của Điều 62, Điều 63, Điều 64 của Luật Đường sắt số 06/2017/QH14. |  | **Phong PC-TT – Cục ĐSVN (đơn vị thẩm định Hồ sơ)**  Tại điểm c khoản 1 Điều 33  đề nghị bỏ *“số 06/2017/QH14”* cho phù hợp. | Đồng ý tiếp thu | c) Hàng hóa là hành lý ký gửi phải thực hiện theo quy định của Điều 62, Điều 63, Điều 64 của Luật Đường sắt; |
|  | d) Chủng loại hàng hóa, khối lượng tối đa cho phép của hành lý xách tay được vận chuyển miễn phí; quy cách đóng gói hành lý ký gửi. |  |  |  | d) Chủng loại hàng hóa, khối lượng tối đa cho phép của hành lý xách tay được vận chuyển miễn phí; quy cách đóng gói hành lý ký gửi; |
|  | đ) Các quy định của doanh nghiệp liên quan đến việc thực hiện thông tư này. |  |  |  | đ) Các quy định của doanh nghiệp liên quan đến việc thực hiện Thông tư này. |
|  | 2. Không xếp chỗ cho hành khách vượt quá số chỗ cho phép của toa xe; | Đề nghị bổ sung thêm Khoản 6 và chuyển nội dung điểm a Khoản 1 Điều 12 Thông tư 78 về Khoản 6 Điều này. | **1. Công ty CPVTĐS Sài Gòn**  Đề nghị Khoản 2 đề nghị điều chỉnh như sau: Trong trường hợp do nhu cầu đi lại của hành khách trong các dịp cao điểm như Lễ, Tết, Hè hoặc do ách tắc giao thông doanh nghiệp kinh doanh vận tải được phép xếp chỗ cho hành khách vượt số chỗ trên toa xe nhưng không được phép vượt quá tải trọng cho phép của toa xe và phải được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền”.  **2. Tổng công ty ĐSVN**  Cần có cơ chế mở “bán ghế phụ” để tạo điều kiện cho doanh nghiệp phục vụ hành khách đi tàu vào các dịp lễ, tết hoặc giải quyết các trường hợp hành khách cố tình lên tàu trong khi đã hết chỗ nhân viên phát hiện khi tàu đang chạy trên đường, dồn chuyển hành khách khi có sự cố toa xe phải cắt lại | 1. Đồng ý tiếp thu có chỉnh sửa  2. Trùng với ý kiến của Công ty CPVTĐS Sài Gòn, đã tiếp thu đã chỉnh sửa. | 2. Trong các dịp cao điểm như Lễ, Tết, Hè hoặc do ách tắc giao thông doanh nghiệp được phép xếp chỗ cho hành khách vượt số chỗ trên toa xe nhưng không được phép vượt quá tải trọng cho phép của toa xe, cầu đường và phải được sự cho phép bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền. |
|  | 3. Phục vụ vận tải đảm bảo an toàn, an ninh cho hành khách đi tàu. |  |  |  | 3. Phục vụ vận tải đảm bảo an toàn, an ninh cho hành khách đi tàu. |
|  | 4. Thực hiện việc cấp vé đi tàu trong các trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 11 của Thông tư này. | Như giải thích tại Điều 11 cấp vé đi tàu trong trường hợp đặc biệt của thông tư này. |  |  | 4. Thực hiện việc cấp vé đi tàu trong các trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 11 của Thông tư này. |
|  | 5. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về số liệu thống kê công tác vận tải hành khách, hành lý do doanh nghiệp thực hiện gửi Cục đường sắt Việt Nam để báo cáo Bộ GTVT theo quy định. | Quy định này để phù hợp với thông tư [Thông tư 58/2014/TT-BGTVT](http://www.binhphuoc.gov.vn/3cms/upload/binhphuoc/File/2015/VB%20TW/58_2015_TT-BGTVT_294227.pdf) ngày 27/10/2014 quy định chế độ báo cáo thống kê tổng hợp ngành GTVT. |  |  | 5. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về số liệu thống kê công tác vận tải hành khách, hành lý do doanh nghiệp thực hiện gửi Cục Đường sắt Việt Nam để báo cáo Bộ Giao thông vận tải theo quy định. |
|  | 6. Doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách, hành lý trên đường sắt quốc gia có trách nhiệm là đầu mối chủ trì trong việc tổ chức chạy tàu vận chuyển hành khách hành lý từ đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia. | Vận tải hành khách đòi hỏi phải đảm bảo an toàn tuyệt đối và tập chung tốt nhất cần thiết phải quy định đầu mối chủ trì tổ chức vận tải hành khách trong trường hợp từ đường sắt chuyên dùng ra đường sắt quốc gia. |  |  | 6. Doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách, hành lý trên đường sắt quốc gia có trách nhiệm là đầu mối chủ trì trong việc tổ chức chạy tàu vận chuyển hành khách hành lý từ đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia. |
|  | 7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Tổ chức hợp tác đường sắt Quốc tế mà Việt Nam là thành viên; quy định của nghị định thư hiệp định đường sắt biên giới Việt Nam – Trung Quốc hàng năm. | - Hiệp ước của Tổ chức hợp tác đường sắt Quốc tế đều có quy định công tác vận tải hành khách, hành lý trên các tuyến đường sắt của các nươc có tham gia tổ chức đường sắt Quốc tế này.  - Hàng năm đường sắt Việt Nam và Trung Quốc duy trì hội nghị nghị định thư đường sắt biên giới hai nước trong đó có nội dung vận tải hành khách. Mọi tổ chức cá nhân đều có trách nhiệm thực hiện. |  |  | 7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Tổ chức OSJD; quy định của Nghị định thư hiệp định đường sắt biên giới Việt Nam - Trung Quốc hàng năm. |
|  | 8. Thực hiện các trách nhiệm khác của doanh nghiệp theo quy định của thông tư này và của pháp luật liên quan. |  |  |  | 8. Thực hiện các trách nhiệm khác của doanh nghiệp theo quy định của Thông tư này và của pháp luật liên quan. |
|  | **Điều 32. Đối với hành khách** | Đề nghị sửa nội dung tên Điều 6 Thông tư 78 như dự thảo cho phù hợp với tên Đề cương chi tiết được Bộ GTVT duyệt | **1.Vụ Vận tải:**  Đề nghị bổ sung thêm quy định về quyền của hành khách.  **2. Tổng Cục ĐBVN:**  Đề nghị chuyển các quy định về trách nhiệm của hành khách tại Điều 32 Dự thảo Thông tư lên Chương II; quy định về điều kiện để vận chuyển hành khách.  **3. Công ty CPVTĐS Hà Nội**  Đề nghị bổ sung thêm nội dung: "Trước khi mua vé hành khách phải tìm hiểu kỹ các thông tin liên quan đến quy định về mua vé và đi tàu. Hành khách có quyền yêu cầu doanh nghiệp giải thích các quy định mà hành khách chưa hiểu”.  **4. Tổng công ty ĐSVN**  Đề nghị sửa, bổ sung tên điều là “Trách nhiệm của ...” để xác định rõ nội dung trách nhiệm trong từng Điều;  **5. Vụ Pháp chế**  Trong dự thảo Thông tư này, đối với các quy định cụ thể tại Điều 32 (trách nhiệm “đối với hành khách”) đề nghị chuyển vào từng Điều trong dự thảo. | 1. Đồng ý tiếp thu và bổ sung khoản 1 Điều này và chỉnh sửa thứ tự tên các điểm, khoản trong Điều này của dự thao mới.  2. Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo đề phù hợp với đề cương đã được Bộ GTVT phê duyệt tại văn bản số 10020/BGTVT-VT ngày 05/9/2017.  - Nôi dung tại Điều 32 của Dự thảo Thông tư nay quy định về trách nhiệm của của hành khách khác với các nội dung quy định tại Chương II.  3. Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo  Lý do: Tại Điều 4 đã quy định doanh nghiệp phải thông báo công khai và hướng dẫn cho hành khách mua vé.  4. Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo  Lý do: Tên Chương V đã bao hàm đẩy đủ ý nghĩa trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân.  5. Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo  Lý do: Đề phù hợp với Đề cương đã được Bộ GTVT phê duyệt tại văn bản số 10020/BGTVT-VT ngày 05/9/2017. | **Điều 34. Quyền, nghĩa vụ của hành khách** |
|  |  |  |  |  | **1. Hành khách có các quyền sau:** |
|  |  |  |  |  | **a) Được quyền từ chối đi tàu, gửi hành lý, khi:** |
|  |  |  |  |  | Doanh nghiệp vi phạm quy định của Thông tư này hoặc các quy định khác thuộc trách nhiệm mà vi phạm đó có thể gây nguy hại trực tiếp hoặc gián tiếp đến tính mạng, sức khỏe; làm hư hỏng, mất mát hành lý ký gửi của bản thân hành khách hoặc của người khác. |
|  |  |  |  |  | Doanh nghiệp không vận chuyển đúng chuyến tàu, đúng thời gian ghi trên vé nhưng không thương lượng được với hành khách, người gửi bao gửi để thay đổi; |
|  |  |  |  |  | b) Ngoài các quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, hành khách, người gửi hành lý ký gửi còn có các quyền quy định tại khoản 1 Điều 60 của Luật Đường sắt và các văn bản pháp luật có liên quan. |
|  | Hành khách đi tàu phải có trách nhiệm sau đây: | Đề nghị ghép nội dung khoản 1,2,3 Điều 6 Thông tư 78 thành Khoản 1 Điều này và bố cục như dự thảo  Lý do:  1. Phù hợp với quy định của Luật Ban hành các văn bản QPPL số 80/2015/QH13;  2. Nội dung khoản 1,2,3 Điều 6 cũ thực chất là quy định việc thanh toán tiền cước và các chi phí phát sinh trước, trong quá trình vận chuyển. Gộp lại như vậy vừa ngắn, gọn và dễ áp dụng hơn. |  |  | 2. Hành khách **có nghĩa vụ** sau đây: |
|  | 1. Thanh toán các chi phí theo quy định của doanh nghiệp trước khi được vận chuyển. Trong quá trình vận chuyển nếu có phát sinh chi phí phải thanh toán cho doanh nghiệp. |  |  |  | a) Thanh toán các chi phí theo quy định của doanh nghiệp trước khi được vận chuyển. Trong quá trình vận chuyển nếu có phát sinh chi phí phải thanh toán cho doanh nghiệp; |
|  | 2. Có vé đi tàu hợp lệ; |  | **Vụ Hợp tác quốc tế**  Đề nghị bỏ khoản 2 do khoản 5 đã bao gồm khoản 2 | Đề nghị giữ nguyên nguyên như Dự thảo  Lý do:Tại khoản 5 quy định khi hành khách vào ga lên tàu phải xuất trình vé và giấy tờ hợp lệ cho nhân viên đường sắt có trách nhiệm để kiểm tra trước khi khi vào ga, tram lên tàu và ở trên tàu.  - Cục ĐSVN sửa đổi, bổ sung cho rõ nghĩa | b) Có vé đi tàu hợp lệ; |
|  | 3. Chấp hành nội quy đi tàu của doanh nghiệp. |  |  |  | c) Chấp hành nội quy đi tàu của doanh nghiệp. |
|  | 4.Trẻ em từ đủ 10 tuổi trở xuống (nếu không xác định được tuổi thì có chiều cao dưới 1,32 m) đi tàu phải có người lớn đi kèm. |  | **Tổng công ty ĐSVN**  đề nghị sửa: trẻ em từ 6 tuổi phải có người lớn đi kèm... cho phù hợp với nội dung Dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ĐS | Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo  Lý do: Hiện nay, Thông tư 78 đang thực hiện chưa tồn tại, bất cập. | d) Trẻ em từ đủ 10 tuổi trở xuống (nếu không xác định được tuổi thì có chiều cao dưới 1,32 m) đi tàu phải có người lớn đi kèm. |
|  | 5. Xuất trình đầy đủ vé và giấy tờ hợp lệ cho các nhân viên đường sắt theo **quy định của doanh nghiệp** |  |  | Sửa đổi Điều này để phù hợp với thực tế vì hiện nay ở các ga không thực hiện kiểm soát vé vào ga, ra ga, trạm. Tuy nhiên khi có yêu cầu của nhân viên thuộc doanh nghiệp thì hành khách vẫn phải xuất trình vé và các giấy tờ hợp lệ để kiểm tra. | đ) Khi có yêu cầu của nhân viên của doanh nghiệp, người đi tàu có trách nhiệm xuất trình vé và giấy tờ hợp lệ khi vào, ra ga, trạm, khi lên tàu, khi ở trên tàu; |
|  | 6. Người say rượu, người mất trí, người có bệnh truyền nhiễm, người có bệnh tật mà bác sỹ chỉ định không di chuyển hoặc xét thấy có thể nguy hiểm đến bản thân người đó khi đi tàu phải có người đi cùng trông nom và người có bệnh truyền nhiễm đã được cách ly an toàn. | Đề nghị bổ sung thêm Khoản 7 và chuyển nội dung điểm d Khoản 1 Điều 5, Thông tư 78 về nội dung nàyvì : Nội dung này trong quá trình thực hiện Thông tư 78 chưa xuất hiện tồn tại bất cập cần bổ sung, sửa đổi |  |  | e) Người say rượu, người mất trí, người có bệnh truyền nhiễm, người có bệnh tật mà bác sỹ chỉ định không di chuyển hoặc xét thấy có thể nguy hiểm đến bản thân người đó khi đi tàu phải có người đi cùng trông nom và người có bệnh truyền nhiễm đã được cách ly an toàn; |
|  | 7. Ngoài các trách nhiệm quy định tại các Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6 Điều này hành khách đi tàu còn phải thực hiện các quy định khác của pháp luật có liên quan. | Sửa đổi lại cho phù hợp với việc trích xuất các quy định của Pháp Luật.và giữ nguyên nội dung như | **Phong PC-TT – Cục ĐSVN (đơn vị thẩm định Hồ sơ)**  Tại điểm g khoản 2 Điều 34 đề nghị bỏ *“số 06/2017/QH14”* cho phù hợp |  | g) Ngoài các nghĩa vụ quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, khoản 2 Điều này hành khách đi tàu còn phải thực hiện các quy định khác tại Khoản 2, Điều 60 Luật Đường sắt và các văn bản pháp luật khác có liên quan. |
|  | **Điều 33. Chế độ báo cáo** | Đề xuất  Đề xuất gộp các nội dung tên các Điều 28,29 chương VI (Đề cương chi tiết) thành 01 Điều như dự thảo và đưa vào Điều này. Vì:  1. Cho phù hợp với bố cục, nội dung của thông tư  2. Nội dung này thực chất quy định về trách nhiệm của các tổ chức cá nhân có liên quan đến hoạt động vận tải do đó đưa vào chương này là phù hợp. |  |  | **Điều 35. Chế độ báo cáo** |
|  | 1. Số liệu thống kê công tác vận tải hành khách, hành lý do doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách báo cáo về cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành đường sắt phải được thực hiện theo định kỳ (hàng tháng, quý, năm) hoặc đột xuất theo yêu cầu | Cần bổ sung mới quy định này vì:  - Hiện nay hàng tháng, quý, năm Bộ GTVT đều có yêu cầu Cục ĐSVN báo cáo thống kê công tác vận tải hành khách, hành lý.  - Làm cơ sở cho doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành duy trì chế độ báo cáo theo yêu cầu của Bộ. | **Vụ Hợp tác quốc tế:**  Đề nghị ghi rõ “ Cơ quan quản lý nhà chuyên ngành đường sắt thành “Cục Đường sắt Việt Nam” | Đồng ý tiếp thủ và sửa đổi bổ sung như Dự thảo mới | 1. Số liệu thống kê công tác vận tải hành khách, hành lý do doanh nghiệp báo cáo về **Cục Đường sắt Việt Nam** phải được thực hiện theo định kỳ (hàng tháng, quý, năm) hoặc đột xuất theo yêu cầu. |
|  | 2. Kỳ báo cáo  a) Báo cáo tháng: Từ ngày 01 đến ngày cuối cùng của tháng  b) Báo cáo quý: Từ ngày 01 của tháng đầu quý đến ngày cuối của tháng cuối quý.  c) Báo cáo năm: Từ ngày 01 tháng 01 của năm đến hết ngày 31 tháng 12 của năm. |  |  | 2. Kỳ báo cáo  a) Báo cáo tháng: Từ ngày 01 đến ngày cuối cùng của tháng;  b) Báo cáo quý: Từ ngày 01 của tháng đầu quý đến ngày cuối của tháng cuối quý;  c) Báo cáo năm: Từ ngày 01 tháng 01 của năm đến hết ngày 31 tháng 12 của năm. |
|  | 3. Thời gian báo cáo: Trước ngày 10 của tháng liền kề của kỳ báo cáo. |  |  | 3. Thời gian báo cáo: Trước ngày 10 của tháng liền kề của kỳ báo cáo. |
|  | 4. Nội dung, biểu mẫu báo cáo: Theo Phụ lục số 1, 2 của Thông tư này và các biểu mẫu khác được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật (nếu có). |  |  | 4. Nội dung, biểu mẫu báo cáo: Theo Phụ lục số 1, 2 của Thông tư này và các biểu mẫu khác được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật (nếu có). |
| **Chương****VII**  **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH** | **Chương VI**  **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH** |  |  |  | **Chương VI**  **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH** |
| **Điều****40. Hiệu Iực thi hành** | **Điều 34. Hiệu Iực thi hành** |  |  |  | **Điều 36. Hiệu Iực thi hành** |
| 1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 02 năm 2015. | 1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2018. |  |  |  | 1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2018. |
| 2. Bãi bỏ Quyết định số [01/2006/QĐ-BGTVT](http://vbpl.vn/tw/pages/vbpq-timkiem.aspx?type=0&s=1&Keyword=01/2006/Q%C4%90-BGTVT&SearchIn=Title,Title1&IsRec=1&pv=0) ngày 04 tháng 01 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về việc vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường sắt quốc gia. | 2.Thông 78/2014/TT-BGTVT ngày 24 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về việc vận tải hành khách, hành lý bao gửi trên đường sắt quốc gia hết hiệu lực từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành. |  | **Tổng Cục ĐBVN**  Điều 34 Dự thảo Thông tư đề nghị sửa như sau:  “Thông tư này cỏ hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018; thay thế Thông tư số 78/2014/TT-BGTVT ngày 24 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về việc vận tải hành khách, hành lý bao gửi trên đường sắt quốc gia. | Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo vì:  - Thông tư số 78/2014/TT-BGTVT hướng dẫn Luật ĐS 2005  - Thông tư này hướng dẫn Luật ĐS 06/2017/QH14 vì vậy không phải là Thông tư thay thế.  - Kết cấu này phù hợp với kết cấu của Điều 86 Luật Đường sắt 06/2017/QH14. | 2.Thông 78/2014/TT-BGTVT ngày 24 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về việc vận tải hành khách, hành lý bao gửi trên đường sắt quốc gia hết hiệu lực từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành. |
| **Điều****41. Tổ chức thực hiện** | **Điều 35. Tổ chức thực hiện** |  |  |  | **Điều 37. Tổ chức thực hiện** |
| 1. Cục Đường sắt Việt Nam có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan tổ chức triển khai kiểm tra việc thực hiện Thông tư này. | Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./. |  |  |  | Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./. |
| 2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./. |  |  |  |  |  |